

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHÙNG THỊ THU TRANG

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG VIỆC GIẢM THIỂU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

PHÙNG THỊ THU TRANG

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG VIỆC GIẢM THIỂU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã ngành: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài nghiên cứu “*Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội*” là nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả trong luận văn là hoàn toàn trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2019

Tác giả

Phùng Thị Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được luận văn này, trước tiên, tôi xin được gửi lời cảm ơn đến tất cả quý thầy cô đã giảng dạy trong chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Công tác xã hội - Trường Đại học Lao động – Xã hội, những người đã truyền đạt cho tôi kiến thức hữu ích nói chung và về Công tác xã hội nói riêng làm cơ sở cho tôi thực hiện luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Nguyễn Thị Hương – người hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn cho tôi trong suốt thời gian thực hiện luận văn này. Với sự quan tâm chỉ bảo và sự góp ý chân thành của cô đã cho tôi rất nhiều kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cũng như có thể tiến bộ hơn trong những bước nghiên cứu tiếp theo.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu và các phòng chuyên môn, các thầy cô giáo, các em học sinh của trường THCS Phan Đình Giót – Thanh Xuân và THCS Dân lập Lê Quý Đôn – Nam Từ Liêm đã tạo điều kiện, tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập dữ liệu, thông tin của luận văn tại trường.

Do thời gian có hạn và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học chưa nhiều nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý Thầy/Cô giúp tôi hoàn thiện luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	VI
DANH MỤC BIỂU ĐỒError! Bookmark not defined.VIII
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	1
2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	3
3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.....	10
4. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	11
5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	12
6. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN.....	15
7. KẾT CẤU LUẬN VĂN.....	16
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ.	17
1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	17
1.1.1. Khái niệm vai trò.....	17
1.1.2. Khái niệm nhân viên công tác xã hội.....	17
1.1.3. Khái niệm vai trò nhân viên công tác xã hội.....	18
1.1.4. Khái niệm giảm thiểu hành vi gây hấn.....	18
1.1.5. Khái niệm học sinh trung học cơ sở.....	19
1.1.6. Khái niệm vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.....	20
1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.....	20
1.2.1. Vai trò điều phối.....	20
1.2.2. Vai trò giáo dục.....	22

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên công tác xã hội	254
1.3.1. Yếu tố học sinh.....	25
1.3.2. Yếu tố gia đình.....	25
1.3.3. Yếu tố nhân viên công tác xã hội.....	25
1.3.4. Yếu tố nhà trường.....	25
1.3.5. Yếu tố chính sách pháp luật.....	25
1.4. Các lý thuyết nhân viên công tác xã hội áp dụng trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.	25
1.4.1. Thuyết hành vi về tính gây hấn.....	25
1.4.2. Thuyết hệ thống.....	30
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH THCS PHAN ĐÌNH GIÓT VÀ THCS DÂN LẬP LÊ QUÝ ĐÔN, HÀ NỘI.....	34
2.1. Vài nét khái quát về trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.....	34
2.1.1. Trường trung học cơ sở Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.....	34
2.1.2. Trường trung học cơ sở Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.....	36
2.2. Thực trạng vai trò điều phối và vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.	37
2.2.1. Thực trạng hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.....	37
2.2.2. Thực trạng vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.....	73

2.2.3. Thực trạng vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.	82
2.2.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.	91
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	96
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ, KẾT LUẬN.....	97
3.1. Giải pháp để thực hiện tốt hơn vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội.	97
3.1.1. Với học sinh.	97
3.1.2. Với gia đình.....	98
3.1.3. Với nhân viên công tác xã hội.	99
3.1.4. Với nhà trường.	100
3.2. Khuyến nghị.....	97
3.2.1. Đối với học sinh.	97
3.2.2. Đối với gia đình.....	97
3.2.3. Đối với nhân viên công tác xã hội.....	97
3.2.4. Đối với nhà trường.	97
3.2.5. Đối với phòng công tác xã hội học đường.....	97
3.2.6. Đối với nhà quản lý giáo dục.	97
3.2.7. Đối với chính sách, pháp luật nhà nước.	97
3.3. Áp dụng nghiên cứu thực tế tại trường THCS Phan Đình Giót, và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.	104
3.3.1. Trường hợp 1.....	104
3.3.2. Trường hợp 2.....	106
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.....	109

KẾT LUẬN.....	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	112
PHỤ LỤC	116

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Các từ viết tắt</i>	<i>Nghĩa của các từ viết tắt</i>
1	CTXH	Công tác xã hội
2	CTXHHĐ	Công tác xã hội học đường
3	CTXHTH	Công tác xã hội trường học
4	GHHĐ	Gây hấn học đường
5	HVGH	Hành vi gây hấn
6	NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội
7	THCS	Trung học cơ sở

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Học sinh THCS Phan Đình Giót biết về hành vi gây hấn.....	38
Bảng 2.2: Nhận thức về nguồn gốc gây ra HVGH của học sinh THCS Phan Đình Giót.	39
Bảng 2.3: Học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn biết về hành vi gây hấn.	40
Bảng 2.4: Nhận thức về nguồn gốc gây ra HVGH của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.....	41
Bảng 2.5: Biểu hiện các hành vi gây hấn đang xảy ra tại trường THCS Phan Đình Giót.	43
Bảng 2.6: Mức độ biểu hiện gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót. ..	45
Bảng 2.7: Các biểu hiện của học sinh THCS Phan Đình Giót khi phát hiện hoặc chứng kiến HVGH.	48
Bảng 2.8: Biểu hiện các hành vi gây hấn đang xảy ra tại trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn.....	49
Bảng 2.9 : Mức độ biểu hiện gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	51
Bảng 2.10: Các biểu hiện của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn khi phát hiện hoặc chứng kiến HVGH	53
Bảng 2.11: Nhận thức về cách thức giảm thiểu HVGH của học sinh THCS Phan Đình Giót.....	60
Bảng 2.12. Một số biện pháp giảm thiểu HVGH qua đánh giá của học sinh THCS Phan Đình Giót.....	62
Bảng 2.13: Nhận thức về việc phòng ngừa và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ GHHD của học sinh THCS Phan Đình Giót.....	64
Bảng 2.14: Một số nhận thức về cách thức giảm thiểu HVGH của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	66

Bảng 2.15. Một số biện pháp giảm thiểu HVGH qua đánh giá của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	68
Bảng 2.16: Một số nhận thức về việc phòng ngừa và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ GHHĐ của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	70
Bảng 2.17: Nhận thức về các hoạt động trong vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	74
Bảng 2.18: Nhận thức về các hoạt động trong vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	82

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Biểu hiện của học sinh THCS Phan Đình Giót khi bị gây hấn. .	46
Biểu đồ 2.2: Biểu hiện của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn khi bị gây hấn.	52
Biểu đồ 2.3: Các phương án tự vệ của học sinh THCS Phan Đình Giót khi đối diện với tình huống bị gây hấn.	65
Biểu đồ 2.4: Các phương án tự vệ của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn khi đối diện với tình huống bị gây hấn.	72
Biểu đồ 2.5: Mức độ cần thiết của vai trò điều phối của NVCTXH trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.....	75
Biểu đồ 2.6: Mức độ cần thiết của vai trò điều phối của NVCTXH trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.....	75
Biểu đồ 2.7: Mức độ hiệu quả của vai trò điều phối trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.	80
Biểu đồ 2.8: Mức độ hiệu quả của vai trò điều phối trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.....	81
Biểu đồ 2.9: Mức độ cần thiết của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây gấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.	84
Biểu đồ 2.10 : Mức độ cần thiết của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	85
Biểu đồ 2.11: Mức độ hiệu quả của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.....	89
Biểu đồ 2.12: Mức độ hiệu quả của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.	90

LỜI MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.

Gây hấn và những hành vi gây hấn là hiện tượng tiêu cực của đời sống và đang là một vấn đề vô cùng nhức nhối của toàn xã hội. Hành vi gây hấn đã tồn tại từ lâu dưới nhiều hình thức, cấp độ khác nhau, không ngoại trừ ở bất cứ xã hội và nền văn hóa nào. Bản thân nó có thể gây nên những hậu quả khôn lường làm ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trong đời sống con người.

Ở nước ta, trong lĩnh vực giáo dục cũng đang phải đối mặt và chịu nhiều áp lực nặng nề từ các vấn nạn học đường như bạo lực, bỏ học, tự tử, áp lực học tập, nghiện ngập... mà trong đó hiện tượng gây hấn trong trường học đã và đang hiện hữu vẫn là vấn đề đáng lo ngại không chỉ đối với ngành giáo dục với gia đình học sinh mà cả toàn xã hội nói chung. Trong những năm gần đây, ở nước ta hiện tượng gây hấn riêng ở học sinh THCS không ngừng gia tăng với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Đây là lứa tuổi với nhiều thay đổi về tâm sinh lý của quá trình chuyển tiếp từ tuổi vị thành niên sang tuổi trưởng thành. Qua các phương tiện thông tin đại chúng đã đề cập hàng loạt các vụ việc gây hấn của các học sinh còn ở độ tuổi thiếu niên vẫn thường xuyên diễn ra và có xu hướng ngày càng gia tăng với những hành vi như gây sự, đánh hội đồng, đâm chém bạn chỉ vì những “lý do” như bị liếc mắt, cướp người yêu, mâu thuẫn, hiểu nhầm... gây nên những hậu quả nghiêm trọng trở thành nỗi trăn trở của mỗi gia đình, nhà trường và nỗi lo lắng cho thế hệ tương lai của xã hội. Tại Việt Nam, số liệu được Bộ Giáo dục và đào tạo (GD - ĐT) đưa ra gần đây nhất, trong một năm học toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 5 vụ/ngày). Cũng theo thống kê của Bộ GD - ĐT, cứ khoảng trên 5.200 học sinh (HS) thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 HS thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 9 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau. Theo nghiên cứu mới nhất

của Sở Giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội (nghiên cứu trên 771 em học sinh tại các trường THCS) có 92.6% học sinh có hành vi gây hấn, 6.8% học sinh thi thoảng có hành vi gây hấn, 0.6% học sinh không có hành vi gây hấn.

Hiện nay, khi bàn đến hiện tượng gây hấn, nhận thức về hiện tượng gây hấn và những biện pháp nhằm giảm thiểu hành vi này trong môi trường học đường đã có nhiều đề tài có liên quan đề cập với nhiều cách tiếp cận can thiệp được đưa ra và đã đạt được những kết quả bước đầu, nhưng hiệu quả chưa cao. Đặc biệt các đề tài nghiên cứu về vai trò của nhân viên công tác xã hội với hai vai trò điều phối và vai trò giáo dục. Vì vậy, việc hình thành hướng tiếp cận mới cho vấn đề này với những giải pháp can thiệp đặc thù của CTXH là một vấn đề cần thiết.

Tại địa bàn nghiên cứu là trường THCS Phan Đình Giót – Thanh Xuân - Hà Nội (cơ sở công lập). Theo kết quả báo cáo và thống kê của nhà trường về tỷ lệ học sinh có hành vi gây hấn ở mức cao lên tới (80%) năm học 2017 – 2018. Theo báo cáo thống kê mới nhất về công tác quản lý học sinh liên quan đến tình hình an toàn và nếp sống sinh hoạt năm học 2017 – 2018 tại trường cho biết, nhà trường đã tiến hành khiển trách với 22 em học sinh, cảnh cáo với 18 em học sinh, buộc thôi học có thời hạn (ba ngày, một tuần, một năm) với 3 em học sinh.

Tại địa bàn nghiên cứu là trường THCS Lê Quý Đôn - Nam Từ Liêm – Hà Nội (cơ sở dân lập). Theo kết quả báo cáo và thống kê của nhà trường về tỷ lệ học sinh có hành vi gây hấn lên tới (65%) năm học 2017 – 2018. Theo báo cáo thống kê mới nhất về công tác quản lý học sinh liên quan đến tình hình an toàn và nếp sống sinh hoạt năm học 2017 – 2018 tại trường cho biết, nhà trường đã tiến hành khiển trách với 16 em học sinh, cảnh cáo với 10 em học sinh, buộc thôi học có thời hạn (ba ngày, một tuần, một năm) với 1 em học sinh.

Những hình thức phạt này được áp dụng cho những em có hành vi tiêu

cực đã xảy ra tại trường như: chống đối giáo viên, tự nghỉ học, vi phạm nội quy, bạo lực với thầy cô, bạn bè...

Như vậy với thống kê trên phần nào cho thấy thực trạng học sinh với những biểu hiện tiêu cực tại trường học được khảo sát có liên quan đến hành vi gây hấn là điều báo động và nhất thiết cần có những biện pháp phù hợp và hiệu quả hơn để ngăn ngừa, giảm thiểu những hành vi này chứ không đơn thuần chỉ là xử lý những vụ việc cũng như áp dụng các hình thức phạt khi những hành vi này đã xảy ra.

Xuất phát từ thực tiễn trên, việc lựa chọn đề tài “*Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội*” là cần thiết và có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

2.1. Những nghiên cứu về gây hấn học đường trên thế giới

Theo thống kê trên thế giới, mỗi năm có 6 triệu em trai và 4 triệu em gái có liên quan trực tiếp đến gây hấn học đường. Nhưng thực tế, con số đó đang ngày một tăng lên và những nạn nhân của những vụ việc này thì không phải đã kể hết. Tại Châu Âu, hiện tượng bắt nạt học đường thường xuyên xảy ra ở trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh bắt nạt từ 3% - 10%, với mức độ cao đột biến ở độ tuổi 13 – 14. Ở Anh, trong năm học 2007, cảnh sát buộc phải xuất hiện tại trường học hơn 7.300 lần, nhưng thực sự trên toàn nước Anh, bạo lực học đường có thể lên đến 1000 vụ, do khoảng 1/3 nhân viên cảnh sát quên nhập dữ liệu. Ở Đức, năm 2008 có khoảng 60.000 học sinh tham gia, tăng 2.500 em so với năm trước. Hơn thế, bạo lực băng đảng trên các đường phố cũng đang ngấm dần vào các trường học. Ở Nam Phi, hơn 1/5 học sinh bị tấn công tình dục trong trường học. Ủy ban quyền con người Nam Phi cho biết 40% trẻ em được phỏng vấn tiết lộ các em là nạn nhân của bạo lực học đường. Tại Mỹ, nghiên cứu của hội đồng phòng chống tội phạm quốc gia khẳng định 43% học

sinh cả nam lẫn nữ thuộc độ tuổi từ 13 – 17 tuổi đã từng bị dọa nạt hoặc chế giễu trên Internet.

Công trình nghiên cứu của Wang J và cộng sự năm 2009 được tiến hành tại Mỹ với đề tài: “*Bắt nạt trường học trong thanh thiếu niên tại Hoa Kỳ: thể chất, bằng lời nói, quan hệ, và mạng*” đã nghiên cứu bốn hình thức của hành vi bắt nạt trong trường học ở nhóm thanh thiếu niên Mỹ và mối liên quan với các đặc điểm về mặt nhân học xã hội, hỗ trợ của cha mẹ, và bạn bè đã được khảo sát. Kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng tỷ lệ về hành vi bắt nạt người khác hoặc đã từng bị bắt nạt ở trường học ít nhất một lần trong 2 tháng gần đây là 20,8% về mặt thể chất, 53,6% bằng lời nói, 51,4% về mặt xã hội, hoặc 13,6% về mặt điện tử. Các bạn trai dính líu nhiều hơn vào bắt nạt thể chất hoặc bằng lời nói, trong khi các bạn gái thì bị dính líu nhiều hơn đến các kiểu bắt nạt khác. Các bạn nam có xu hướng là người đi bắt nạt qua mạng, trong khi các bạn gái có xu hướng là nạn nhân của hiên tượng bắt nạt đó. Thanh thiếu niên người Mỹ gốc Phi đã tham gia bắt nạt nhiều hơn (về mặt thân thể, lời nói, hay qua mạng), nhưng lại ít trở thành nạn nhân của những hình thức bắt nạt (bằng lời nói hoặc quan hệ). Từ kết quả nghiên cứu như trên, tác giả cũng đưa ra những kết luận quan trọng. Đó là sự hỗ trợ của cha mẹ có thể bảo vệ thanh thiếu niên khỏi tất cả bốn hình thức bắt nạt. Liên kết bạn bè theo kiểu khác với bắt nạt truyền thống và bắt nạt mạng.

Những nghiên cứu gần đây ở Mỹ đã chỉ ra rằng cứ 7 phút lại có một trẻ em bị bắt nạt. Cứ 4 trẻ em lại có một trẻ thừa nhận đã từng bắt nạt trẻ em khác. Một cuộc thăm dò thực hiện ở trẻ em có độ tuổi từ 12 - 17 cho thấy, các em đều thừa nhận bạo lực đang gia tăng tại trường học của mình. Mỗi tháng có 282.000 học sinh ở các trường THCS Mỹ bị tấn công. Cũng tại Mỹ, nghiên cứu của Hội đồng phòng chống tội phạm quốc gia (NCPC) cũng khẳng định 43% học sinh cả nam lẫn nữ thuộc độ tuổi từ 13 - 17 tuổi từng bị dọa nạt hoặc chế giễu trên mạng internet.

Tại Canada, các trường học được yêu cầu phải có kế hoạch phòng chống gây hấn bao gồm các chương trình huấn luyện đặc biệt dành cho khối cộng đồng trong trường học, nhằm nâng cao nhận thức của học sinh và giáo viên, đồng thời có các biện pháp nhằm ngăn chặn và can thiệp khi vấn đề này xảy ra.

Tại Mỹ, theo phân tích của bộ giáo dục nước này, hầu hết các bang đã đề xuất yêu cầu để phát triển các chính sách nhằm ngăn chặn và can thiệp tình trạng gây hấn nơi trường học. Hơn 10 bang cho phép các trường giải quyết việc bắt nạt xảy ra ngoài trường học miễn là nó ảnh hưởng tới học sinh trong trường. Mỗi bang đều có chính sách riêng để giải quyết vấn đề này, song mục tiêu chính vẫn là các biện pháp ngăn chặn và can thiệp. Ngoài ra có 36 bang đã có các biện pháp để đối phó với tình trạng bắt nạt trên mạng.

Điềm qua các nghiên cứu lí thuyết và thực tiễn về hành vi gây hấn nói chung, hành vi gây hấn học đường nói riêng ở nước ngoài cho thấy, tình trạng gây hấn ở học sinh nói chung và học sinh THCS nói riêng là rất đáng báo động. Các nghiên cứu đó đã đề xuất nhiều biện pháp nhằm mục đích nâng cao nhận thức và giảm thiểu tình trạng gây hấn học đường của học sinh dưới các góc độ y học, tâm lí học, xã hội học, giáo dục học... nhưng chưa triệt để và có hiệu quả trị liệu đến tận gốc. Riêng biện pháp nâng cao nhận thức và giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh dưới góc độ CTXH có thể tác động và giúp đỡ từng cá nhân riêng biệt thì chưa có tác giả nào nghiên cứu một cách đồng bộ cả về lý luận và thực tiễn .

2.2. Những nghiên cứu liên liên quan đến vấn đề gây hấn học đường tại Việt Nam

Ở trong nước vấn đề hành vi gây hấn được nghiên cứu tập trung ở 3 góc độ sau:

Thứ nhất, nhận thức của học sinh về hành vi gây hấn. “*Gây hấn học đường ở học sinh trung học*” – Trần Thị Minh Đức (2010) đã cho thấy gây hấn trong trường học là hiện tượng phổ biến và ngày càng trở nên nguy hiểm.

Do các bậc phụ huynh và nhà trường không dạy cho trẻ một cách có hệ thống cho trẻ em và vị thành niên những khía cạnh khác nhau về vấn đề kỷ luật học đường nên trước những tình huống cụ thể học sinh không nhận biết được giới hạn của hành vi gây hấn, bạo lực... Vì vậy hiện tượng đánh nhau, trấn lột đồ của bạn... vẫn cứ hiển nhiên tồn tại trong các trường học.

Thứ hai, thực trạng hành vi gây hấn trong trường học. Trong bài viết *“Khác biệt giới trong hành vi gây hấn của học sinh”* – Hoàng Xuân Dũng trên Tạp chí Gia đình và Giới số 3/2015 đã đi sâu vào phân tích trình bày những cơ sở khoa học của giới trong hành vi gây hấn. Tác giả cho thấy, hành vi gây hấn không chỉ xuất hiện ở học sinh nam mà còn có cả học sinh nữ. Trong điều kiện bình thường, ít có sự khiêu khích học sinh nam có xu hướng thực hiện hành vi gây hấn nhiều hơn học sinh nữ. Nhưng trong hoàn cảnh có tình chất xúc phạm học sinh nữ thường có hành vi gây hấn có tính chất bạo lực để “trả đũa”. Điểm khác biệt của học sinh nam và học sinh nữ là học sinh nữ thường tham gia vào các dạng gây hấn gián tiếp làm nạn nhân tổn thương về mặt tinh thần nhiều hơn việc gây hấn trực tiếp khiến nạn nhân đau đớn về mặt thể xác.

Thứ ba, các biện pháp ngăn ngừa giảm thiểu hành vi gây hấn. PGS.TS Lê Văn Anh trong bài viết *“Nguyên nhân và giải pháp ngăn ngừa hành vi đánh nhau của học sinh trong nhà trường”* trên Tạp chí Giáo dục năm 2013 đã nêu ra 5 dấu hiệu nguy cơ gây ra hành vi đánh nhau: cách cư xử “nội tâm” hay “biểu lộ”, một số yếu tố tâm lý cá nhân, yếu tố môi trường gia đình, yếu tố môi trường xung quanh hay cộng đồng. Tác giả cũng đưa ra 4 hành vi đánh nhau : bạo lực thân thể, bạo lực tình dục, bạo lực xã hội và bạo lực tình cảm lời nói. Từ đó tác giả cũng đưa ra được các biện pháp để giảm thiểu hành vi gây hấn.

Dưới góc độ thực tiễn hành vi gây hấn của học sinh trong môi trường học đường, mặc dù tình trạng gây hấn trong trường học giữa học sinh với học

sinh và các thầy cô giáo đã được báo chí và các phương tiện truyền thông đăng tải khá nhiều. Tuy nhiên, nghiên cứu cụ thể về thực trạng hành vi này hầu như rất ít. Chủ yếu các đề tài, bài báo tập trung vào việc nghiên cứu về hành vi lệch chuẩn của học sinh, thanh thiếu niên - một lĩnh vực rộng hơn nhiều hành vi gây hấn. Trong đó, các tác giả đã chỉ ra được 12 các vấn nạn học đường trong xã hội Việt Nam như hiện tượng thầy, cô giáo đánh đập, làm nhục học sinh, những hành vi lệch chuẩn của học sinh và nguyên nhân dẫn đến hành vi lệch chuẩn. Từ những nghiên cứu này, các tác giả mới chỉ đề xuất được các biện pháp làm giảm thiểu hành vi lệch chuẩn nói chung nhưng chưa đi sâu về phương diện hành vi gây hấn của học sinh nói riêng. Thêm vào đó, các đề tài, bài báo này cũng chưa đề cập đến các biện pháp CTXH trong hỗ trợ học sinh ngăn ngừa hành vi tiêu cực này. Những năm gần đây hành vi gây hấn có chiều hướng gia tăng ở nước ta. Những biện pháp chế tài, những khung văn bản pháp lý về vấn đề này cũng còn nhiều bất cập; những phân tích mang tính chuyên môn từ góc độ tâm lý xã hội về vấn đề xã hội nóng bỏng này còn rất ít. Cuốn chuyên khảo *“Hành vi gây hấn – phân tích từ góc độ tâm lý xã hội”* này của PGS. TS. Trần Thị Minh Đức (2011) là một bước đi mạnh dạn và là một đóng góp quý báu. Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam về một hiện tượng tâm lý xã hội của con người - Hành vi gây hấn. Công trình đã tập hợp, tổng hợp và phân tích hành vi gây hấn của con người từ nền tảng tri thức và quan điểm nghiên cứu của Tâm lý học xã hội. Trong đó làm rõ các khái niệm cơ bản xung quanh vấn đề gây hấn, phân loại hành vi gây hấn, phân tích nguyên nhân, hậu quả của hành vi gây hấn đối với các cá nhân, các nhóm, gia đình và xã hội. Tác giả đã làm sáng tỏ khái niệm gây hấn, một hiện tượng tâm lý tiêu cực, phức tạp nhất trong hiện tượng tâm lý xã hội của con người, một hành vi cố tình làm tổn hại về thể chất hay tinh thần người khác hoặc bản thân. Kết quả nghiên cứu khẳng định, hiện tượng tâm lý này xuất hiện thường xuyên trong các tương tác xã hội và sự ảnh hưởng tiêu cực của

hành vi này là khó lường trước được. Gây hấn không chỉ thể hiện đơn giản ở việc khích bác, cố tình thù dệt câu chuyện làm tổn thương người khác hay giải quyết tình huống bằng cách đâm đá nhau giữa các cá nhân và các nhóm. Từ các kết quả điều tra thực tế, công trình đã cung cấp tri thức về thực trạng gây hấn trong học sinh, sinh viên và bạo lực trong các gia đình ở Việt Nam. Đồng thời góp phần vào việc hoạch định chính sách của nhà nước đối với các vấn nạn trong gia đình và học đường.

Bên cạnh đó, báo cáo khoa học: *“Hành vi bạo lực ở thanh thiếu niên – con đường hình thành và cách tiếp cận đánh giá”* của TS Đặng Hoàng Minh và Trần Thành Nam đã chỉ ra con đường hình thành hành vi bạo lực học đường và cách tiếp cận, đánh giá hành vi gây hấn học đường. Về con đường hình thành hành vi, theo phân tích của báo cáo, đó là kết quả của sự tương tác lẫn nhau giữa các yếu tố sinh học, môi trường xã hội, sự phát triển nhận thức và tình cảm của cá thể qua thời gian. Trong từng giai đoạn của sự phát triển cá thể, các yếu tố trên sẽ lần lượt thay thế nhau, đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng tới sự xuất hiện của hành vi bạo lực trong tương lai.

Bài báo khoa học: *“Bạo lực học đường: Nguyên nhân và một số biện pháp hạn chế”* của ThS. Nguyễn Văn Lược đã đi sâu tìm hiểu một số nguyên nhân tâm lý xã hội dẫn đến hành vi gây hấn, bạo lực học đường giữa học sinh với học sinh và một số biện pháp nhằm hạn chế tình trạng hiện nay. Bài báo đưa ra một số nguyên nhân tâm lý – xã hội dẫn đến hành vi của học sinh như: Quan hệ cha mẹ và con cái trong gia đình, bài báo khẳng định nếu cha mẹ đối xử bàng quan - xa cách hoặc nghiêm khắc - cứng nhắc với con cái thì con cái họ sẽ không có cơ hội chia sẻ những tâm tư, tình cảm. Những thiếu hụt trong nhận thức, những lệch lạc trong hành vi không được kịp thời uốn nắn. Từ đó, hình thành nên các hành vi đánh bạn, trán lột... Bên cạnh đó, nếu cha mẹ là những người luôn luôn chấp hành tốt các qui định thì đứa trẻ sẽ có xu hướng chấp hành các quy định đó tốt hơn so với các gia đình mà bố mẹ chúng coi

thường pháp luật, thường xuyên vi phạm quy tắc, chuẩn mực chung của xã hội, vợ chồng đối xử với nhau bằng bạt tai, gây gộc, chửi thề... Trẻ em quan sát và bắt chước những gì người lớn làm, nếu cha mẹ chúng vi phạm quy tắc, chuẩn mực thì các em cũng có thể làm điều tương tự như vậy ở trường học. Yếu tố thứ hai mà báo cáo đề cập đến là sự khao khát khẳng định cái tôi ở trẻ, nếu trong gia đình trẻ không được thể hiện những suy nghĩ, quan điểm, niềm tin và hành xử theo cách riêng của mình thì trẻ có thể sẽ có xu hướng gia nhập vào các nhóm bạn xấu (trong và ngoài nhà trường) để thỏa mãn nhu cầu khẳng định cái tôi. Trẻ tiếp thu các chuẩn mực, giá trị của nhóm mà những chuẩn mực này thường là đi ngược lại nội quy, quy tắc, chuẩn mực của nhà trường. Từ đó, hình thành ở trẻ những hành vi xấu với bạn bè của mình để được tôn làm “đại ca”, để “ra oai” với bạn cùng trang lứa. Ngoài ra, sức ảnh hưởng của văn hóa, phương tiện truyền thông (chẳng hạn các trò game, phim ảnh, sách báo... có nội dung bạo lực, khiêu dâm) có thể ảnh hưởng đến tính cách của trẻ, dẫn đến việc trẻ hành động như tính cách của những nhân vật trong game.

Bên cạnh đó các cuốn sách *Hành vi gây hấn của học sinh trung học phổ thông* (Trần Thị Minh Đức, Hoàng Xuân Dung, 2008 - 2010); *Hiện tượng gây hấn trong các trường phổ thông trung học hiện nay* (Trần Thị Minh Đức, 2010)... cũng chỉ ra rất nhiều những biểu hiện, nguyên nhân khác nhau dẫn đến hành vi gây hấn, những biện pháp đã can thiệp nhưng mức độ hiệu quả chưa cao. Những nghiên cứu trên đã chỉ ra được thực trạng hành vi gây hấn của học sinh trong trường học để qua đó giúp giáo viên và phụ huynh học sinh rút ra được phương thức giáo dục hợp lý nhằm ngăn chặn các hành vi gây hấn của học sinh trong trường học.

Tiếp cận vấn đề gây hấn học đường dưới góc độ CTXH có thể nói là một khía cạnh mới mẻ trong việc can thiệp nhằm giảm thiểu hành vi tiêu cực này tại môi trường học đường. Mặc dù CTXH mới chỉ xuất hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây nhưng đã có nhiều đề tài về CTXH tập trung vào can

thiệt, trợ giúp trẻ em (trẻ em lang thang, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em bị xâm hại...) can thiệp, trợ giúp người nghiện ma túy, người hành nghề mại dâm, người đồng tính, người nghèo... Tuy nhiên mảng ứng dụng CTXH vào môi trường học đường để giúp học sinh giảm thiểu hành vi tiêu cực và hình thành hành vi tích cực còn ít được chú ý nghiên cứu. Trên thực tế, có thể thấy những hiện tượng như bạn bè bắt nạt, nói xấu nhau, tung tin đồn, tẩy chay hay cô lập bạn bè còn chưa được đánh giá và quan tâm nghiên cứu đúng mức từ góc độ CTXH. Các biện pháp được đề xuất để giảm thiểu hành vi tiêu cực của học sinh chủ yếu ở các góc độ pháp luật, tâm lý, giáo dục thông thường... mà chưa đưa ra được biện pháp can thiệp CTXH.

Điềm qua các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam cho thấy, các nhà nghiên cứu về hành vi gây hấn ở học sinh đã đề xuất một số biện pháp nhằm mục đích giảm thiểu hành vi này ở học sinh nhưng chưa có đề tài nào tiếp cận dưới góc độ CTXH nên chưa đưa ra được biện pháp can thiệp của CTXH nhằm nâng cao nhận thức và giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh. Đặc biệt, có rất ít công trình nghiên cứu trong nước về hành vi gây hấn của học sinh và chưa có đề tài nào nghiên cứu về hành vi gây hấn của học sinh THCS. Vì vậy, tôi lựa chọn đề tài “*Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội*” là đề tài mới, có ý nghĩa về mặt lí luận và thực tiễn.

3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.

3.1. Mục đích nghiên cứu.

Đề tài được thực hiện với mục đích là hệ thống hóa lí luận có liên quan đến hành vi gây hấn của học sinh THCS. Tiếp đó làm rõ vai trò và các yếu tố tác động đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. Cuối cùng đề xuất được biện pháp nhằm giúp nhân viên công tác xã hội thực hiện tốt vai trò trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại địa bàn nghiên cứu.

3.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

Nghiên cứu hệ thống lí luận có liên quan đến hành vi gây hấn như khái niệm, bản chất, biểu hiện của nó.

Khảo sát thực trạng hành vi gây hấn, nhận thức về hành vi gây hấn của học sinh THCS trên địa bàn nghiên cứu.

Khảo sát thực trạng vai trò của nhân viên công tác xã hội và những yếu tố tác động đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại địa bàn nghiên cứu.

Đề xuất một số biện pháp nhằm giúp nhân viên công tác xã hội thực hiện tốt vai trò trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

4. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.

4.1. *Đối tượng nghiên cứu.*

Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học trung học cơ sở.

4.2. *Khách thể nghiên cứu.*

+ 80 học sinh trường THCS Phan Đình Giót – Thanh Xuân

+ 80 học sinh trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn – Nam Từ Liêm

+ Phỏng vấn sâu: 20 người, mỗi trường 10 người bao gồm: học sinh có hành vi gây hấn, học sinh bị gây hấn, học sinh chứng kiến hành vi gây hấn, cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh học sinh.

4.3. *Phạm vi nghiên cứu.*

4.3.1. *Giới hạn về thời gian nghiên cứu.*

Thời gian nghiên cứu: từ năm 2007 đến năm 2019.

4.3.2. *Giới hạn về không gian.*

Trường THCS Phan Đình Giót – Thanh Xuân – Hà Nội.

Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn – Nam Từ Liêm – Hà Nội.

4.3.3. *Giới hạn về nội dung nghiên cứu.*

Nghiên cứu thực trạng hành vi gây hấn, vai trò điều phối và vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội, những yếu tố tác động đến vai trò điều phối và giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại địa bàn nghiên cứu.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

5.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu.

Là phương pháp thu thập dựa trên nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp thu thập được từ những tài liệu nghiên cứu công trình khoa học, sách, báo được thống kê và nghiên cứu chính thức trước đây để xây dựng cơ sở luận cứ để chứng minh giả thuyết về các vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Với đề này phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu được áp dụng để thu thập thông tin từ các công trình liên quan đến hành vi gây hấn. Trên cơ sở đó, tác giả tiến hành phân tích, so sánh, tổng hợp các khái niệm về hành vi gây hấn, cách phân loại cách phân loại về hành vi gây hấn; các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn, các hình thức giảm thiểu hành vi gây hấn; lý luận về CTXH; đặc điểm tâm, sinh lý của lứa tuổi học sinh THCS làm cơ sở lý luận cho việc xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn của học sinh cũng như đề xuất biện pháp can thiệp dưới góc độ CTXH.

5.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là một phương pháp phỏng vấn viết, được thực hiện cùng một lúc với nhiều người theo một bảng hỏi in sẵn. Người được hỏi trả lời ý kiến của mình bằng cách đánh dấu vào các ô tương ứng theo một quy ước nào đó.

Trong đề tài nghiên cứu này phương pháp được tiến hành nhằm tìm hiểu nhận thức, thực trạng HVGH và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn của học sinh THCS trên địa bàn nghiên cứu. Tác giả tiến hành khảo sát 160 khách thể là học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn Trong đó, tại mỗi trường mỗi khối lớp 6, 7, 8, 9 là 20 em. Về giới tính tại

mỗi trường có 52 học sinh nam (chiếm 65%), 28 học sinh nữ (chiếm 35%). Khi tiến hành điều tra thực tế với tổng số 160 học sinh, số phiếu điều tra phát ra là 160, số phiếu thu về là 160. Trong đó: khối lớp 6 là 40 phiếu (chiếm 25%), khối lớp 7 là 40 phiếu (chiếm 25%), khối lớp 8 là 40 phiếu (chiếm 25%) và khối lớp 9 là 40 phiếu (chiếm 25%).

5.3. Phương pháp phỏng vấn sâu.

Phỏng vấn sâu là những cuộc đối thoại được lặp đi lặp lại giữa nhà nghiên cứu và người cung cấp thông tin nhằm tìm hiểu cuộc sống, kinh nghiệm và nhận thức của người cung cấp thông tin thông qua chính ngôn ngữ của người ấy.

Phỏng vấn sâu trong đề tài được thực hiện với học sinh đã từng có hành vi gây hấn để tìm hiểu nhận thức, thái độ và hành vi gây hấn của em; với thầy cô giáo (cán bộ quản lí và giáo viên chủ nhiệm lớp) nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ của họ về tình trạng gây hấn của học sinh trong phạm vi quản lí nhà trường. Ngoài ra, phỏng vấn sâu cũng được tiến hành với phụ huynh học sinh là cha mẹ của nạn nhân hay cha mẹ của những học sinh có hành vi gây hấn để tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình, thái độ của gia đình đối với hành vi gây hấn của con họ.

5.4. Phương pháp quan sát.

Là phương pháp tri giác có mục đích, có kế hoạch một sự kiện, hiện tượng, quá trình (hay hành vi cử chỉ của con người) trong những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau nhằm thu thập những số liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của sự kiện, hiện tượng đó.

Trong đề tài này phương pháp quan sát được thực hiện nhằm quan sát những hành vi, cử chỉ, những biểu hiện cảm xúc, những thay đổi về trạng thái tình cảm của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động thực nghiệm với phương pháp CTXH nhóm. Từ những quan sát này, tác giả phân tích và đưa ra đánh giá về những chuyển biến của học sinh từ những buổi đầu cho đến khi kết thúc hoạt động nhóm mà các em tham gia.

5.5. Phương pháp công tác xã hội cá nhân.

Là phương pháp thực hiện trực tiếp hướng đến các thân chủ do nhân viên công tác xã hội thực hiện. Các nhân viên này phải có các kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề về nguồn lực, các vấn đề về xã hội và xúc cảm. Đây là một hoạt động mang tính chuyên ngành để qua đó các nhu cầu của thân chủ được đánh giá trong các bối cảnh xã hội và quan hệ xã hội của cá nhân đó. Nhân viên xã hội cá nhân hướng đến nâng cao sức mạnh của các thân chủ nhằm giải quyết các vấn đề và đối mặt các vấn đề một cách hiệu quả trong môi trường sống của thân chủ.

5.6. Phương pháp CTXH nhóm.

CTXH nhóm là phương pháp CTXH nhằm giúp tăng cường, củng cố chức năng xã hội của cá nhân thông qua các hoạt động nhóm. Trong đề tài này phương pháp công tác xã hội nhóm được thực hiện để tiến hành thực nghiệm dựa trên mô hình nhóm giáo dục đối với nhóm học sinh gồm 15 em trong đó có em có hành vi gây hấn, bị gây hấn, chứng kiến hành vi gây hấn và cả những học sinh có thành tích tốt trong học tập và hoạt động đoàn thể. Mục đích của việc thành lập nhóm này là tạo môi trường dung hòa, bình đẳng và sự hỗ trợ, tương tác giữa các thành viên trong nhóm với những hoạt động cụ thể khi các nhóm viên cùng tham gia với nhau. Mặt khác, phương pháp này còn giúp các thành viên nhận thức được các hành vi gây hấn và việc giảm thiểu tối đa hành vi gây hấn, kiểm soát cảm xúc tiêu cực qua việc thực hiện những bài tập cơ bản và được định hướng những kỹ năng sống, những giá trị sống tích cực để có một lối sống lành mạnh. Từ kết quả thực nghiệm này, tác giả mong muốn đề xuất việc thành lập và nhân rộng mô hình hoạt động nhóm theo hướng tiếp cận phương pháp CTXH nhóm trong trường học dành cho học sinh THCS tại địa phương với việc nâng cao nhận thức và giảm thiểu hành vi gây hấn.

5.7. Phương pháp thống kê toán học.

Là phương pháp phân tích kết quả khảo sát để thông qua thống kê toán

học để xử lý số liệu thu thập được từ các phiếu điều tra.

Trong đề tài này, sử dụng phương pháp phân tích định tính để khái quát tài liệu giúp hiểu rõ hơn về thực trạng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. Sử dụng phương pháp phân tích định lượng để xử lý kết quả của những câu hỏi đóng.

6. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN VĂN.

6.1. Đóng góp về mặt lý luận.

CTXH đã được hình thành từ rất lâu trên thế giới nhưng lại là một lĩnh vực khá mới mẻ ở Việt Nam. Các lý thuyết CTXH mang tính đa biến hóa do các vấn đề, các hiện tượng, các quá trình xã hội luôn biến đổi. Đặc biệt là CTXH trong lĩnh vực trường học – một lĩnh vực hoàn toàn mới, lĩnh vực can thiệp trực tiếp trong môi trường giáo dục. Dưới góc độ tiếp cận của CTXH, kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần làm sáng tỏ hệ thống lý thuyết của CTXH và một số ngành khoa học liên quan như Xã hội học, Tâm lý học... Nghiên cứu cho chúng ta hiểu rõ hơn về việc áp dụng các lý thuyết, phương pháp của ngành Công tác xã hội vào thực hành như thế nào và hiệu quả của những lý thuyết đó. Vai trò của hoạt động công tác xã hội trong việc thực hiện các hoạt động nhằm giảm thiểu các hành vi gây hấn tại trường học.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu có thể là một trong những tiền đề làm cơ sở cho Sở giáo dục và đào tạo có một cái nhìn khái quát hơn, có những chương trình phù hợp để phát triển lĩnh vực công tác xã hội trong trường học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Giúp cho Ban giám hiệu, giáo viên và cán bộ nhân viên nhà trường đang trực tiếp làm việc với học sinh thấy được thực trạng các vấn nạn đang diễn ra trong trường học đặc biệt là hành vi gây hấn học đường, hiểu được tâm sinh lý của lứa tuổi thành niên để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời và vai trò của nhân viên CTXH trong các hoạt động trường học.

Kết quả nghiên cứu giúp Ngành CTXH thấy được nhu cầu sử dụng đội

ngũ nhân viên CTXH ở trường học lớn và cần thiết như thế nào. Đồng thời kết quả nghiên cứu cũng có thể là một tài liệu để giảng viên và sinh viên ngành CTXH tham khảo trong quá trình học tập, nghiên cứu của mình.

7. KẾT CẤU LUẬN VĂN.

A. MỞ ĐẦU

B. NỘI DUNG.

Chương 1: Cơ sở lý luận nghiên cứu về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

Chương 2: Thực trạng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị, kết luận.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ.

1.1. Một số khái niệm cơ bản.

1.1.1. Khái niệm vai trò.

Theo tác giả Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng trong cuốn Giáo trình xã hội học: Vai trò xã hội là mô hình hành vi được xác lập một cách khách quan căn cứ vào đòi hỏi của xã hội đối với từng vị thế nhất định, để thực hiện những quyền và nghĩa vụ tương ứng với các vị thế đó.

Như vậy, vai trò là những đòi hỏi của xã hội đặt ra với các vị thế xã hội. Những đòi hỏi này được xác định căn cứ vào các chuẩn mực xã hội. Các chuẩn mực này thường không giống nhau trong các loại xã hội.

Khái niệm vai trò trong nghiên cứu này được hiểu là *những nhiệm vụ, trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. Vai trò này được thể hiện theo những thể chế xã hội liên quan, đảm bảo hướng đến nhu cầu của học sinh cần được hỗ trợ. Một nhân viên công tác xã hội có thể thực hiện nhiều vai trò và một vai trò có thể do nhiều nhân viên công tác xã hội thực hiện.*

1.1.2. Khái niệm nhân viên công tác xã hội.

1.1.2.1. Khái niệm Công tác xã hội.

“Công tác xã hội là một hoạt động chuyên nghiệp nhằm giúp đỡ cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng tăng cường hay khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của họ và tạo những điều kiện thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu đó”. [7]

(Nguồn: *Hiệp hội quốc gia nhân viên xã hội Mỹ - NASW*)

"Nghề CTXH thúc đẩy sự thay đổi xã hội, giải quyết vấn đề trong mối quan hệ của con người, tăng năng lực và giải phóng cho người dân nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái, dễ chịu. Vận dụng các lý thuyết về

hành vi con người và hệ thống xã hội, CTXH tương tác vào những điểm giữa con người với môi trường của họ. Nhân quyền và CTXH là các nguyên tắc căn bản của nghề". [7]

(Nguồn: *Định nghĩa của Hiệp hội nhân viên công tác xã hội Quốc tế thông qua tại Montréal, Canada (IFSW)*)

1.1.2.2. Khái niệm nhân viên Công tác xã hội.

Theo Hiệp hội Nhân viên công tác xã hội quốc tế - IFSW

Nhân viên công tác xã hội (tiếng Anh là social worker) là những người hoạt động trong nhiều lĩnh vực, được đào tạo chính quy và cả bán chuyên nghiệp, được trang bị các kiến thức và kỹ năng trong CTXH để trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết và đối phó với vấn đề trong cuộc sống; tạo cơ hội để các đối tượng tiếp cận được nguồn lực cần thiết; thúc đẩy sự tương tác giữa các cá nhân, giữa cá nhân với môi trường tạo ảnh hưởng tới chính sách xã hội, các cơ quan, tổ chức vì lợi ích của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu và hoạt động thực tiễn”.

Nhân viên công tác xã hội là những nhà chuyên nghiệp làm chủ những nền tảng kiến thức cần thiết, có khả năng phát triển các kỹ năng cần thiết, tuân theo những tiêu chuẩn và đạo đức của nghề công tác xã hội (DuBois and Miley,2005:5).

1.1.3. Khái niệm vai trò nhân viên công tác xã hội.

Từ khái niệm vai trò và nhân viên công tác xã hội, tác giả đưa ra khái niệm về Vai trò nhân viên công tác xã hội.

“Vai trò nhân viên công tác xã hội là những nhiệm vụ, trách nhiệm, hoạt động của nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết vấn đề và đối phó với các vấn đề trong cuộc sống bằng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp”.

1.1.4. Khái niệm giảm thiểu hành vi gây hấn.

1.1.4.1. Khái niệm về giảm thiểu.

Có rất nhiều khái niệm về giảm thiểu nhưng trong luận văn này tôi lựa chọn khái niệm “*Giảm thiểu là hoạt động giúp đỡ nhau để giảm đến mức thấp nhất những vấn đề đang tồn tại*”. [9]

1.1.4.2. Khái niệm về hành vi gây hấn.

Hiện nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau về HVGH.

Trong tâm lý học, gây hấn là hành vi giữa những cá thể trong cùng một loài với mục đích sỉ nhục, gây đau đớn và tổn hại. Ferguson và Beaver (2009) định nghĩa “gây hấn là hành vi với ý định gia tăng sự thống trị xã hội của sinh vật liên quan tới vị trí thống trị của sinh vật khác”.

Từ điển Tâm lý học (Vũ Dũng chủ biên, 2008) dịch từ “aggression” thành “xâm kích” với cách giải nghĩa như sau: “hành vi của cá nhân hay tập thể gây thiệt hại về tâm lý hoặc thể chất, thậm chí diệt trừ người hay nhóm khác”. Xâm kích là hình thức phản ứng đáp lại trạng thái bất tiện về phương diện tâm lý và thể chất, căng thẳng thần kinh, tâm trạng thất vọng. Ngoài ra, xâm kích có thể là phương tiện để đạt được mục tiêu có ý nghĩa nào đó, kể cả việc nâng cao vị thế nhờ tự khẳng định”. [7]

Nhà Tâm lý học Trần Thị Minh Đức đã nghiên cứu về gây hấn học đường ở học sinh trung học, cho rằng, gây hấn (aggression - còn gọi là xâm kích, xâm lược, bạo lực, hung tính) được hiểu là hành vi làm tổn thương, gây hại đến người khác, hay chính mình về tâm lý, thực thể hoặc làm tổn hại đến vật thể xung quanh một cách cố ý dù cho mục tiêu có đạt được hay không.[10]

Như vậy, tổng hợp từ các khái niệm trên, tác giả đưa ra định nghĩa về HVGH như sau: “*HVGH là hành vi hướng trực tiếp đến một hay nhiều cá nhân khác một cách cố ý nhằm gây ra những kết quả tiêu cực về mặt tinh thần hay vật chất cho con người và vật thể xung quanh*”. (Phụ lục 4).

Ø Từ những nội dung trên tác giả đưa ra khái niệm giảm thiểu hành vi gây hấn như sau: “*Giảm thiểu hành vi gây hấn là hoạt động giúp đỡ nhằm giảm đến mức thấp nhất các hành vi gây ra những kết quả tiêu cực về mặt tinh thần hay vật chất cho con người và vật thể xung quanh*”

1.1.5. Khái niệm học sinh trung học cơ sở.

Dựa vào đặc điểm tâm sinh lý, tác giả đưa ra khái niệm “*Học sinh Trung học cơ sở là thuật ngữ để chỉ nhóm học sinh ở độ tuổi từ 11 đến 15 tuổi đây là quãng đời diễn ra những biến cố đặc biệt. Do sự trưởng thành và tích lũy ở giai đoạn trước, các em đã có một vị trí xã hội mới. Nó không hoàn toàn là trẻ con nhưng cũng chưa phải là một người lớn. Đây là giai đoạn quá độ từ trẻ con sang người lớn, là giai đoạn đặc trưng với các dấu hiệu của tuổi dậy thì của nam và nữ*”. (Phụ lục 5)

1.1.6. Khái niệm vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

Từ các khái niệm được phân tích ở bên trên tác giả đưa ra khái niệm Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở là “*những nhiệm vụ, trách nhiệm, hoạt động của nhân viên công tác xã hội trong việc trợ giúp học sinh trung học cơ sở giảm đến mức thấp nhất các hành vi gây ra những kết quả tiêu cực về mặt tinh thần hay vật chất bằng vai trò của nhân viên công tác xã hội, giúp học sinh nâng cao khả năng giải quyết vấn đề và đối phó với các vấn đề trong cuộc sống bằng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo*”.

1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

1.2.1. Vai trò điều phối.

Một trong những vai trò quan trọng của nhân viên công tác xã hội trong trường học đó là vai trò điều phối. Điều phối được giải thích là “*làm cho dễ dàng*” hoặc “*khiến cho quy trình được suôn sẻ*”. Theo đó người điều phối có trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên trong nhóm một cách phù hợp hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra. Tạo lập và xây dựng được bầu không khí ấm áp, tin cậy, thoải mái. Kích thích sự tham gia của các thành viên trong nhóm. Phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong

nhóm. Bên cạnh đó vai trò điều phối cũng hỗ trợ lập kế hoạch, hướng dẫn và quản lý để đảm bảo rằng mọi người đều tham gia đóng góp và có sự chuẩn bị tốt nhất. Là người điều phối bạn phải có cái nhìn tổng quát, khách quan, không áp đặt quan điểm cá nhân và hoàn toàn tập trung vào tiến trình làm việc. Trách nhiệm quan trọng của người điều phối là tạo quy trình và môi trường cho tiến trình làm việc nhóm phát triển đồng thời giúp nhóm đưa ra quyết định, giải pháp hoặc kết luận thành công.

+ *Phân công công việc cho các thành viên trong nhóm một cách phù hợp hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.*

Trong vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội thì việc phân công nhiệm vụ, công việc cho các thành viên nhóm một cách phù hợp là điều quan trọng hỗ trợ nhân viên công tác xã hội thực hiện mục tiêu của mình. Quá trình điều phối khi các thành viên có nhiệm vụ riêng của chính mình thì hoạt động điều phối sẽ diễn ra thuận lợi hơn, có tính tương tác và logic nhiều hơn trong giải quyết vấn đề tiến tới mục tiêu đề ra.

+ *Tạo lập và xây dựng được bầu không khí ấm áp, tin cậy, thoải mái.*

Quá trình nhân viên công tác xã hội thực hiện vai trò điều phối của mình bắt buộc phải tạo lập và xây dựng bầu không khí ấm áp, tin cậy và thoải mái. Để đảm bảo rằng mọi thành viên đều hiểu biết lẫn nhau, mọi thành viên đều tham gia hiệu quả, các thành viên được thoải mái chia sẻ những khó khăn khúc mắc trong quá trình tham gia và xem xét, bổ sung cho phương pháp thực hiện tiến trình đi đến kết quả. Các thành viên cũng thoải mái hơn trong quá trình chia sẻ trách nhiệm của mình, mong muốn, câu hỏi, hành động, kết quả được ghi chép lại đầy đủ và thực hiện, xử lý thích hợp sau đó.

+ *Kích thích sự tham gia của các thành viên trong nhóm.*

Quá trình làm việc cũng đòi hỏi sự tham gia tương tác của các thành viên nhóm, do vậy nhân viên công tác xã hội phải kích thích, tác động để các thành viên trong nhóm tham gia nhiệt tình, đóng góp cho nhóm. Nhân viên công tác

xã hội suy nghĩ cách hướng dẫn và kiểm soát tiến trình sinh hoạt trong đó cần chuẩn bị sẵn các quy tắc, mài rũa kỹ năng điều phối và xem xét một số kịch bản “nếu – thì”, nếu có bất đồng xảy ra, nếu không tìm ra giải pháp.... Nhân viên công tác xã hội điều phối mọi việc để mọi người đều có cơ hội giới thiệu về bản thân hoặc sử dụng phương thức phá băng thích hợp để khởi động hoặc sử dụng kỹ năng của mình để mọi người luôn tập trung và quan tâm vào chủ đề. Bên cạnh đó là người điều phối và đang đứng ở vị thế trung lập, bạn cũng cần cảnh giác, lắng nghe tích cực và chủ động tham gia thảo luận. Đó chính là ví dụ để khuyến khích mọi người tham gia cũng như thể hiện độ sẵn sàng can thiệp vào dòng chảy thảo luận. Có phải tất cả mọi người đều tham gia? Nếu không, làm thế nào để khuyến khích họ chủ động hơn? Làm thế nào để mọi người tham gia tốt hơn?

+ *Phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm.*

Quá trình thực hiện vai trò điều phối nhân viên công tác xã hội chú ý đến hành vi của các thành viên trong nhóm, cả lời nói và ngôn ngữ cử chỉ. Đặc biệt chú ý tới hành vi im lặng để phát hiện ra và ngăn chặn hiệu quả, can thiệp và hòa giải ngay lập tức nếu một cá nhân nào đó bị tấn công. Tìm hiểu các thành viên trong nhóm một cách kỹ càng điểm mạnh của các thành viên là gì, ai mạnh ở điểm nào, yếu ở điểm nào để trong quá trình thực hiện vai trò điều phối sẽ giúp thành viên đó phát huy được thế mạnh của mình.

Điểm cốt lõi để thực hiện vai trò điều phối hiệu quả, nhân viên công tác xã hội phải biết khi nào bản thân đóng vai người lãnh đạo, khi nào là người trung lập và khi nào cần lùi lại phía sau. Rất khó để có thể thực hiện tuy nhiên chìa khóa nằm ở chỗ nhân viên công tác xã hội phải lập kế hoạch và hướng dẫn quy trình một cách hiệu quả, tập trung vào kết quả tiến trình nhóm hơn là nội dung và những ý kiến đóng góp lệch lạc, đi quá xa với mục tiêu.

1.2.2. Vai trò giáo dục.

Vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội là người giáo dục cung cấp kiến thức, kỹ năng nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng để họ có hiểu biết, tự tin và tự mình nhìn nhận vấn đề đánh giá vấn đề phân tích và tìm kiếm nguồn lực cho vấn đề cần giải quyết.

Đối với nhân viên công tác xã hội trong trường học thì phần lớn vai trò giáo dục này được thực hiện cho học sinh. Giúp học sinh nâng cao kiến thức, kỹ năng cho bản thân mình để có thể nhìn nhận vấn đề, phân tích vấn đề một cách khách quan nhất thông qua các buổi sinh hoạt nhóm, các hoạt động tập huấn nâng cao nhận thức, qua sự hỗ trợ từ các chuyên gia, các hoạt động sân khấu hóa... Qua đó thực hiện hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho chính gia đình và cộng đồng xung quanh mình.

Trong lĩnh vực của mình nhân viên công tác xã hội phải đánh giá tình hình của những đối tượng học sinh đang nghi ngờ là có những hành vi không đúng đắn để thực hiện việc giáo dục về mặt xã hội để có thể can thiệp thay đổi hành vi của học sinh. Không những thế còn phải kết hợp với gia đình để giúp gia đình hiểu được con em mình và nâng cao kỹ năng của gia đình, tăng cường khả năng ứng phó. Cụ thể:

+ *Cung cấp thông tin.*

Tình trạng bắt nạt trong trường học cũng là một trong những nguyên nhân gây ra nạn bỏ học vì những học sinh hay bị bắt nạt sẽ không tập trung được vào việc học, học kém đi và trở nên sợ hãi trường học. NVCTXH có thể ngăn ngừa hoặc giảm thiểu nạn bắt nạt bằng cách cung cấp thông tin cho học sinh, tăng cường hỗ trợ cho những học sinh có nguy cơ bị bắt nạt và thực hiện những chương trình tập huấn kỹ năng xã hội hướng vào giải quyết mâu thuẫn như kiểm soát sự giận dữ, cách giải tỏa ức chế, cách thương lượng để giải quyết mâu thuẫn không cần đến bạo lực,... NVCTXH cũng cần phối hợp với

giáo viên và đoàn thể (Đoàn, Đội,...) giúp những học sinh yếu lấy lại căn bản để có thể theo kịp bạn đồng học và tự tin hơn.

NVCTXH có thể tìm mời các chuyên gia đến trường giúp cho thầy cô giáo và ban quản lý nhà trường trang bị kiến thức và kỹ năng nhận diện trẻ bị lạm dụng, những dấu hiệu có thể dẫn đến bạo hành, dấu hiệu trẻ đang có vấn đề sức khỏe tâm thần,... để có thể can thiệp kịp thời.

+ *Nâng cao nhận thức.*

Với học sinh THCS các em còn thiếu hụt rất nhiều về kỹ năng cũng như kiến thức trong cuộc sống. Do vậy vai trò giáo dục không chỉ nâng cao nhận thức cho học sinh mà còn nâng cao nhận thức cho chính gia đình học sinh. Gia đình học sinh có nhiều vấn đề sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập của các em. Vì vậy, NVCTXH có thể sắp xếp những buổi gặp gỡ với phụ huynh – theo nhóm hoặc cá nhân tùy theo từng trường hợp cụ thể – giúp họ trang bị kỹ năng làm cha mẹ, hoặc tham vấn cho họ khi cần. Việc giúp cho phụ huynh hiểu được những hoạt động hỗ trợ học sinh ở trường học và kêu gọi được sự phối hợp của họ cũng là phần rất quan trọng đối với sự thành công của các chương trình ngăn ngừa hoặc can thiệp nhằm giúp trẻ phát triển.

+ *Tăng cường kiến thức, kỹ năng.*

Với học sinh THCS các kiến thức của các em còn nhiều hạn chế vì chưa được học hỏi quá nhiều. Bên cạnh đó kỹ năng của các em còn yếu kém. Do vậy, vai trò giáo dục cần tăng cường kiến thức cho các em, tổ chức các chương trình kỹ năng sống, tuyên truyền sống lành mạnh trong các lớp học, tổ chức các hoạt động giáo dục để học sinh tham gia trong học tập tại trường.

+ *Trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm.*

Vai trò giáo dục còn là trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm. Trong quá trình thực hiện vai trò giáo dục của mình nhân viên công tác xã hội thường xuyên trao đổi thông tin với học sinh để các em biết thêm các kiến thức trong cuộc sống đặc biệt là các kiến thức liên quan đến hành vi gây hấn

trong trường học. Quá trình này nhân viên công tác xã hội cũng tổ chức cho học sinh thảo luận các tình huống mà nhân viên xã hội đưa ra và chia sẻ cho học sinh kinh nghiệm cho các em ứng xử như thế nào trong các tình huống đó.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên công tác xã hội

1.3.1. Yếu tố học sinh.

Trong quá trình thực hiện vai trò của mình, nhân viên công tác xã hội nói chung và nhân viên công tác xã hội trường học nói riêng cũng sẽ bị tác động bởi các yếu tố từ chủ quan đến các yếu tố khách quan.

Trong quá trình thực hiện vai trò của mình tại trường học, bản thân học sinh là yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến công việc của nhân viên công tác xã hội. Bản thân học sinh ở các cấp có những nhận thức, kỹ năng hoàn toàn khác nhau, chưa kể khi học sinh vào đúng tâm lý lứa tuổi. Bản thân nhân viên công tác xã hội muốn thực hiện tốt vai trò của mình thì cần có sự hợp tác, ủng hộ từ chính học sinh trong trường.

Nếu bản thân học sinh muốn có kiến thức, ham học hỏi, chịu khó học tập thì nhân viên công tác xã hội sẽ phát huy được hết vai trò của mình. Ngược lại nếu bản thân học sinh không hứng thú với việc học hỏi trau dồi kiến thức, không chịu hợp tác, tương tác với các hoạt động thì việc hỗ trợ của nhân viên xã hội sẽ không thể đạt được kết quả cao.

Hơn nữa vì môi trường trường học là đặc thù và riêng biệt nên sự chênh lệch về nhận thức của học sinh cũng là điều khiến cho quá trình thực hiện vai trò của nhân viên gặp khó khăn.

1.3.2. Yếu tố gia đình.

Yếu tố gia đình là một trong những yếu tố tác động mạnh mẽ tới việc nhân viên công tác xã hội thực hiện vai trò của mình nói chung và vai trò hỗ trợ học sinh trong trường học nói riêng. Nhân viên công tác xã hội được gia đình của học sinh cùng hợp tác trong quá trình, hậu thuẫn, ủng hộ thời gian,

hỗ trợ công việc, nhân lực, vật lực sẽ giúp nhân viên công tác xã hội thực hiện vai trò tốt hơn.

Ngược lại nhân viên công tác xã hội sẽ không thể thực hiện tốt vai trò nếu như gia đình của học sinh không ủng hộ, không hợp tác, tạo điều kiện để học sinh tham gia, quan trọng là không phối hợp trong quá trình can thiệp giải quyết vấn đề cho học sinh (trường hợp học sinh cần can thiệp thay đổi nhận thức, hành vi).

1.3.3. Yếu tố nhân viên công tác xã hội.

Theo đánh giá, quan sát của bản thân tác giả thì những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trường học đó là:

+ Thái độ của nhân viên công tác xã hội. Khi nhân viên công tác xã hội nhiệt tình, năng động, trách nhiệm với công việc của mình thì hiệu quả công việc đạt được sẽ cao hơn.

+ Kiến thức, kỹ năng chuyên môn của đội ngũ nhân viên công tác xã hội. Kiến thức, kỹ năng chuyên môn của nhân viên công tác xã hội là một yếu tố quan trọng trong việc hỗ trợ học sinh trong trường học. Nhân viên công tác xã hội có kiến thức mới có thể hỗ trợ, chia sẻ và giáo dục cho học sinh nâng cao nhận thức. Có kỹ năng mới có thể hướng dẫn, trợ giúp học sinh giải quyết vấn đề mình gặp phải khi khó khăn, tuyệt vọng trong cuộc sống.

+ Kinh nghiệm của nhân viên công tác xã hội. Nhân viên công tác xã hội có kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác xã hội nói chung và lĩnh vực trường học nói riêng sẽ giúp quá trình trợ giúp đạt được kết quả cao.

1.3.4. Yếu tố nhà trường.

Trong những năm gần đây lĩnh vực công tác xã hội được Nhà nước quan tâm đặc biệt là lĩnh vực trường học bởi trường học là nơi giáo dục nhân cách cho học sinh, cũng là nơi học sinh trau dồi kiến thức, được đào tạo để trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên hiện nay không phải trường học nào cũng có phòng công tác xã hội hoặc nhân viên công tác xã hội phụ trách

mà thường kiêm nhiệm hoặc giao cho đoàn thanh niên, tổng phụ trách của đội thiếu niên tiên phong... Do vậy dù các trường học có quan tâm đến lĩnh vực này nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế:

- + Thiếu kinh phí hoạt động.
- + Sự hợp tác của các tổ bộ môn trong nhà trường, của giáo viên chủ nhiệm vẫn còn chưa cao.
- + Cơ sở vật chất nhà trường vẫn còn chưa đáp ứng được cho hoạt động công tác xã hội như phòng hỗ trợ, phòng can thiệp tham vấn, phòng sinh hoạt...

1.3.5. Yếu tố chính sách pháp luật.

Học sinh trung học cơ sở là lứa tuổi thanh thiếu niên, là lớp công dân trẻ, là chủ nhân tương lai của đất nước. Chính vì vậy cần đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện họ trở thành người phát triển toàn diện, có kiến thức trách nhiệm và hiểu về pháp luật. Thực hiện chính sách pháp luật của nhà nước cho học sinh THCS hiện nay được thực hiện cả trong và ngoài nhà trường, tuy nhiên chủ yếu là trong trường học, do đội ngũ giáo viên nhà trường đảm nhiệm mà chủ chốt là giáo viên chủ nhiệm và giáo viên dạy bộ môn GDCD. Thực hiện chính sách pháp luật được thông qua các buổi tọa đàm, giáo dục.. nhằm giúp học sinh tiếp cận với chính sách pháp luật để bảo vệ mình. Chính vì vậy khi các em không hiểu hoặc không biết về chính sách pháp luật để bảo vệ mình học sinh đó sẽ chịu thiệt. Mặt khác cũng đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên update các thông tin về chính sách pháp luật để hỗ trợ cho học sinh để có kinh phí tổ chức các hoạt động trợ giúp cho các em học sinh từ đó thu hút sự tham gia và chủ động tìm kiếm hỗ trợ của nhân viên xã hội.

1.4. Các lý thuyết nhân viên công tác xã hội áp dụng trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở.

1.4.1. Thuyết hành vi về tính gây hấn.

Thuyết hành vi cổ điển với đại diện tiêu biểu là J. Watson (1913) đã lấy hành vi là đối tượng nghiên cứu của Tâm lí học. Họ đưa ra công thức nổi tiếng sau:



Theo lý thuyết này, hành vi con người bị hoàn cảnh điều khiển giống như một cái máy từ tác nhân kích thích bên ngoài. Tương tự như vậy hành vi gây hấn được diễn tả bằng công thức:



Con người có xu hướng phản ứng bạo lực với các kích thích bạo lực. Tuy nhiên, trên thực tế không phải bất cứ kích thích bạo lực nào cũng nhận được phản ứng bạo lực. Điều này phụ thuộc vào nhận thức, đặc điểm tâm lý và tính cách của cá nhân. Hơn nữa, HVGH là hành vi có chủ ý. Vì thế, quan điểm của lý thuyết hành vi cổ điển dùng để giải thích gây hấn không còn phù hợp.

Trường phái hành vi mới mà đại biểu là Thornkide và S. Kinner đã bổ sung thêm yếu tố nhận thức của cá nhân trước phản ứng lại các kích thích của môi trường. Trong cách tiếp cận của trường phái hành vi mới bổ sung thêm yếu tố O (phản ứng với sự tham gia của quá trình nhận thức và tư duy). Vì vậy, công thức của chủ nghĩa hành vi mới như sau:

S – O – R

(O là dòng suy nghĩ, cảm nhận của chủ thể có tình huống kích thích)

Như vậy, theo cách tiếp cận mới này, HVGH hình thành ở chủ thể không chỉ có sự tác động của môi trường, mà còn phụ thuộc vào tâm thế đón nhận của chủ thể. Con người không chỉ trả lời các kích thích một cách bản năng vô

thức, mà hành vi của họ có sự tính toán, có ý thức và khâu trung gian chính là tính chất cố ý, có ý thức của HVGH.

Thuyết học tập xã hội của A. Bandura (1997) cho rằng, con người sinh ra vốn không có nhiều những đặc tính gây hấn nhưng trong quá trình trải nghiệm, học hỏi trong cuộc sống; qua những quan sát trực tiếp từ nhiều yếu tố gây hấn khác nhau, từ các cá nhân khác, từ các phương tiện truyền thông đại chúng,...tính gây hấn được hình thành. Quá trình hình thành những HVGH của con người có thể tóm tắt như sau:

- Học hỏi những hành vi này từ người khác khi có cơ hội và điều kiện;
- Một số nhóm đối tượng xã hội được chú ý quan tâm nhiều hơn những nhóm đối tượng khác;
- Trước hành vi phản ứng của người khác (trả thù, chống đỡ);
- Những tình huống ngoại cảnh khi các HVGH của con người được chấp nhận.

Ở một số nền văn hóa, người ta quan niệm, cha mẹ có quyền dùng bạo lực phù hợp để giáo dục con cái như “Yêu thì cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”.

Theo lý thuyết này, hiện tượng gây hấn chính là kết quả của những tác nhân khác nhau thông qua những đại lượng giới thiệu tác động vào hệ cảm xúc của con người trong một điều kiện, hoàn cảnh tức thời, dẫn đến hiện tượng tăng cảm xúc, tình trạng mất bình tĩnh vốn có thể tác động mạnh lên quá trình tư duy của con người. Lý thuyết này cho rằng, nguồn gốc của hiện tượng gây hấn liên quan đến hai yếu tố chính:

Đại lượng giới thiệu (input variabile): là những tác nhân gây ra trực tiếp từ môi trường mang nội dung tình huống đặc trưng dẫn đến tác động lên hệ cảm xúc của con người.

Đại lượng nội tại (individual difference): là những tác nhân tạo nên bởi những đặc điểm tính cách của mỗi cá nhân. Ví dụ: tuổi tác, sức khỏe, những đặc điểm khí chất của nhân cách...

Từ những kích thích có nội dung tình huống xảy ra tác động lên hai tuyến đại lượng đến từ bên ngoài hoặc đã được cài sẵn bên trong mỗi cá nhân mà ba trạng thái xử lí sẽ diễn ra như sau:

- Cảm xúc dâng trào (arousal): là trạng thái những kích thích tác động lên hệ sinh lý của con người mà chủ yếu là hệ thần kinh giao cảm dẫn đến hiện tượng nổi nóng.

- Trạng thái mất bình tĩnh (affective states) là trạng thái các biểu hiện bên ngoài có nội dung đặc tính gây chiến bắt đầu xuất hiện, mặt mũi đỏ gay, mắt mở rộng đồng tử, giọng nói bị run, tay nắm lại, chân sẵn sàng phản ứng.

- Trạng thái đánh giá (appraisal) là trạng thái cá nhân đứng trước những kích thích bên ngoài, có sự suy nghĩ đắn đo và có những đánh giá xem có đáng gây hấn không? Gây hấn có lợi không? Nếu những đánh giá có sự kiềm chế thấp, nhất là khi cá nhân có nhiều thuận lợi so với đối phương, hành vi gây hấn có thể xảy ra.

Vận dụng thuyết hành vi về tính gây hấn vào nghiên cứu để có thể xác định được nguyên nhân gây ra các hành vi gây hấn của học sinh và cách thức giúp các em giải quyết khi gặp vấn đề này và sự cần thiết phải đề xuất biện pháp can thiệp của công tác xã hội, từ đó phối hợp với nhà trường xây dựng mô hình trợ giúp hiệu quả để giải quyết vấn đề gây hấn học đường cho các em học sinh trong trường.

1.4.2. Thuyết hệ thống.

Thuyết hệ thống được đề xướng năm 1940 bởi nhà sinh vật học nổi tiếng Ludwig Von Bertalanffy (1901 -1972). Ông đưa ra quan điểm rằng, hệ thống bao gồm những hệ thống nhỏ (hay còn gọi là tiểu hệ thống) và phần tử của hệ thống lớn hơn, là tập hợp những thành tố được sắp xếp theo một trình tự và quy luật theo một thể thống nhất. Tiểu hệ thống là hệ thống thứ cấp hoặc hệ thống hỗ trợ và từ các tiểu hệ thống tạo nên hệ thống lớn hơn. Trong đó có ba loại hệ thống thỏa mãn cuộc sống của con người như là hệ thống chính thức:

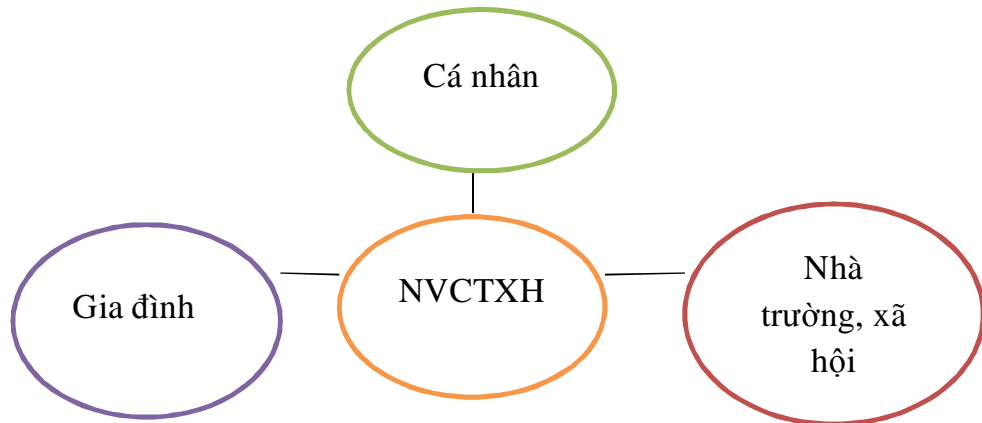
tổ chức công đoàn, cộng đồng...; hệ thống phi chính thức: bạn bè, gia đình... và hệ thống xã hội: bệnh viện, nhà trường...

Sau này, lý thuyết hệ thống được các nhà khoa học khác nghiên cứu và phát triển như Hanson (1995), Mancoske (1981), Siporin (1980). Tuy nhiên, để lý thuyết hệ thống áp dụng thành công vào thực tiễn CTXH phải kể đến công lao của Pincus và Minahan, Germain và Gitterman và các đồng sự khác.

Dưới góc độ CTXH, khái niệm hệ thống là tập hợp các thành tố được sắp xếp có trật tự và liên hệ với nhau để hoạt động thống nhất. Con người phụ thuộc vào hệ thống trong môi trường xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu trực tiếp của mình trong cuộc sống. Do đó, con người là một bộ phận của xã hội, đồng thời cũng được tạo nên từ những phần tử nhỏ hơn. Mối liên hệ giữa các hệ thống khá chặt chẽ với nhau, cụ thể nếu một hệ thống thay đổi kéo theo sự thay đổi của hệ thống khác và ngược lại.

Có thể nhận thấy, lý thuyết hệ thống đã chỉ ra các mối liên kết tất yếu trong mạng xã hội giữa cá nhân với cá nhân, với nhóm và ngược lại. Trong CTXH không thể không đề cập tới sự ảnh hưởng qua lại đó nhằm xây dựng và phát huy những tiềm năng, sức mạnh góp phần tạo nên những lợi thế trong thực hành CTXH để sự trợ giúp những đối tượng yếu thế trong xã hội.

Theo đó, khi vận dụng nội dung của thuyết hệ thống vào tiến trình can thiệp CTXH để giải quyết vấn đề gây hấn học đường của học sinh trung học cơ sở, nhân viên CTXH sẽ vận dụng lý thuyết hệ thống thể hiện qua sơ đồ sau:



Có thể nói, đây là một trong những lý thuyết quan trọng vận dụng trong CTXH khi thực hiện một tiến trình trợ giúp cho thân chủ. Nhân viên CTXH xem xét vấn đề gây hấn của học sinh trung học cơ sở như một vấn đề bình thường trong xã hội và đánh giá bộ phận học sinh này như một bộ phận cần tồn tại trong hệ thống xã hội. Từ đó, có thể đưa vấn đề gây hấn vào trong tổng thể hệ thống xã hội để thấy được sự tương tác của chúng trong mối quan hệ của hệ thống học sinh với hệ thống gia đình, nhà trường và xã hội. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển hệ thống xã hội nghiên cứu cũng chú ý đến các giải pháp hỗ trợ của CTXH nhằm mục đích giảm thiểu hành vi gây hấn và nâng cao sự phát triển về mặt nhận thức cho học sinh trung học cơ sở nói chung và học sinh trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng.

Tiểu kết chương 1

Trên đây là những nội dung được đề cập trong chương 1 cũng chính là cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu HVGH của trẻ ở lứa tuổi vị thành niên. Trong đó, lý luận về HVGH bao gồm các lý thuyết lý giải về hành vi này dựa trên cơ sở sinh học, xã hội học, tâm lí học về nguồn gốc phát sinh và đưa ra những phương pháp trị liệu khác nhau để có được hành vi lành mạnh thay thế. Việc tiếp cận các khái niệm công cụ liên quan đến HVGH và lý luận về phương pháp CTXH, CTXHHTH, vai trò của nhân viên CTXH cũng đã cung cấp cho chúng ta những hiểu biết cơ bản về HVGH và phương pháp tiếp cận công tác xã hội trong giải quyết vấn đề giảm thiểu hành vi này một cách phù hợp hơn. Bên cạnh đó, việc phân tích về những biểu hiện, những biến đổi về tâm sinh lý lứa tuổi THCS cùng những tác động của điều kiện sống xung quanh cũng góp phần giải thích nguyên nhân xuất hiện HVGH ở các em, đồng thời có được định hướng điều chỉnh hành vi, tác động thay đổi điều kiện sống theo hướng thuận lợi cho sự phát triển đúng đắn của lứa tuổi này.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu có được bước đệm để tiếp tục đi sâu vào phân tích về thực trạng HVGH và nhận thức về vai trò của CTXH ở học sinh THCS. Theo đó, cũng đã mở ra được tiền đề quan trọng cho việc đề xuất biện pháp để CTXH thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc ngăn ngừa, giảm thiểu HVGH tại trường học một cách hiệu quả.

Chương 2

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH THCS PHAN ĐÌNH GIÓT VÀ THCS DÂN LẬP LÊ QUÝ ĐÔN, HÀ NỘI.

2.1. Vài nét khái quát về trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

2.1.1. Trường trung học cơ sở Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trường THCS Phan Đình Giót được thành lập tháng 7 năm 1992, nằm trên địa bàn phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Trường có khuôn viên rộng 3256 m² với cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp, đầy đủ các phòng học và phòng chức năng. Năm 2012, được sự quan tâm của Quận ủy, HĐND, UBND, phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thanh Xuân và các ban ngành chức năng khác, hệ thống các phòng học và phòng chức năng của nhà trường đều được trang bị đồng bộ máy tính và máy chiếu projector, máy chiếu vật thể.

Hiện nay tại trường có Tổng số phòng học: 33 phòng học, 05 phòng bộ môn (01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 Phòng thực hành Sinh, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Âm nhạc), 01 nhà thể chất, 03 phòng chức năng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng hội đồng và các phòng Ban Giám hiệu, phòng y tế, công đoàn, đoàn đội, văn phòng, phòng kế toán với tổng số cán bộ, giáo viên nhân viên là 74 người.

Từ cơ sở vật chất trường lớp còn nhiều khó khăn, chung trường chung lớp với trường Tiểu học Phan Đình Giót với số lượng học sinh ít ỏi trong năm học đầu tiên, đến nay trường đã có gần 1600 học sinh với 33 lớp chia thành 4 khối: khối 6, khối 7, khối 8 mỗi khối 8 lớp và khối 9 là 9 lớp .

Vượt qua những khó khăn ban đầu, trường đã dần khẳng định được thương hiệu của mình và ngày càng có uy tín trong Quận cũng như Thành phố. Để có được những thành tích như ngày hôm nay là nhờ sự nỗ lực hết

mình của nhiều thế hệ lãnh đạo, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Cao hơn nữa là sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Quận uỷ, HĐND, UBND quận Thanh Xuân, phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thanh Xuân, Đảng uỷ, HĐND, UBND các phường Thượng Đình, phường Thanh Xuân Trung, phường Nhân Chính cùng các ban ngành đoàn thể và các bậc phụ huynh học sinh đã cùng vun đắp nên truyền thống vẻ vang của nhà trường trong suốt hai mươi lăm năm qua.

Trường đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm học 2006 – 2007; được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen về thành tích: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2005 – 2006; được công nhận: Trường đạt Chuẩn Quốc gia giai đoạn I năm 2009; được công nhận là Trường học thân thiện, học sinh tích cực. 16 năm đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố.

Địa điểm được lựa chọn để thực hiện nghiên cứu này là trường trung học cơ sở Phan Đình Giót – Thanh Xuân - Hà Nội. Cơ sở cho lựa chọn này chính là từ kết quả báo cáo và thống kê của nhà trường về tỷ lệ học sinh có hành vi gây hấn ở mức cao lên tới (80%) năm học 2017 – 2018. Mặc dù những con số về tình trạng gây hấn học đường chưa được thống kê một cách đầy đủ, chính xác song qua các phương tiện truyền thông đại chúng cũng đã phần nào phản ánh được thực trạng HVGH chưa hề thuyên giảm trong các trường học nói chung và trên địa bàn khảo sát nói riêng.

Theo báo cáo thống kê mới nhất về công tác quản lý học sinh liên quan đến tình hình an toàn và nếp sống sinh hoạt học 2017 – 2018 tại trường trung học cơ sở Phan Đình Giót cho biết, nhà trường đã tiến hành khiển trách với 13 em, cảnh cáo với 16 em, buộc thôi học có thời hạn (ba ngày, một tuần, một năm) với 2 em. Những hình thức phạt này được áp dụng cho những em có hành vi tiêu cực đã xảy ra tại trường như: chống đối giáo viên, tự nghỉ học, vi phạm nội quy, bạo lực với thầy cô, bạn bèNhư vậy với thống kê trên phần nào cho thấy thực trạng học sinh với những biểu hiện tiêu cực tại trường học

được khảo sát có liên quan đến hành vi gây hấn là điều báo động và nhất thiết cần có những biện pháp để nâng cao nhận thức và ngăn ngừa, giảm thiểu những hành vi này chứ không đơn thuần chỉ là xử lý những vụ việc cũng như áp dụng các hình thức phạt khi những hành vi này đã xảy ra.

2.1.2. Trường trung học cơ sở Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn bắt đầu đi vào hoạt động chính thức từ năm 2009 – 2010 là sự kế tiếp đào dựa trên sự phát triển của trường mầm non, tiểu học Lê Quý Đôn và sự tín nhiệm của phụ huynh học sinh.

Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn phát triển theo mô hình trường chất lượng cao tăng cường tiếng Anh cho học sinh nhà trường với mục tiêu đào tạo toàn diện, hướng đến cho học sinh sự phát triển về mọi mặt. Nhà trường đảm bảo dạy và học theo đúng tiêu chuẩn chương trình do Bộ giáo dục và đào tạo quy định. Tuy nhiên để đảm bảo cho sự phát triển của học sinh nhà trường đã mời các chuyên gia nước ngoài và các giáo viên giỏi của các trường về công tác tại trường. Đặc biệt nhà trường có các mô hình học tập giúp học sinh ôn tập và thi tuyển vào các trường THPT chuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội và tìm kiếm học bổng du học. Giáo viên nhà trường 100% đạt chuẩn đều có bằng tốt nghiệp đại học và trên đại học.

Hệ thống trường Lê Quý Đôn được đầu tư cơ sở vật chất đầy đủ tiện nghi, hiện đại đồng bộ, cung cấp cho học sinh sự tiện nghi và vui chơi giải trí. Các phòng học rộng rãi thoáng mát với trang thiết bị như điều hòa, máy chiếu, máy tính. Có các phòng chức năng riêng biệt như phòng mỹ thuật, phòng âm nhạc... với bàn ghế phù hợp cho học sinh. Nhà trường còn đầu tư phòng ngủ chuyên biệt cho học sinh nghỉ ngơi, bán trú....

Nhà trường hiện nay có 36 giáo viên chia thành 3 tổ bộ môn chuyên môn để phụ trách các lĩnh vực trong toàn trường với gần 700 học sinh chia thành 4 khối mỗi khối 4 lớp.

Địa điểm được lựa chọn để thực hiện nghiên cứu này là trường trung học cơ sở dân lập Lê Quý Đôn - Hà Nội. Cơ sở cho lựa chọn này chính là từ kết quả báo cáo và thống kê của nhà trường về tỷ lệ học sinh có hành vi gây hấn ở

mức cao lên tới (65%) năm học 2017 – 2018. Mặc dù những con số về tình trạng gây hấn học đường chưa được thống kê một cách đầy đủ, chính xác song qua các phương tiện truyền thông đại chúng cũng đã phần nào phản ánh được thực trạng HVGH chưa hề thuyên giảm trong các trường học nói chung và trên địa bàn khảo sát nói riêng. Theo báo cáo thống kê mới nhất về công tác quản lý học sinh liên quan đến tình hình an toàn và nếp sống sinh hoạt học 2017 – 2018 tại trường cho biết, nhà trường đã tiến hành khiển trách với 16 em học sinh, cảnh cáo với 10 em học sinh, buộc thôi học có thời hạn (ba ngày, một tuần, một năm) với 1 em học sinh.

Những hình thức phạt này được áp dụng cho những em có hành vi tiêu cực đã xảy ra tại trường như: chống đối giáo viên, tự nghỉ học, vi phạm nội quy, bạo lực với thầy cô, bạn bè...

2.2. Thực trạng vai trò điều phối và vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

2.2.1. Thực trạng hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

2.2.1.1. Nhận thức về hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.

Qua những thông tin tìm hiểu về hành vi gây hấn ở địa bàn nghiên cứu là trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội và quá trình khảo sát cho thấy nhận thức về hành vi gây hấn của học sinh diễn ra khá đa dạng với nhiều quan điểm khác nhau. Từ kết quả khảo sát ta thấy, học sinh của trường THCS Phan Đình Giót phần lớn đều có biết hành vi gây hấn là gì. Bởi có đến 91,25% học sinh tương ứng với 73 học sinh trả lời có biết hành vi gây hấn. Và chỉ có 7 học sinh tương ứng với 8,75% trả lời là không biết hành vi gây hấn.

Bảng 2.1: Học sinh THCS Phan Đình Giót biết về hành vi gây hấn.

STT	Biết về hành vi gây hấn qua	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục ở trường	72	90
2	Trên mạng xã hội	70	87.5
3	Gia đình	20	25
4	Bạn bè	48	60
5	Khác	0	0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Bảng 2.1 đã cho ta thấy việc tiếp cận với hành vi gây hấn được học sinh tiếp cận từ nhiều nguồn khác nhau như giáo dục ở trường, trên mạng xã hội, gia đình, bạn bè với các mức độ khác nhau. Có 72 học sinh (90%) trả lời biết về hành vi gây hấn qua giáo dục ở trường, chứng tỏ tại các trường THCS có các hoạt động giáo dục ngoại khóa cho học sinh. Có 70 học sinh (87.5%) học sinh tiếp cận qua mạng xã hội nơi có rất nhiều thông tin hữu ích dành cho học sinh. Có 48 học sinh (60%) tiếp cận qua bạn bè thì chỉ có 20 học sinh (25%) tiếp cận qua gia đình.

Trong phiếu khảo sát cũng đã đưa ra câu hỏi về mức độ chứng kiến hành vi gây hấn trong cuộc sống hàng ngày của học sinh THCS Phan Đình Giót, kết quả trả lời cho thấy:

+ 68 học sinh = 85% thường xuyên chứng kiến hành vi gây hấn.

+ 12 học sinh = 15% thỉnh thoảng thấy hành vi.

Xét đến nguồn gốc HVGH của học sinh THCS hay những nguyên nhân chi phối dẫn đến hành vi này được nhìn nhận ở nhiều khía cạnh, yếu tố khác nhau. Qua khảo sát, bảng số liệu sau sẽ cho thấy nhận thức của học sinh về những yếu tố ảnh hưởng đến HVGH.

Bảng 2.2: Nhận thức về nguồn gốc gây ra HVGH của học sinh THCS Phan Đình Giót.

<i>STT</i>	<i>Yếu tố ảnh hưởng</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>	<i>Thứ bậc</i>
1	Sinh ra đã có	5	8
2	Do thất vọng, giận dữ	93.75	1
3	Do bắt trước người khác	53.75	4
4	Do bị kích động, lôi kéo từ người khác	72.5	3
5	Do sử dụng các chất kích thích (rượu, bia, ma túy...)	41.25	5
6	Do bị ép buộc	36.25	6
7	Do ảnh hưởng của thay đổi thời tiết	6.25	7
8	Do ảnh hưởng phim ảnh, trò chơi điện tử, game online mang nội dung bạo lực	86.25	2

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Số liệu cho thấy, đa số học sinh THCS cho rằng có ba yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến HVGH, đó là “do thất vọng và giận dữ” (93.75%), “do ảnh hưởng phim ảnh, trò chơi điện tử, game online mang nội dung bạo lực” (86.25%) và “do bị kích động, lôi kéo từ người khác” (72.5%). Ngoài ra các yếu tố do bắt trước người khác (53.75%), do sử dụng các chất kích thích (rượu, bia, ma túy...) (41.25%), do bị ép buộc (36.25%), do ảnh hưởng của thay đổi thời tiết (6.25%) cũng được lựa chọn tuy nhiên ít hơn. Như vậy, các em đã nhận thức khá đúng đắn về những yếu tố gây nên những HVGH nhưng vì đang ở trong lứa tuổi “nửa người lớn, nửa trẻ con” nên mặc dù cố bắt chước những hành động của người lớn nhưng do thiếu kinh nghiệm sống, kinh nghiệm xã hội nên các em không làm chủ được cảm xúc, dễ bị sa đà vào cuộc sống ảo của những trò chơi điện tử, những cảnh trong phim ảnh mang tính bạo lực để từ đó dẫn đến những hành vi tiêu cực này. Thêm vào đó, ở đa số học sinh có HVGH trong nghiên cứu đều có khí chất nóng nảy (kiểu thần kinh không cân bằng) nên có xu hướng dễ người khác kích động và lôi kéo vào những HVGH.

Còn nguyên nhân “sinh ra đã có” được đa số các em không đồng ý cho rằng nó là nguyên nhân dẫn đến gây hấn. Em N.V.B cho biết “*Trẻ em khi mới sinh ra như một tờ giấy trắng, nó không biết gì cả, nên nó không thể là nguyên nhân dẫn đến hành vi gây hấn, chỉ khi lớn lên chịu tác động bởi những yếu tố bên ngoài thì con người mới hình thành những tính cách khác nhau, yếu tố bẩm sinh nó chỉ là một phần chứ không thể quyết định đến hành vi gây hấn*”

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Cũng với số phiếu khảo sát như trường THCS Phan Đình Giót nhưng trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội lại cho kết quả khác với con số và tỷ lệ nhận biết cao hơn. Khi được hỏi “Bạn có biết hành vi gây hấn là gì không?” thì 78 học sinh (97.5%) trả lời là “có”, chỉ có 2 học sinh (2.5%) trả lời là “không”.

Cùng câu hỏi biết về hành vi gây hấn qua đâu thì kết quả cho thấy:

Bảng 2.3: Học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn biết về hành vi gây hấn.

STT	Biết về hành vi gây hấn qua	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục ở trường	78	97.5
2	Trên mạng xã hội	75	93.75
3	Gia đình	68	85
4	Bạn bè	58	72.5
5	Khác	0	0

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Từ kết quả bảng 2.3 ta nhận thấy việc giáo dục ở trường được trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn chú trọng chẳng thể mà có 78/80 học sinh trả lời biết hành vi gây hấn qua giáo dục ở trường học. Chưa kể các con số về mạng xã hội, gia đình, bạn bè cũng là những con số cao lần lượt là 75 học sinh (93.75%), 68 học sinh (85%) và 58 học sinh (72,5%).

So sánh kết quả của 2 bảng (bảng 2.1 và 2.3) tại 2 ngôi trường khác nhau ta thấy sự chênh lệch đáng kể trong cách thức tiếp cận hành vi gây hấn của học sinh. Việc giáo dục ở trường, trên mạng xã hội hay bạn bè con số của 2 trường xấp xỉ nhau. Tuy nhiên con số về gia đình thì ở 2 trường lại chênh lệch

đáng kể nếu THCS Phan Đình Giót chỉ dừng lại ở 20 học sinh lựa chọn thì THCS Dân lập Lê Quý Đôn số học sinh lựa chọn là 68 học sinh. Điều đó có thể cho thấy sự quan tâm đến con em mình ở trường học, sự gắn kết của nhà trường với phụ huynh tại Lê Quý Đôn tốt hơn Phan Đình Giót.

Kể cả việc thấy các hành vi gây hấn trong cuộc sống thì tỷ lệ nhìn thấy thường xuyên của trường Lê Quý Đôn cũng thấp hơn với con số là 55 học sinh (68.75%) trong khi Phan Đình Giót là 68 học sinh (85%).

Em T.T.C cho biết: “*Em chỉ chứng kiến những hành vi này trong lúc vô tình hoặc nó xảy ra ở trong lớp em, còn khi xảy ra ở nơi khác thì em không chứng kiến vì em không thích xem những chuyện như vậy, nhiều khi các bạn có rủ em đi xem nhưng em không đi vì không muốn dính vào những chuyện như vậy*”. Điều này cho thấy thực trạng HVGH xảy ra phổ biến ở cuộc sống xung quanh nói chung và ngay cả môi trường học đường nói riêng - nơi mà hoạt động học tập vốn là hoạt động chủ đạo thì lại có sự xuất hiện thêm cả những hiện tượng xã hội tiêu cực, những vấn đề nan giải mà học sinh - bộ phận chính ở trường học - đã và đang phải đối mặt trong đó GHHD vẫn đang là vấn đề nổi cộm, và chưa hề “giảm nhiệt” tại các trường học nói chung.

**Bảng 2.4: Nhận thức về nguồn gốc gây ra HVGH của học sinh
THCS Dân lập Lê Quý Đôn.**

<i>STT</i>	<i>Yếu tố ảnh hưởng</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>	<i>Thứ bậc</i>
1	Sinh ra đã có	3.75	8
2	Do thất vọng, giận dữ	96.25	1
3	Do bắt trước người khác	43.75	5
4	Do bị kích động, lôi kéo từ người khác	68.75	3
5	Do sử dụng các chất kích thích (rượu, bia, ma túy...)	46.25	4
6	Do bị ép buộc	21.25	6
7	Do ảnh hưởng của thay đổi thời tiết	3.75	7
8	Do ảnh hưởng phim ảnh, trò chơi điện tử, game online mang nội dung bạo lực	90	2

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Số liệu cho thấy, cũng giống như học sinh THCS Phan Đình Giót, trường Dân lập Lê Quý Đôn cho rằng có ba yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến HVGH, đó là “do thất vọng và giận dữ” (96.25%), “do ảnh hưởng phim ảnh, trò chơi điện tử, game online mang nội dung bạo lực” (90%) và “do bị kích động, lôi kéo từ người khác” (68.75%). Có thể nói, đứng ở góc độ và vị trí của học sinh THCS, các em đã có những nhận thức về HVGH với những yếu tố ảnh hưởng của nó khá tương đồng nhau và các em đều cho rằng có nhiều nguyên nhân dẫn đến HVGH và vì thế đều lựa chọn từ hai yếu tố trở lên. Với nguyên nhân từ sự thất vọng, giận dữ chiếm tỉ lệ cao về ý kiến của các em (96.25%), theo lí giải của một số học sinh khi phỏng vấn sâu “đấy là nguyên nhân chính vì khi cảm thấy giận dữ thì chỉ muốn xả cơn tức giận của mình đi đến một ai đó mà mình đang ghét hoặc là có mâu thuẫn”; hoặc tâm lí “thêm dầu vào lửa” được học sinh N.T.T. (lớp 9) giải thích rằng: “khi giận dữ, thất vọng không giải quyết được vấn đề mà bị người khác động vào thì chỉ thêm nổi cáu mà thôi” hay “khi bố mẹ thất vọng về kết quả học tập của con thì sẽ dễ nổi giận, mắng nhiếc không thì đánh đập là điều không tránh khỏi” – em P.T.H (lớp 8) cho biết. Cũng với tỉ lệ cao như vậy khi đánh giá về yếu tố phim ảnh, trò chơi có tính chất bạo lực với (90%) học sinh cho rằng đây là nguyên nhân chính dẫn đến HVGH “nhiều bạn vì muốn giống những nhân vật trong game mà ra ngoài thường xuyên có những HVGH vô cớ, muốn thể hiện mình mạnh hơn người khác”. Việc sử dụng các chất kích thích với (46.25%) học sinh cho rằng cũng là nguyên nhân lớn dẫn đến gây hấn. Một em nhận định “ở nhà em bình thường không sao nhưng khi nào bố em mà uống rượu say thì kiểu gì cũng đánh mắng mẹ con em, ngày trước thì em vẫn chịu nhưng bây giờ thì chỉ có chạy đi chỗ khác cho khi nào bố tỉnh rượu thôi”. Ngoài ra, một số nguyên nhân dẫn đến HVGH như do có sự thay đổi thời tiết, bắt chước người khác và do ép buộc được các em nhận thức với tỉ lệ thấp nhất. Điều đó cho thấy, những nguyên nhân đó chưa đủ “mạnh” để đưa các em đến với

HVGH, mà tất cả những HVGH của lứa tuổi vị thành niên này đều do các em có chủ ý bởi những tác động mạnh khiến cho học sinh ở tuổi mới lớn chưa thể nhận thức và kịp thời suy nghĩ đến hậu quả của những hành vi tiêu cực.

2.2.1.2. Biểu hiện các hành vi gây hấn của học sinh trường trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

Mặc dù còn rất nhiều hình thức biểu hiện của HVGH song với phạm vi giới hạn của đề tài nghiên cứu này, tác giả không thể trình bày về tất cả các hình thức và biểu hiện của GHHD mà chỉ tập trung đánh giá ở một vài khía cạnh trong số các biểu hiện đa dạng của nó. Tác giả chỉ xem xét các hình thức là những biểu hiện gây hấn phổ biến trong môi trường học đường nói chung và tại địa bàn nghiên cứu nói riêng.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.

Dưới đây là kết quả nghiên cứu của tác giả đã phản ánh về sự đa dạng của các hình thức gây hấn xảy ra trong trường học Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội:

Bảng 2.5: Biểu hiện các hành vi gây hấn đang xảy ra tại trường THCS Phan Đình Giót.

<i>STT</i>	<i>Hành vi</i>	<i>Tần số</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
1	Chửi mắng, lăng mạ	65	81.25
2	Lạm dụng tình dục	2	2.5
3	Đánh đập	23	28.75
4	Chấn lột, giật đồ	78	97
5	Nói xấu sau lưng	80	100
6	Tung tin đồn	47	58.75
7	Đe dọa	24	30
8	Chê trọc, mỉa mai	78	97
9	Tách biệt, cô lập	49	61.25
10	Miệt thị, phân biệt đối xử	12	15

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Nhìn vào bảng số liệu 2.5 ta thấy tại địa bàn nghiên cứu - trường THCS Phan Đình Giót những biểu hiện của hành vi gây hấn đang diễn ra rất đa dạng và phong phú với những hình thức khác nhau. Nổi bật nhất và phổ biến ở đây là hành vi “*Nói xấu sau lưng*” 100% các em đều đồng ý hành vi này đang xảy ra tại trường học mình. Tiếp đến là “*chân lộn, giật đồ*” với 97% và “*Chêu trọc, mỉa mai*” với 97%, “*Chửi mắng, lãng mạ*” với 81.25%, “*Tách biệt cô lập*” với 61.25%, “*Tung tin đồn*” với 58.75%. Đây đều là những biểu hiện của hành vi gây hấn về tinh thần, điều đó cho thấy đa phần các em biểu hiện hành vi gây hấn chủ yếu để thể hiện cái tôi của mình, giải tỏa những khó chịu, không hài lòng của mình về người khác chứ các em ít khi biểu hiện hành vi gây hấn để thể hiện sức mạnh bằng nắm đấm của mình. Bên cạnh đó cũng có một số hành vi đang diễn ra tại trường học nhưng nó không phổ biến như những hành vi trên như hành vi “*Đánh đập*” chỉ chiếm 28.75%, hay hành vi “*Đe dọa*” cũng chiếm 30%.... Những hành vi này là những hành vi gây hấn về thể chất. Điều này cho thấy những hành vi gây hấn ở mức độ cao hơn có thể gây thương tích, đau đớn về thể xác cũng có xảy ra ở môi trường học đường nhưng nó không phổ biến, chỉ khi nào có mâu thuẫn rất lớn thì các em mới sử dụng nắm đấm của mình, và hơn nữa những hành vi gây hấn thể chất này xảy ra phổ biến ở các bạn nam. Còn hành vi lạm dụng thì rất hiếm khi xảy ra ở địa bàn nghiên cứu, chỉ có 2.5% các em cho rằng hành vi này đang xảy ra tại trường học. Có thể nói lạm dụng tình dục nó là hành vi gây hấn cả về thể chất lẫn tinh thần tùy vào mức độ lạm dụng. Để giải thích cho việc hành vi này xảy ra ít ở trường học thì cô P.T.C cho biết: “*Thỉnh thoảng trường có tổ chức các buổi ngoại khóa với chủ đề chăm sóc sức khỏe sinh sản cho học sinh và bây giờ các em cũng được tiếp xúc với công nghệ thông tin nhiều nên các em có sự hiểu biết nhất định về điều này*”. Như vậy có thể nói các hành vi gây hấn đang diễn ra tại địa bàn nghiên cứu khá phổ biến và đa dạng với nhiều hình thức khác nhau trong đó các hình thức gây hấn về tinh thần chiếm tỷ lệ cao hơn các hình thức gây hấn về thể chất. Để giải thích cho điều này em N.T.A (lớp 8) cho biết: “*Em thấy hành vi nói xấu sau lưng hay chửi mắng là dễ xảy ra nhất vì chỉ cần các bạn thấy không thích người kia hay là không có cái gì hài lòng là có thể nói xấu đối phương ví dụ như hôm bạn A được các bạn*

khen xinh, học giỏi, hay trong giờ kiểm tra không cho nhìn bài... bạn B thấy vậy không hài lòng là có thể đi nói xấu về bạn A với người khác”.

Kết quả khảo sát dưới đây thể hiện mức độ biểu hiện gây hấn của học sinh tại địa bàn nghiên cứu:

**Bảng 2.6: Mức độ biểu hiện gây hấn của học sinh
THCS Phan Đình Giót.**

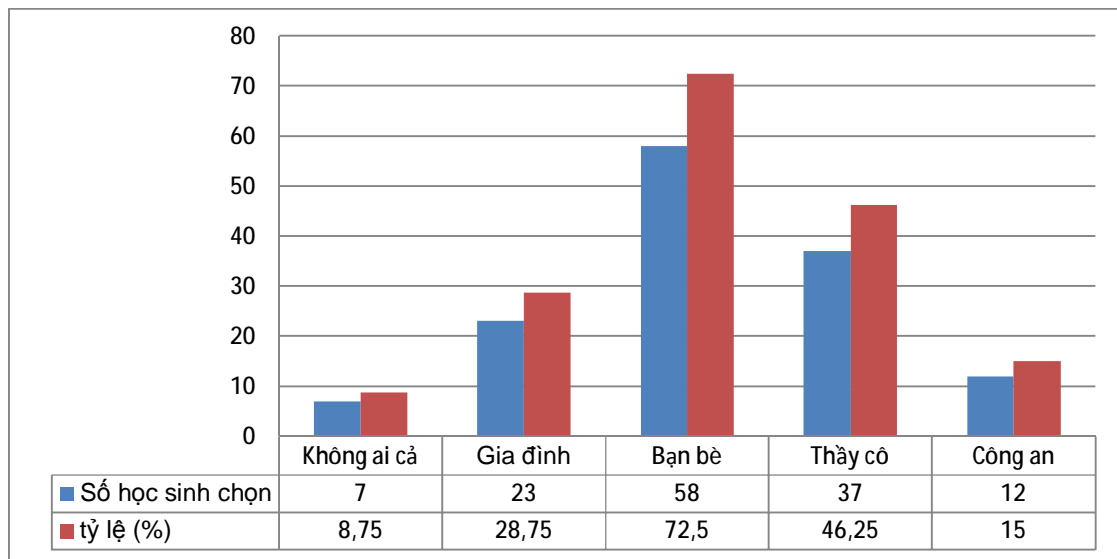
STT	Hành vi	Tỷ lệ (%)			
		Thường xuyên(4)	Thỉnh thoảng (3)	Hiếm khi(2)	Chưa bao giờ(1)
1	Chửi mắng, lăng mạ	16.25	46.25	18.75	18.75
2	Lạm dụng tình dục	0	0	2.5	97.5
3	Đánh đập	0	11.25	17.5	71.25
4	Chấn lột, giật đồ	5	32.5	60	2.5
5	Nói xấu sau lưng	40	43.75	16.25	0
6	Tung tin đồn	15	22.5	33.75	28.75
7	Đe dọa	0	11.25	18.75	70
8	Chê trọc, mỉa mai	23.75	35	38.75	2.5
9	Tách biệt, cô lập	15	21.25	25	38.75
10	Miệt thị, phân biệt đối xử	3.75	6.25	5	85

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy, hành vi nói xấu sau lưng là hình thức gây hấn diễn ra phổ biến nhất và thường xuyên nhất trong các hình thức (40%) sau đó là hành vi chê trọc mỉa mai (23.75% ở mức độ thường xuyên bị gây hấn). Đáng chú ý là hành vi lạm dụng tình dục, đánh đập, đe dọa là những hình thức mà không có học sinh nào cho biết là hành vi bị gây hấn thường xuyên. Kết quả khảo sát ở trên cũng cho thấy tình trạng học sinh bị gây hấn trong trường học diễn ra với hai loại hình cơ bản là gây hấn thể chất và gây hấn tinh thần. Số học sinh là nạn nhân thường xuyên của loại hình gây hấn thể chất như: đánh đập, trấn lột, giật đồ có tỉ lệ thấp hơn số nạn nhân của loại hình gây hấn tinh thần như: nói xấu sau lưng, chửi mắng, lăng mạ, trêu trọc, mỉa mai. Việc gây hấn về tinh thần có xu hướng phổ biến hơn những

hành vi gây hấn về thể chất là vì các hành vi gây hấn về thể chất nó chỉ diễn ra khi có mâu thuẫn lớn, có hiềm khích lâu ...những hành vi này nó xảy ra phổ biến đối với những bạn học sinh nam và đặc biệt những hành vi gây hấn về thể chất có sự can thiệp ở mức độ nào đó khi nó xảy ra còn đối với những hành vi gây hấn về tinh thần thì dường như nó diễn ra thường xuyên như một thói quen của các em học sinh để biểu lộ sự không hài lòng của mình với bạn khác mà những hành vi này lại không có sự kiểm soát can thiệp của nhà trường và những hành vi này nó xảy ra ở cả học sinh nam và học sinh nữ trong trường.

Cô Đ.N.M cho biết “*Có thể khi các em học sinh mắc lỗi về HVGH nhưng tự các em cũng chưa nhận thức được và hiểu đó là HVGH. Hơn nữa khi các em có xảy ra hành vi đánh nhau thì nhà trường sẽ có biện pháp can thiệp viết bản kiểm điểm, kỷ luật hoặc gọi cho phụ huynh... điều này chỉ răn đe được phần nào không thể ngăn cản được 100% các hành vi này xảy ra, đặc biệt là với những em học sinh cá biệt. Còn đối với những hành vi như nói xấu sau lưng hay chửi mắng, tung tin đồn...Thì hầu như nhà trường không can thiệp, thậm chí không biết để can thiệp vì điều này nó diễn ra hằng ngày như một thói quen của các em*”.



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.1: Biểu hiện của học sinh THCS Phan Đình Giót khi bị gây hấn.

Nhìn vào biểu đồ trên ta thấy, khi xem xét tình huống bản thân học sinh bị bạn khác có HVGH đối với mình, có 72.5% các em đồng ý “*nhận sự trợ giúp từ bạn bè*” cho thấy, tâm lý lứa tuổi THCS với ảnh hưởng của nhóm bạn bè là khá lớn các em có nhu cầu kết bạn, chia sẻ những khó khăn, buồn vui, đồng cảm với nhau và nhận sự trợ giúp dành cho nhau; 46.25% nhờ đến thầy cô; 28.75% nhờ đến thầy cô; chỉ có 15% nhờ đến trực tiếp công an do tùy vào tính chất của sự việc xảy ra là nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng. Tuy nhiên cũng có một con số 8.75% là không nhờ đến sự giúp đỡ của ai cả, tức là các em tự chịu một mình và chấp nhận điều đó. Các em giải thích là tự mình có thể giải quyết được, hoặc không muốn liên lụy đến ai, “*không muốn mọi người biết vì ngại, xấu hổ, tự ti, sợ bị người khác đánh giá là “hèn”, là yếu kém nên mới bị đánh*”

Cô N.N.M của trường : “*Một số bạn có suy nghĩ tiêu cực, không biết tìm đến ai khi gặp khó khăn cả về học tập và vấn đề tâm lý tình cảm. Ở trường cũng đã có học sinh như vậy rồi. Ở nhà em này, bố đi làm ăn xa không có thời gian quan tâm động viên em nhiều, vài ba tháng mới về một lần rồi lại đi dài hạn, em ở với mẹ kế và thường xuyên bị mẹ mắng nhiếc dằn vò vì kết quả học tập, đến trường thì không thể chú tâm học hành nên học lực giảm sút bị giáo viên khiển trách và báo cáo lại bố mẹ, các bạn thì xa lánh vì em này học kém lại không được sạch sẽ mỗi khi đến lớp nên bị coi là học sinh cá biệt và khi rơi vào hoàn cảnh đó em cảm thấy tự ti ở bản thân và không tin tưởng vào sự giúp đỡ của ai mà tự tách biệt mình, không chơi với ai, không hòa đồng cùng mọi người trong thời gian dài từ đó rơi vào trạng thái âu lo, căng thẳng đến mức phải nghỉ học một thời gian sau đó xin chuyển trường...*”.

Bảng 2.7: Các biểu hiện của học sinh THCS Phan Đình Giót khi phát hiện hoặc chứng kiến HVGH.

<i>STT</i>	<i>Biểu hiện</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Thứ bậc</i>
1	Tìm cách tiếp cận và khuyên nhủ	22.5	3
2	Thông báo cho thầy cô chủ nhiệm bạn đó	36.25	2
3	Thông báo cho gia đình bạn đó	12.5	6
4	Thông báo cho bảo vệ	60	1
5	Mặc kệ, tránh xa	18.75	4
6	Cổ vũ, quay clip	17.5	5
7	Khác	6.25	7

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Số liệu đã chỉ ra rằng, có 60% sẽ thông báo cho bảo vệ của trường, vì bảo vệ là người chịu trách nhiệm an ninh trong trường và bảo vệ luôn luôn trực ở phòng bảo vệ, các em học sinh có thể gặp bất cứ lúc nào nên giải pháp thông báo cho bảo vệ được đa số các em lựa chọn để có thể giải quyết tình huống ngay lúc bấy giờ tránh để gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn; 36.25% thông báo tới thầy cô chủ nhiệm của bạn có HVGH vì giáo viên chủ nhiệm là người có trách nhiệm giải quyết những vi phạm đối với những học sinh thuộc lớp mình chủ nhiệm và là người hiểu rõ được học sinh đó nên cũng có nhiều em lựa chọn giải pháp thông báo cho chủ nhiệm của học sinh đó. Em Đ.T.K cho biết “mọi vấn đề xảy ra trong lớp hay có khó khăn gì em đều thông báo cho cô giáo chủ nhiệm của em để cô giải quyết vì giáo viên chủ nhiệm là người sẽ giải quyết những vấn đề xảy ra với các học sinh trong lớp”; 12.5% học sinh sẽ thông báo cho gia đình bạn đó. Trên thực tế, tùy vào từng tình huống mà có thể báo cáo lại với thầy cô nhà trường và với bố mẹ hay người có trách nhiệm tại trường để giải quyết... Hành động tìm cách tiếp cận và khuyên nhủ bạn có HVGH cũng có lựa chọn (22.5%) vì các em lứa tuổi THCS cũng đã được giáo dục nên phần nào đó khuyên nhủ bạn để cho bạn

hiều tuy nhiên con số này cũng ít. Đối với hành vi như cổ vũ, quay clip con số 17.5% cũng là điều đáng lưu ý khi các em học sinh ngày nay sau khi quay clip xong sẽ “up” lên mạng xã hội để tiếp tục hành vi gây hấn tâm lý của mình. Nhiều em học sinh cũng lựa chọn giải pháp mặc kệ, tránh xa để tránh liên lụy bản thân mình.

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Cũng với những hình thức gây hấn tại trường học nhưng tại trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn lại cho bảng kết quả như sau:

Bảng 2.8: Biểu hiện các hành vi gây hấn đang xảy ra tại trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn

<i>STT</i>	<i>Hành vi</i>	<i>Tần số</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
1	Chửi mắng, lăng mạ	53	66.25
2	Lạm dụng tình dục	1	1.25
3	Đánh đập	15	18.75
4	Chấn lột, giật đồ	68	85
5	Nói xấu sau lưng	72	90
6	Tung tin đồn	30	47.5
7	Đe dọa	15	18.75
8	Chê trọc, mỉa mai	62	77.5
9	Tách biệt, cô lập	28	35
10	Miệt thị, phân biệt đối xử	5	6.25

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Tại địa bàn nghiên cứu - trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn theo bảng 2.8 những biểu hiện của hành vi gây hấn đang diễn ra cũng rất đa dạng với những hình thức khác nhau. Cũng giống như THCS Phan Đình Giót, nổi bật nhất và phổ ở đây là hành vi “*Nói xấu sau lưng*” 90% các em đồng ý hành vi này đang xảy ra tại trường học mình. Tiếp đến là “*chấn lột, giật đồ*” với 85%

và “*Chêu trọc, mia mai*” với 77.5%, “*Chửi mắng, lãng mạ*” với 66.25%, “*Tung tin đồn*” với 47.5%, “*Tách biệt cô lập*” với 35 %. Đây đều là những biểu hiện của hành vi gây hấn về tinh thần. Bên cạnh đó cũng có một số hành vi đang diễn ra tại trường học nhưng nó không phổ biến như những hành vi trên như hành vi “*Đánh đập*” chỉ chiếm 18.75%, hay hành vi “*Đe dọa*” cũng chiếm 18.75%... Những hành vi này là những hành vi gây hấn về thể chất. Điều này cho thấy những hành vi gây hấn ở mức độ cao hơn có thể gây thương tích, đau đớn về thể xác cũng có xảy ra ở môi trường học đường nhưng nó không phổ biến. Còn hành vi lạm dụng thì rất hiếm khi xảy ra ở địa bàn nghiên cứu, chỉ có 1.25% các em cho rằng hành vi này đang xảy ra tại trường học. Để giải thích cho việc hành vi này xảy ra ít ở trường học thì thầy N.V.P cho biết: “*Nhà trường thường có tổ chức các buổi ngoại khóa với chủ đề liên quan đến bạo lực học đường để cho các em học sinh hiểu hơn về hậu quả của nó. Bên cạnh đó nhà trường cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa ngoài đường để học sinh thêm gắn kết*”. Như vậy có thể nói các hành vi gây hấn đang diễn ra tại địa bàn nghiên cứu thì hình thức gây hấn về tinh thần chiếm tỷ lệ cao hơn các hình thức gây hấn về thể chất. Để giải thích cho điều này em P.M.P (lớp 9) cho biết: “*Em thấy trong lớp em hành vi nói xấu bạn xảy ra thường xuyên, ngay cả em cũng từng nói xấu bạn vài lần rồi ạ. Còn hành vi đánh nhau cũng có nhưng rất ít vì các bạn phải có xích mích với nhau nhiều lần hoặc có mâu thuẫn gì lớn thì các bạn mới đánh nhau mà điều này chỉ xảy ra với các bạn nam còn các bạn nữ thì chưa đánh nhau bao giờ. Hơn nữa khi thấy có hiện tượng như vậy là lớp trưởng em liền báo cáo giáo viên để thầy cô xử lý*”.

Kết quả khảo sát dưới đây thể hiện mức độ biểu hiện gây hấn của học sinh tại địa bàn nghiên cứu:

**Bảng 2.9 : Mức độ biểu hiện gây hấn của học sinh
THCS Dân lập Lê Quý Đôn.**

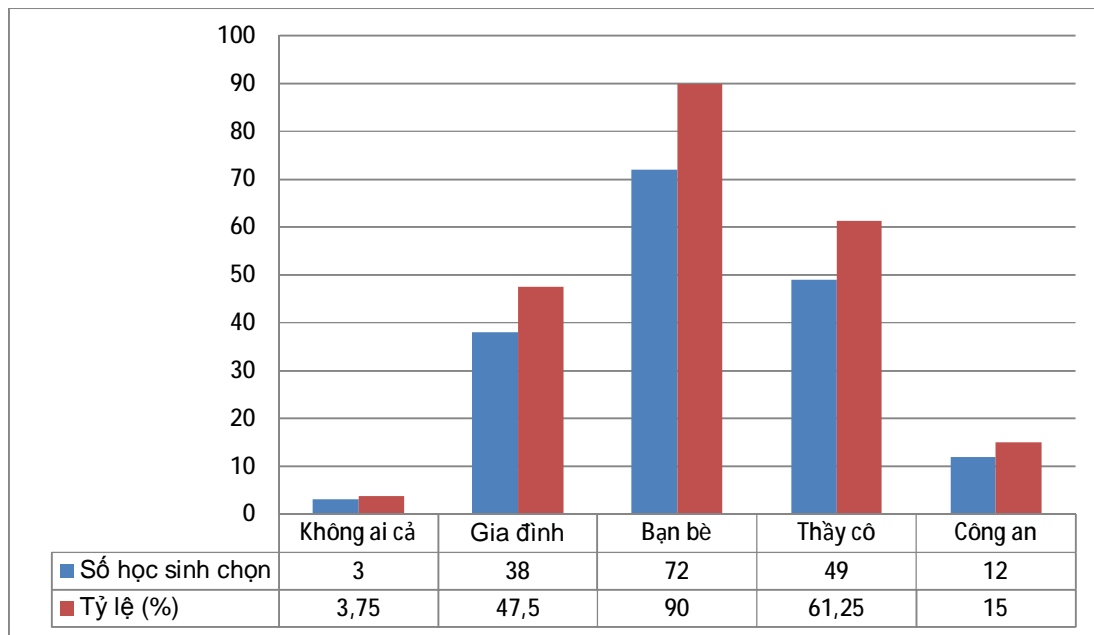
STT	Hành vi	Tỷ lệ (%)			
		Thường xuyên (4)	Thỉnh thoảng (3)	Hiếm khi(2)	Chưa bao giờ(1)
1	Chửi mắng, lăng mạ	6.25	32.5	27.5	33.75
2	Lạm dụng tình dục	0	0	1.25	98.75
3	Đánh đập	0	6.25	12.5	81.25
4	Chấn lột, giật đồ	2.5	15	67.5	15
5	Nói xấu sau lưng	35	37.5	17.5	10
6	Tung tin đồn	10	15	12.5	62.5
7	Đe dọa	0	3.75	15	81.25
8	Chê trọc, mỉa mai	12.5	31.25	33.75	22.5
9	Tách biệt, cô lập	6.25	11.25	17.5	65
10	Miệt thị, phân biệt đối xử	0	2.5	3.75	93.75

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy, hành vi nói xấu sau lưng là hình thức gây hấn diễn ra phổ biến nhất và thường xuyên nhất trong các hình thức (35%) sau đó là hành vi chê trọc mỉa mai (12.5% ở mức độ thường xuyên bị gây hấn). Đáng chú ý là hành vi lạm/ dụng tình dục, đánh đập, đe dọa, miệt thị, phân biệt đối xử là những hình thức mà không có học sinh nào cho biết là hành vi bị gây hấn thường xuyên trong trường học. Và tỉ lệ thấp những học sinh là nạn nhân của những hình thức gây hấn này cũng là một tín hiệu vui cho những nhà quản lý giáo dục tại trường học. Kết quả khảo sát ở trên cũng cho thấy số học sinh là nạn nhân thường xuyên của loại hình gây hấn thể chất như: đánh đập, trấn lột, giật đồ có tỉ lệ thấp hơn số nạn nhân của loại hình gây hấn tinh thần như: nói xấu sau lưng, chê trọc, mỉa mai, tung tin đồn. Như vậy loại hình gây hấn tinh thần có thể nói là thường xuyên và phổ biến hơn cả so

với gây hấn thể chất và loại hình lạm dụng tình dục cũng xuất hiện ở môi trường học đường nhưng chỉ ở mức hiếm khi (1,25%) trong phạm vi học sinh được khảo sát ở nghiên cứu này.

Cô N.H.L chia sẻ “ Ở trường dưới sự giám sát của các thầy cô giáo các hành vi gây hấn như đánh bạn, trộm vặt giắt đồ, đe dọa hay việc miệt thị phân biệt đối xử với bạn luôn được thầy cô can thiệp ngay khi nhận thông tin để tránh học sinh mắc tiếp sai lầm tuy nhiên cũng không tránh khỏi việc có học sinh bị kỷ luật về hành vi gây hấn của mình. Còn đối với những hành vi như nói xấu sau lưng hay chửi mắng, tung tin đồn... thì hầu như nhà trường có can thiệp nhưng không triệt để được vì các em chỉ cần không thích điều gì về bạn mình các em có nói xấu, chửi mắng hay không chơi với bạn đó. Nói gì thì nói nhưng phải công nhận là HVGH được biểu hiện đa dạng và đều có thể xảy ra ở những hoàn cảnh, không gian, thời gian khác nhau ngay tại trường học mà chưa thể kiểm soát chặt chẽ nó được”.



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.2: Biểu hiện của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn khi bị gây hấn.

Nhìn vào biểu đồ trên ta thấy, khi xem xét tình huống bản thân học sinh bị bạn khác có HVGH đối với mình, có 90% các em đồng ý “*nhận sự trợ giúp từ bạn bè*”; 61.25% nhờ đến thầy cô cho thấy tâm lý lứa tuổi các em học sinh cần kết nối bạn bè nhiều hơn và con số này cũng cho thấy sự can thiệp của nhà trường trong các hoạt động có hành vi gây hấn xảy ra. Một kết quả khác 47.5% nhờ đến gia đình; 15% nhờ đến trực tiếp công an do tùy vào tính chất của sự việc xảy ra là nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng. Tỷ lệ con số % tại trường Dân lập Lê Quý Đôn cho thấy tầm quan trọng của thầy cô và gia đình trong việc ngăn chặn hành vi gây hấn của học sinh. Một vài ý kiến khác thì cho rằng: “*tùy vào từng trường hợp gặp phải mà có thể cầu cứu đến ai tiện nhất có thể có mặt kịp thời để giúp đỡ, không nhất thiết là cứ phải nhờ một ai*” vì lí giải này nên các em đa số đều lựa chọn nhiều phương án trợ giúp.

Bảng 2.10: Các biểu hiện của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn khi phát hiện hoặc chứng kiến HVGH

<i>STT</i>	<i>Biểu hiện</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Thứ bậc</i>
1	Tìm cách tiếp cận và khuyên nhủ	47,5	3
2	Thông báo cho thầy cô chủ nhiệm bạn đó	85	1
3	Thông báo cho gia đình bạn đó	47,5	3
4	Thông báo cho bảo vệ	65	2
5	Mặc kệ, tránh xa	18.75	4
6	Cổ vũ, quay clip	5	5

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Số liệu đã chỉ ra rằng, có 85% thông báo tới thầy cô chủ nhiệm của bạn có HVGH vì giáo viên chủ nhiệm là người có trách nhiệm giải quyết những vi phạm đối với những học sinh thuộc lớp mình chủ nhiệm và là người hiểu rõ được học sinh đó chưa kể các thầy cô giáo chủ nhiệm luôn ngồi phòng dành cho giáo viên (mỗi tầng có 1 phòng) nên việc thông báo nhanh hơn. Có 65% chọn thông báo cho bảo vệ trường vì bảo vệ khi thấy sẽ can thiệp nhanh hơn.

Cùng có 47.5% lựa chọn là việc thông báo cho gia đình và tiếp cận khuyến nhủ vì các em lứa tuổi THCS cũng đã được giáo dục nên phần nào đó khuyến nhủ bạn để cho bạn hiểu hành vi của mình là sai cần thay đổi còn việc thông báo cho gia đình để gia đình chăm sóc sức khỏe cho bạn đó. Tuy nhiên em N.M.A cũng cho biết “việc khuyến nhủ với kẻ gây hấn trong lúc họ đang tức giận, nổi khùng thì chỉ *“thêm dầu vào lửa”* thậm chí mình có thể trở thành nạn nhân cùng lúc; số khác thì giải thích rằng: *“nếu đó là người bạn chơi thân cùng nhóm của mình thì cùng kêu gọi nhóm mình khuyến can bạn ấy có thể có hiệu quả”*. Đối với hành vi như cổ vũ, quay clip con số chỉ ở mức 5% vì các em cho rằng *“đó là hành vi không phù hợp thay vì có thể kêu gọi giúp đỡ người khác, bạn lại làm như vậy khác nào tiếp tay cho họ, và vì thế mình cũng là kẻ gây hấn một cách gián tiếp”* – H.T.A nhận xét. Thái độ của học sinh về vấn đề này còn thể hiện ở sự “vô cảm” trước những HVGH điển hình như chụp ảnh, quay video như là một thú vui để khoe với bạn bè hoặc sợ bị liên lụy nên đã chọn giải pháp là mặc kệ, tránh xa (25%). Vì thế, gây hấn dường như đã trở thành một chuyện hết sức bình thường trong môi trường học đường đối với các em điều này cũng chính là sự cảnh báo về nguy cơ của sự vô cảm, thờ ơ của học sinh hiện nay trước những hiện tượng gây bức xúc trong trường học, điển hình như HVGH nói ở đây. Thực tế cho thấy, có một sai lầm trong việc giáo dục con cái thể hiện ở nhiều bậc phụ huynh dạy con họ khi gặp chuyện bất bình không nên can thiệp, *“chẳng phải vậy cũng phải tại”*, khiến cho học sinh khi gặp những tình huống trên cũng không quan tâm, mặc kệ mà bỏ chạy cho nhanh. Điều này cần được thay đổi.

2.2.1.3. *Hậu quả của các hành vi gây hấn của học sinh trường trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.*

Dù thực tế xảy ra ở hai ngôi trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội và trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội có khác nhau đến đâu thì những hậu quả xảy ra đối với các em học sinh có hành

vi gây hấn hay là nạn nhân của mình vi gây hấn thì cũng là điều cần được chú ý để đưa ra được những biện pháp hỗ trợ.

Qua kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của học sinh về hậu quả của hành vi gây hấn được các em liệt kê trên các mặt ảnh hưởng về học tập, nhận thức, các mối quan hệ, giao tiếp xã hội, cụ thể như sau:

- *Thứ nhất, đối với bạn có HVGH:*

- Học tập: thiếu tập trung vào hoạt động này, sa sút về kết quả.
- Mối quan hệ với mọi người trở nên xấu đi, bị bạn bè sợ hãi, xa lánh, lạnh nhạt, thờ ơ, chê cười.
- Những hành vi gây hấn thường xuyên lặp lại sẽ hình thành thói quen và những thói hư tật xấu.
- Làm cho mình tự kiêu, luôn coi mình là nhất, khinh thường người khác, không sợ ai, luôn làm người khác phải lo lắng, ức chế vì hành vi của họ.
- Gây mất trật tự, mất đoàn kết trong trường học.
- Ảnh hưởng đến đạo đức, sức khỏe vì luôn ở trong trạng thái tức giận, căng thẳng, ức chế...
- Để lại ấn tượng xấu trong mắt mọi người.
- Có thể bị phạt hoặc đình chỉ học nếu HVGH ở mức độ nặng.
- Về mặt cảm xúc và nhận thức có thể bị sai lệch nếu cứ tiếp diễn HVGH như: cảm thấy thích thú và có thói quen gây sự chú ý của mọi người bằng những hành vi phá phách, khác người.

Trên đây là ý kiến tổng hợp của học sinh của 2 ngôi trường và đa số các em đều nhận thấy những ảnh hưởng tiêu cực của HVGH đối với chính chủ thể tham gia HVGH. Một số ít học sinh cho rằng việc gây hấn chỉ là cách để tăng sự chú ý của gia đình và thầy cô đối với học sinh này. Có thể nói đây cũng là một phát hiện đáng kể và cần lưu tâm. Trên thực tế, có không ít những gia đình vì điều kiện kinh tế khó khăn không có thời gian dành để quan tâm chăm sóc con cái vì mãi lo cơm áo gạo tiền. Trái ngược lại cũng có những gia đình

kinh tế khá giả, tin rằng chu cấp đầy đủ cho con là làm tốt nghĩa vụ của bậc làm cha mẹ trong khi đó không cần quan tâm con làm gì, học gì, sao nhãng việc học tập và các quan hệ xung quanh con mình và vì vậy đưa trẻ có thể sa vào vòng vây của những tệ nạn xã hội, những hành vi bạo lực, gây hấn do bị lôi kéo mà không ai kiểm soát hay quản lí và khuyên dạy kịp thời. Bên cạnh đó, việc xảy ra HVGH ở trẻ xuất phát từ việc muốn nhận được sự chú ý của cha mẹ đến mình, mong được cha mẹ quan tâm nhiều hơn. Tuy vậy, những đòn roi và sự trừng phạt của cha mẹ đã che lấp ước muốn của con trẻ khi họ không thấu hiểu một cách sâu sắc về nguyên nhân những hành vi đó của con mình gây ra. Khi trẻ càng không thỏa mãn được mong đợi thì lại càng trở nên căm giận, tức tối và có hành vi trút giận hay gây hấn đến người khác. Đó cũng là một thực tế đáng buồn mà khó tránh khỏi khi trẻ không có sự tác động khuyên can hay chia sẻ trước hết từ chính những người thân của mình.

- *Thứ hai, đối với bạn bị gây hấn (học sinh là nạn nhân của HVGH)*

- Ảnh hưởng xấu tới sức khỏe thể chất và tinh thần: Cảm thấy đau đớn về thể chất, tâm lí luôn bất ổn (hoang mang, lo sợ...).

- Học tập sa sút, không tập trung.

- Cảm thấy bị tổn thương, bị người khác chê cười, chế nhạo, cho rằng mình là kẻ nhút nhát, hèn kém.

- Cho rằng mình không tốt, mình sai trái nên đáng nhận hậu quả và có niềm tin sai lệch về bản thân.

- Không dám giao tiếp với mọi người vì xấu hổ, thất vọng, sợ hãi, mặc cảm bản thân và sợ bạn bè trêu chọc, xa lánh, cô lập vì không muốn bị vạ lây.

- Căm ghét kẻ gây hấn, muốn trả thù với tâm lý “gây hấn phải trả bằng gây hấn”.

Có thể nhận thấy, đối với nạn nhân của HVGH học đường những hậu quả mà họ phải đối mặt không chỉ là những tổn thương về thể chất mà nghiêm trọng hơn cả là những vết thương tinh thần theo thời gian mà vẫn khó có thể

xóa nhòa được. Một điều đáng lưu ý qua những ý kiến của học sinh nêu trên được biểu hiện qua những hậu quả nối tiếp hậu quả nếu như nạn nhân của GHHD không được trang bị kiến thức, kỹ năng, ổn định về tâm lý để có thể vượt qua được những khó khăn tâm lý, những đau đớn thể chất thì sẽ có thể dẫn đến thái độ “trả thù” người đã có HVGH với mình hoặc xả trừ cơn tức giận lên những người khác mà không biết rằng đó cũng chính là việc người đó đang nối tiếp HVGH và hậu quả sẽ trở nên nghiêm trọng và khó có thể kiểm soát.

- *Thứ ba, đối với bạn chứng kiến hành vi gây hấn*

Hậu quả với các em khi chứng kiến HVGH được nhận diện như sau:

- Cảm thấy lo lắng cho bạn bị gây hấn và sợ hãi cho bản thân có thể trở thành nạn nhân.

- Bức xúc trước HVGH nhưng không thể làm gì để giúp nạn nhân nên cảm thấy có lỗi, tự dằn vặt mình.

- Có thể bắt chước những HVGH, bị lôi kéo và trở thành người đi gây hấn...

Có thể nói những hậu quả đối với người chứng kiến HVGH được học sinh đưa ra không nhiều tuy nhiên đáng chú ý là việc các em đã nhận thấy bạn chứng kiến HVGH có thể bắt chước hoặc bị lôi kéo tham gia hành vi này và trở thành người đi gây hấn. Đây là một trong những hậu quả rất nghiêm trọng của HVGH, làm gia tăng tình trạng gây hấn ở học sinh THCS.

Thầy H.M.D khi được hỏi về ảnh hưởng của HVGH trong trường học đến học sinh THCS, cho biết: “*Theo tôi, những HVGH có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển thể chất và quá trình học tập của học sinh bởi ở các em hiện đang là lứa tuổi rất nhạy cảm, rất muốn khám phá và để ý những gì diễn ra xung quanh mình. Sự khám phá, sự để ý, sự quan tâm đến những mối quan hệ, những hành động xung quanh ảnh hưởng sự tập trung trong quá trình học tập trong trường cũng như việc học tập ở nhà của các em. Nếu như chúng ta không có sự định hướng cho các em, không có sự tư vấn đúng lúc, kịp thời với*

các em thì những HVGH này không chỉ dừng lại ở hành vi nhằm đạt được mục đích hay không mà nó còn gia tăng nhiều hơn, gây ra những hậu quả nặng nề hơn đó là bạo lực giữa học sinh với học sinh, học sinh và những tầng lớp khác, thậm chí cả học sinh với giáo viên. Theo tôi HVGH có ảnh hưởng không nhỏ theo chiều hướng tiêu cực đối với việc học tập và quá trình phát triển chung về tư duy, tình cảm và các mối quan hệ của các em không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai về sau tùy thuộc vào mức độ của gây hấn để lại”.

Với những bậc phụ huynh, giáo viên THCS vẫn còn tình trạng chưa ý thức được hết mức độ nghiêm trọng trong những tình huống GHHD và nhiều khi còn cho đó là hành vi hết sức bình thường trong sự phát triển lứa tuổi của các em. Mặc dù đã có những biện pháp để giải quyết nhưng vấn đề gây hấn vẫn tiếp diễn ở môi trường học đường. Nếu hành vi này tiếp tục tái diễn nhiều lần sẽ không chỉ gây ra những tổn thương thể chất mà cả những bất ổn về mặt tâm lý cho nạn nhân, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình học tập và sự phát triển nhân cách của học sinh sau này.

Những học sinh là nạn nhân của tình trạng gây hấn thường bị bạn bè xa lánh, cô lập vì tâm lý sợ bị chê bai, sợ liên lụy. Đồng thời các em dễ bị rối loạn về mặt cảm xúc, luôn có cảm giác thấp kém, mặc cảm, tự ti, không tin vào những giá trị bản thân. Các em luôn lo sợ bất an, khó tập trung vào học tập hay bất cứ công việc gì. Nếu bị gây hấn thường xuyên, các em có thể càng thu mình lại, áp lực căng thẳng và có thể dẫn đến hành vi hủy hoại bản thân hoặc có thể trở nên hung hăng, bất cần với tư tưởng trả thù kẻ gây hấn với mình hoặc trút giận sang người khác, vật thể xung quanh mà không kiểm soát được bản thân.

Mặt khác, những học sinh trực tiếp thực hiện những HVGH cũng phải chịu những hậu quả nặng nề về tinh thần và thể chất. Các em thường xuyên có HVGH với người khác rất dễ có những nhận thức sai lệch về bản thân và từ nhận thức sai lệch sẽ dễ dẫn đến những hành vi tiêu cực có xu hướng dẫn đến những hành vi như phạm pháp, có những mối quan hệ thiếu lành mạnh trong xã hội như

tự tập băng nhóm, sa vào các tệ nạn xã hội... Đồng thời, các em khó có được sự thông cảm, chia sẻ và quan tâm đúng mức với người khác và cũng khó có được những đánh giá, nhìn nhận khách quan về những tình huống của cuộc sống để có những ứng xử phù hợp và giao tiếp hiệu quả với những người xung quanh.

Những học sinh chứng kiến HVGH, dù không tham gia trực tiếp nhưng ít nhiều cũng có những ảnh hưởng không tốt tới các em. Khi chứng kiến hành HVGH giữa các bạn, ở đa số học sinh THCS thường diễn ra tâm lý hoang mang, lo lắng, sợ hãi. Một số em muốn ngăn cản nhưng không dám hoặc khi không thể ngăn chặn được, các em cảm thấy có lỗi, tự trách mình và thấy “*lực bất tòng tâm*” và giận chính bản thân mình. Ngược lại, một số ít học sinh lại cổ vũ và ủng hộ cho hành vi này. Số khác thì mặc kệ, tránh xa để khỏi liên lụy đến mình. Nếu việc chứng kiến những hành vi gây hấn liên tiếp và lặp lại nhiều lần với cách ứng xử và thái độ e sợ như vậy sẽ dần tạo nên sự thờ ơ, lãnh đạm trước những bất công và những vấn đề gây bức xúc trong nhà trường nói riêng và trong xã hội nói chung.

Đối với dư luận xã hội, nếu HVGH cứ liên tiếp diễn ra với hậu quả nghiêm trọng, trong khi đó không có được những động thái tích cực, những thay đổi trong các biện pháp quản lí, giáo dục trong nhà trường, gia đình và sự góp sức của cộng đồng thì việc giảm thiểu những hành vi tiêu cực này sẽ trở nên khó khăn và làm mất niềm tin, nghi ngờ vào nền giáo dục hiện tại. Chính vì vậy, yêu cầu bức thiết tại môi trường học đường là cần phải có những hướng giải quyết mới, áp dụng những hình thức phù hợp hơn, nhằm triển khai rộng rãi, đồng đều và kịp thời trong khắp các trường học để trường học luôn là môi trường thân thiện và học sinh là những chủ thể có hành vi tích cực không chỉ trong học tập mà trong cả các mối quan hệ học đường và các ứng xử phù hợp trong xã hội.

2.2.1.4. Các hoạt động can thiệp đã áp dụng để giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh của trường trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.

**Bảng 2.11: Nhận thức về cách thức giảm thiểu HVGH của học sinh
THCS Phan Đình Giót.**

<i>STT</i>	<i>Nhận thức về cách thức giảm thiểu các HVGH</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>	<i>Thứ bậc</i>
1	Cho học võ	31.25	5
2	Cho xem phim ảnh về hành vi gây hấn để họ ý thức là không nên có hành vi gây hấn	15	6
3	Dạy cho người đó có hành vi giúp đỡ, yêu thương mọi người xung quanh.	81.25	2
4	Trừng phạt người có HVGH	62.5	4
5	Tạo lập môi trường sống lành mạnh, thường xuyên tổ chức các buổi rèn luyện ngoại khóa để giáo dục về hành vi gây hấn.	86.25	1
6	Không cần phải làm gì cả, khi đến tuổi trưởng thành tự hành vi gây hấn sẽ mất đi	10	7
7	Có hình thức khen thưởng cho người hay gây hấn nếu trong một thời gian nhất định họ không có hành vi gây hấn.	65	3

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Theo kết quả khảo sát, học sinh đều lựa chọn hai phương án – hai biện pháp trở lên và điều đó cũng phần nào cho thấy được cần có sự phối kết hợp của nhiều biện pháp, cách thức phù hợp để giảm thiểu HVGH nói chung. Bảng số liệu (bảng 2.11) cho thấy, các giải pháp được học sinh đánh giá với tỉ lệ cao nhất là việc *tạo lập môi trường sống lành mạnh, thường xuyên tổ chức các buổi rèn luyện ngoại khóa để giáo dục về hành vi gây hấn* (86.25%) và thứ hai là *dạy cho người đó có hành vi giúp đỡ yêu thương mọi người xung quanh* (81.25%). Thứ ba là *có hình thức khen thưởng cho người hay gây hấn nếu trong một thời gian nhất định họ không có hành vi gây hấn* (65%). Thứ tư là *trừng phạt người có hành vi gây hấn* (62.5%).

Em N.H.C (lớp 9) cho biết: *“Theo em thì môi trường sống là yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển của mỗi con người, nếu một người sống trong một gia đình hạnh phúc êm ấm thì người đó sẽ có thái độ ấm áp, quan tâm, yêu thương người khác, còn một người sống trong một gia đình không hạnh phúc, luôn xảy ra cãi vã, bạo lực và không nhận được tình yêu thương của người thân thì sẽ hình thành nên tính cách bạo lực, hận thù ... Chính vì thế việc tạo một môi trường sống lành mạnh là giải pháp tốt nhất để có thể giảm thiểu những hành vi gây hấn”*.

Các giải pháp khác có số học sinh lựa chọn thấp hơn như *“cho học võ”* (31.25%) *“cho xem phim ảnh về HVGH để họ có ý thức là không nên có HVGH”* (15%); và ngay cả biện pháp là: *“không cần phải làm gì cả, khi đến tuổi trưởng thành tự HVGH sẽ mất đi”* cũng được học sinh lựa chọn (10%). Lý giải điều này không khó bởi đây là những phương án không thực sự phù hợp, tích cực và không cho hiệu quả lâu dài. Việc cho xem phim ảnh về HVGH để họ có ý thức là không nên có HVGH, cho học võ hay không làm gì cả để tự mất đi... không những không giảm thiểu HVGH một cách hiệu quả mà thậm chí còn tăng tính hung hăng, tính bạo lực cao hơn. Phương án không làm gì cả mà để HVGH sẽ mất đi khi trưởng thành là giải pháp không khả thi bởi hành vi tiêu cực này không thể tự mất đi một khi đã trở thành thói quen cố hữu mà không có sự tác động thay đổi tích cực nào.

Kết quả thăm dò ý kiến đánh giá của học sinh về các biện pháp dưới đây (bảng 2.12) đã chỉ ra rằng, biện pháp *“Truyền thông, tập huấn, giáo dục tại trường học”* nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh về gây hấn học đường (với 86.25%) và *“Giáo viên chủ nhiệm quan tâm nhiều hơn nữa tới học sinh”* về mặt học tập, hoàn cảnh gia đình cùng các mối quan hệ bạn bè xung quanh trường học (76.25%) được đa số học sinh lựa chọn và đánh giá hiệu quả. Điều đó cho thấy, việc truyền thông, tập huấn, giáo dục học sinh THCS và vai trò của giáo viên chủ nhiệm - *“người mẹ thứ hai”* trong trường học có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của các em đối với vấn đề giảm thiểu HVGH học đường. Bên cạnh đó, biện pháp nhà trường *“thành lập phòng tham vấn học đường”* (72.5%), *“tổ chức và sinh hoạt các câu lạc bộ về*

các chủ đề khác nhau” về giới tính, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, cách giảm thiểu stress, áp lực học tập, kiểm chế cảm xúc tiêu cực (65%) cũng được học sinh đánh giá cao về mặt hiệu quả trong việc giảm thiểu HVGH ở đây. Dưới đây những đánh giá của học sinh THCS về các biện pháp cần được triển khai tại trường trên địa bàn nghiên cứu, cụ thể như sau:

Bảng 2.12. Một số biện pháp giảm thiểu HVGH qua đánh giá của học sinh THCS Phan Đình Giót.

ST T	Biện pháp	Tỷ lệ (%)				Thứ bậc
		Không hiệu quả (1)	Hiệu quả một phần (2)	Khá Hiệu quả (3)	Rất hiệu quả (4)	
1	Truyền thông, tập huấn, giáo dục tại trường học	0	5	8.75	86.25	1
2	Giáo viên chủ nhiệm quan tâm nhiều hơn nữa tới học sinh	0	0	24.75	76.25	2
3	Phối hợp cùng gia đình trong quản lý học sinh.	1.25	26.25	35	37.5	5
4	Tổ chức và sinh hoạt các câu lạc bộ về các chủ đề khác nhau.	0	15	20	65	4
5	Thành lập phòng tham vấn tâm lý.	0	3.75	23.75	72.5	3
6	Lập hòm thư để học sinh góp ý, thông báo về việc phát hiện nguy cơ gây hấn học đường.	32.5	23.75	26.25	17.5	7
7	Đề ra những biện pháp ,hình thức kỉ luật đối với những học sinh có hành vi gây hấn	0	28.75	38.75	32.5	6

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Mặt khác, các biện pháp như “Lập hòm thư để học sinh góp ý, thông báo về việc phát hiện nguy cơ gây hấn học đường” (32.5% cho là không hiệu quả) không được học sinh đánh giá cao ở tính hiệu quả song nó cũng cần được chú

trọng và phối kết hợp với những giải pháp trên để đạt được hiệu quả cao nhất và đảm bảo sự bền vững lâu dài trong công tác giảm thiểu HVGH của học sinh tại trường học.

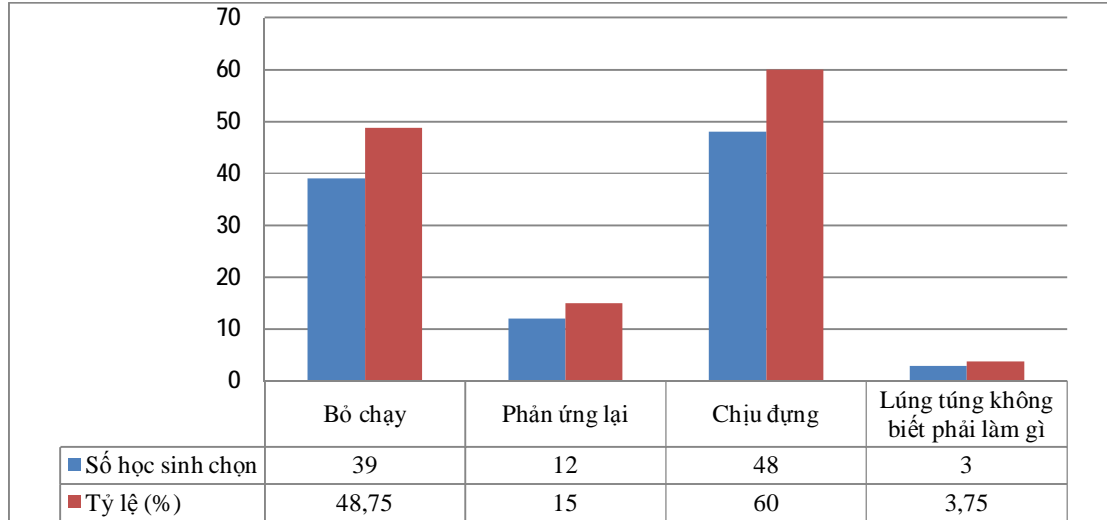
Một thuận lợi nữa trong việc đề cập đến những giải pháp của việc giảm thiểu HVGH học đường, đó chính là học sinh nhận thức được về việc phòng ngừa và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ của GHHĐ. Kết quả thu được trong bảng 2.13 dưới đây cho thấy, yếu tố quan trọng nhất giúp học sinh phòng ngừa HVGH đó là *“học cách bảo vệ bản thân trước các yếu tố nguy cơ xung quanh qua các lớp học kỹ năng, sinh hoạt câu lạc bộ”* với 78.75% số học sinh lựa chọn biện pháp này. Để giải thích cho việc lựa chọn này em Đ.K.T (lớp 7) cho biết: *“Bạn C lớp em thường xuyên bị các bạn trêu chọc vì không có kỹ năng xử lý những tình huống như vậy nên bạn không biết làm thế nào để các bạn khác dừng việc trêu chọc mình lại, thậm chí nhiều lúc bạn cứ đứng im cho các bạn đẩy trêu chọc, rồi ném sách vở xuống đất....”*. Một con số không kém đó chính là 73.75% học sinh lựa chọn được *“nâng cao nhận thức về gây hấn học đường, hậu quả của nó; được thực hành các bài tập về kỹ năng sống, các bài tập thư giãn, kiểm chế cơn tức giận”*... Bên cạnh đó với 52.5% lựa chọn việc *“thông báo cho giáo viên kịp thời khi phát hiện HVGH”* và bản thân *“không tham gia hay cổ vũ HVGH”* cũng là những biện pháp hiệu quả với nhiều em. Qua phỏng vấn sâu cho thấy, các em đều cho rằng cần phải có kỹ năng tự bảo vệ bản thân như kỹ năng từ chối, kỹ năng nhận biết nguy cơ, kỹ năng kiểm soát sự căng thẳng... Những giải pháp như *“Không giao du, kết bạn với người có HVGH”* (10%) và *“Tránh xa, tách biệt với người có HVGH”*(0%) cũng được học sinh THCS nhận thức đúng đắn vì đó không phải là những biện pháp phù hợp và hiệu quả trái lại nó càng làm cho tình hình GHHĐ trở nên căng thẳng hơn khi những người gây hấn gặp phải sự thờ ơ, bàng quan, thiếu thiện chí với họ. Đó cũng chính là việc cản trở quá trình hòa nhập của những người đã từng có HVGH muốn thay đổi nhưng lại chịu sự xa lánh và định kiến của những người xung quanh.

**Bảng 2.13: Nhận thức về việc phòng ngừa và bảo vệ bản thân
khỏi nguy cơ GHHĐ của học sinh THCS Phan Đình Giót**

STT	Biểu hiện	Tỷ lệ (%)			
		Không đồng ý (1)	Một phần đồng ý (2)	Đồng ý (3)	Rất đồng ý (4)
1	Học sinh được nâng cao nhận thức về gây hấn học đường, hậu quả của nó; được thực hành các bài tập về kỹ năng sống, các bài tập thư giãn, kiểm chế cơn tức giận...	0	0	26.25	73.75
2	Không tham gia hay cổ vũ cho các hoạt động gây hấn.	0	0	47.5	52.5
3	Thông báo kịp thời cho giáo viên khi phát hiện hành vi gây hấn tại trường học.	0	3.75	43.75	52.5
4	Không giao du, kết bạn với người có hành vi gây hấn.	28.75	25	36.25	10
5	Tránh xa, tách biệt với những người có hành vi gây hấn.	22.5	43.75	33.75	0
6	Luôn đề phòng những người có hành vi gây hấn.	27.5	25	25	22.5
7	Học cách bảo vệ bản thân trước các yếu tố nguy cơ xung quanh qua các lớp học kỹ năng, sinh hoạt câu lạc bộ.	0	2.5	18.75	78.75

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Một đánh giá khác liên quan đến vấn đề khi gặp phải những tình huống gây hấn thì học sinh sẽ làm gì để bảo vệ bản thân, các em đã đưa ra những lựa chọn của mình như sau:



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.3: Các phương án tự vệ của học sinh THCS Phan Đình Giót khi đối diện với tình huống bị gây hấn.

Ở đây, có tới 60% các em lựa chọn phương án “*chịu đựng*” cho thấy các em không được trang bị đầy đủ những thông tin, kiến thức về HVGH nên đã thể hiện sự chịu đựng của bản thân mình trong việc phòng vệ và thiếu những kỹ năng cần thiết để bảo vệ bản thân cũng như ứng xử phù hợp nhằm tránh những HVGH xảy ra với mình. Phương án “*phản ứng lại bằng cách chống đỡ hành vi đó hay gọi người giúp*” lại chỉ có 1 số lượng học sinh THCS lựa chọn (chiếm 15%) cho thấy các em vẫn còn đang ở tâm lý lứa tuổi vô cùng hoang mang chưa biết phải làm như thế nào cho hợp lý, phản ứng ra sao mới phù hợp để tránh ảnh hưởng đến bản thân mình sau này. Đáng chú ý là số lượng học sinh THCS “*bỏ chạy*” (48.75%) đi ngược với quan điểm cho rằng, các em ở lứa tuổi này thích thể hiện mình và muốn chứng minh mình luôn luôn đúng. Học sinh N.T.H (lớp 7) nhận định về điều này “*Có những lúc em biết bọn nó nói xấu mình với người khác là đã học kém được mỗi cái hát hay mà cũng chảnh với kiêu nhưng em mặc kệ vì nếu nói lại cũng chẳng nói được với chúng nó*”. Phản ứng này của các em được đánh giá tuy chưa tích cực, có thể

vì sợ hãi, lo lắng quá mức đối với những HVGH nhưng cũng chưa gây nguy hại nhiều cho bản thân.

Nói tóm lại mặc dù các biện pháp đã và đang thực hiện mặc dù được đánh giá tính hiệu quả khá cao song vì một phần chưa có điều kiện và cơ hội để áp dụng nhiều ở địa bàn nghiên cứu một phần vì đây là những biện pháp chưa thực sự hữu hiệu trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu các hành vi gây hấn. Đồng thời còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện những biện pháp này vì thế cần phải có một giải pháp tốt hơn, hữu hiệu hơn để giảm thiểu các hành vi gây hấn của học sinh đó là những giải pháp của công tác xã hội .

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Bảng 2.14: Một số nhận thức về cách thức giảm thiểu HVGH của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

<i>STT</i>	<i>Nhận thức về cách thức giảm thiểu các HVGH</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>	<i>Thứ bậc</i>
1	Cho học võ	57.5	5
2	Cho xem phim ảnh về hành vi gây hấn để họ ý thức là không nên có hành vi gây hấn.	10	6
3	Dạy cho người đó có hành vi giúp đỡ, yêu thương mọi người xung quanh.	96.25	2
4	Trừng phạt người có HVGH	50	4
5	Tạo lập môi trường sống lành mạnh, thường xuyên tổ chức các buổi rèn luyện ngoại khóa để giáo dục về hành vi gây hấn.	98.75	1
6	Không cần phải làm gì cả, khi đến tuổi trưởng thành tự hành vi gây hấn sẽ mất đi.	3.75	7
7	Có hình thức khen thưởng cho người hay gây hấn nếu trong một thời gian nhất định họ không có hành vi gây hấn.	80	3

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Theo kết quả khảo sát, các giải pháp được học sinh đánh giá với tỉ lệ cao nhất gần như tuyệt đối là việc *tạo lập môi trường sống lành mạnh yêu thương*

mọi người xung quanh (98.75%) và thứ hai là dạy cho người đó có hành vi giúp đỡ (96.25%). Có thể nhận thấy, việc tạo lập môi trường sống lành mạnh cho con người, tức là tác động làm giảm các yếu tố phát sinh thì sẽ góp phần làm cho HVGH giảm thiểu - đó là yếu tố được đa số học sinh nhận thức với tỷ lệ khá cao. Môi trường sống ở đây bao gồm cả môi trường gia đình, trường học, xã hội. Đồng thời cần phải cung cấp cho trẻ em có nền tảng về giá trị sống, kỹ năng sống; dạy cho trẻ có hành vi giúp đỡ sẽ tạo cho trẻ tấm lòng nhân ái, bao dung, biết lắng nghe, chia sẻ, hòa đồng với mọi người...

Với những hình thức như “trừng phạt người có hành vi gây hấn” (50%) và “khen thưởng cho người hay gây hấn nếu trong một thời gian nhất định họ không có HVGH” (80%) cũng đều được học sinh lựa chọn như là một hình thức giảm thiểu HVGH bởi các em cho rằng đây cũng được coi là biểu hiện của sự công bằng, cởi mở hơn và là cơ sở để cải thiện hành vi của người gây hấn trong việc giảm thiểu hành vi tiêu cực này của chính họ để họ có được điều kiện hòa nhập và tránh cái nhìn định kiến của gia đình, bạn bè và cộng đồng xung quanh.

Các giải pháp như “cho học võ” (57.5%) cũng được nhiều em học sinh lựa chọn bởi các em cho rằng học võ không chỉ bảo vệ bản thân mình, phòng vệ mà còn giúp các em rèn luyện sức khỏe hàng ngày. “Cho xem phim ảnh về hành vi gây hấn để họ ý thức là không nên có hành vi gây hấn” (10%), “không cần phải làm gì cả, khi đến tuổi trưởng thành tự hành vi gây hấn sẽ mất đi”(3.75%) là hai phương án được các em lựa chọn ít nhất. Em H.A.Đ chia sẻ: “Đôi khi em thấy cho xem phim ảnh về hành vi gây hấn để họ ý thức là không nên có hành vi gây hấn có khi còn phản tác dụng vì nhiều bạn chính vì xem phim có hành vi gây hấn mà biết cách hành hạ các bạn đấy chứ. Chưa kể càng đến tuổi trưởng thành hành vi càng thể hiện rõ sự thô bạo hơn”.

Dưới đây những đánh giá của học sinh THCS về các biện pháp cần được triển khai tại trường trên địa bàn nghiên cứu, cụ thể như sau:

Bảng 2.15. Một số biện pháp giảm thiểu HVGH qua đánh giá của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

<i>S T T</i>	<i>Biện pháp</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>				<i>Thứ bậc</i>
		<i>Không hiệu quả (1)</i>	<i>Hiệu quả một phần (2)</i>	<i>Khá Hiệu quả (3)</i>	<i>Rất hiệu quả (4)</i>	
1	Truyền thông, tập huấn, giáo dục tại trường học.	0	0	2.5	97.5	1
2	Giáo viên chủ nhiệm quan tâm nhiều hơn nữa tới học sinh.	0	0	3.75	96.25	2
3	Phối hợp cùng gia đình trong quản lý học sinh.	0	5	10	85	4
4	Tổ chức và sinh hoạt các câu lạc bộ về các chủ đề khác nhau.	0	5	10	85	4
5	Thành lập phòng tham vấn tâm lý.	0	3.75	10	86.25	3
6	Lập hòm thư để học sinh góp ý, thông báo về việc phát hiện nguy cơ gây hấn học đường.	0	56.26	26.25	17.5	5
7	Đề ra những biện pháp và các hình thức kỉ luật đối với những học sinh có hành vi gây hấn.	0	46.75	38.75	17.5	5

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả khảo sát đã chỉ ra rằng, biện pháp “*Truyền thông, tập huấn, giáo dục tại trường học*” nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh về gây hấn học đường (97.5%) và “*Giáo viên chủ nhiệm quan tâm nhiều hơn nữa tới học*

sinh” về mặt học tập, hoàn cảnh gia đình cùng các mối quan hệ bạn bè xung quanh trường học (96.26%) chiếm tỷ lệ gần như tối đa số học sinh lựa chọn và đánh giá hiệu quả. Bên cạnh đó, biện pháp nhà trường “*thành lập phòng tham vấn học đường*” (86.2.5%) cũng được học sinh đánh giá cao về mặt hiệu quả trong việc giảm thiểu HVGH ở đây. Việc thành lập phòng tham vấn tâm lý được các học sinh kì vọng đó sẽ là nơi để học sinh có thể có được những hình thức tham vấn tốt nhất cho những tình huống gây hấn gặp phải, là cơ sở để học sinh có HVGH, bị gây hấn bình ổn về tâm lý, là nơi sẽ cung cấp cho các em những kiến thức về gây hấn, những kỹ năng kiềm chế cơn tức giận, giải tỏa những cảm xúc căng thẳng xuất hiện có thể làm nảy sinh tình huống gây hấn. Em V.T.H (lớp 8) cho biết “ *Nhiều khi em cảm thấy không biết phải làm thế nào khi em bị chính người bạn thân của em phản bội vì nó hiểu lầm em, một lần em thấy nó nói xấu em với một bạn khác trong lớp, khi đó em rất tức giận vì những gì nó nói không phải sự thật, em định chạy ra nói lý với nó nhưng nghĩ đến việc nó là bạn thân em nếu ra cãi nhau với nó thì không ra thế nào. Thế là em cứ chịu uất ức như vậy mà không biết chia với ai cả, em chỉ muốn làm cái gì đấy để kết thúc tình trạng này thậm chí em từng nghĩ làm cho ra nhẽ chuyện đó rồi nghỉ chơi với đứa bạn đấy luôn*”.

Cùng đứng ở vị trí thứ tư với 85% học sinh lựa chọn là “*phối hợp cùng gia đình trong quản lý học sinh*” và “*tổ chức và sinh hoạt các câu lạc bộ về các chủ đề khác nhau*” về giới tính, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, cách giảm thiểu stress, áp lực học tập, kiềm chế cảm xúc tiêu cực. Điều này cho thấy học sinh trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn rất chú trọng đến các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức trong trường học. Chưa kể ở đây mối quan hệ của gia đình và nhà trường cũng vô cùng gắn kết, thường xuyên trao đổi việc học tập và rèn luyện của học sinh.

Bảng 2.16: Một số nhận thức về việc phòng ngừa và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ GHHĐ của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

<i>S T T</i>	<i>Biểu hiện</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>			
		<i>Không đồng ý (1)</i>	<i>Một phần đồng ý (2)</i>	<i>Đồng ý (3)</i>	<i>Rất đồng ý(4)</i>
1	Học sinh được nâng cao nhận thức về gây hấn học đường, hậu quả của nó; được thực hành các bài tập về kỹ năng sống, các bài tập thư giãn, kiểm chế cơn tức giận...	0	0	15	85
2	Không tham gia hay cổ vũ cho các hoạt động gây hấn.	0	0	21.25	78.75
3	Thông báo kịp thời cho giáo viên khi phát hiện hành vi gây hấn tại trường học.	0	0	21.25	78.75
4	Không giao du, kết bạn với người có hành vi gây hấn.	58.75	36.25	15	0
5	Tránh xa, tách biệt với những người có hành vi gây hấn.	22.5	43.75	33.75	0
6	Luôn đề phòng những người có hành vi gây hấn.	52.5	22.5	12.5	12.5
7	Học cách bảo vệ bản thân trước các yếu tố nguy cơ xung quanh qua các lớp học kỹ năng, sinh hoạt câu lạc bộ.	0	2.5	16.25	81.25

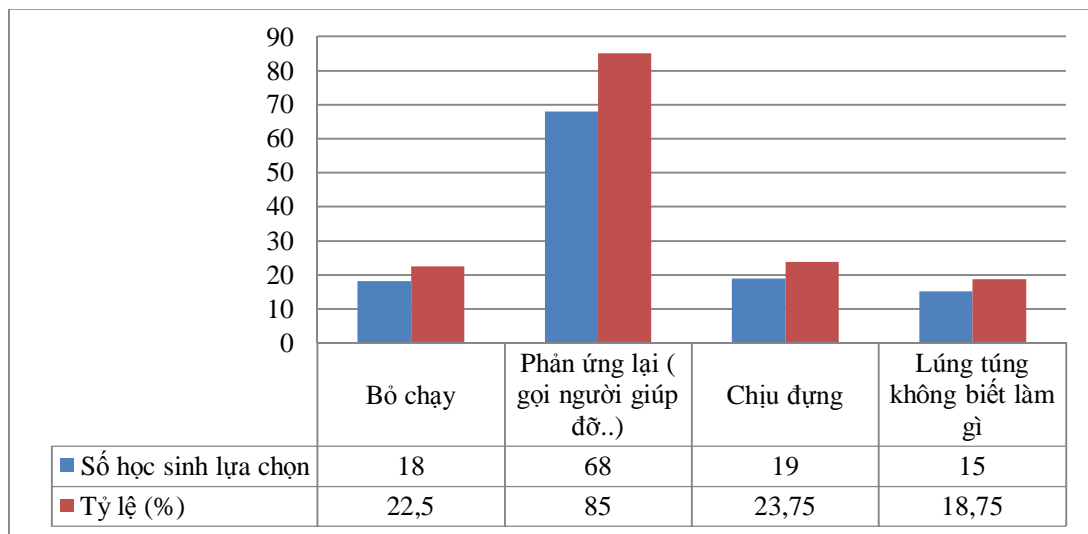
(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả thu được từ bảng trên cho thấy, cũng giống như học sinh Phan Đình Giót, Dân lập Lê Quý Đôn cũng lựa chọn yếu tố quan trọng nhất giúp học sinh phòng ngừa HVGH đó là “*nâng cao nhận thức về gây hấn học*

đường, hậu quả của nó; được thực hành các bài tập về kỹ năng sống, các bài tập thư giãn, kiểm chế cơn tức giận...” . Yếu tố thứ hai cũng với sự lựa chọn cao từ học sinh đó chính là *“học cách bảo vệ bản thân trước các yếu tố nguy cơ xung quanh qua các lớp học kỹ năng, sinh hoạt câu lạc bộ”* với 81.25% số học sinh lựa chọn biện pháp này. 78.75% học sinh lựa chọn với *“thông báo cho giáo viên kịp thời khi phát hiện HVGH”* và bản thân *“không tham gia hay cổ vũ HVGH”* cũng là những biện pháp hiệu quả với nhiều em. Qua phỏng vấn sâu cho thấy, các em đều cho rằng cần phải có kỹ năng tự bảo vệ bản thân như kỹ năng từ chối, kỹ năng nhận biết nguy cơ, kỹ năng kiểm soát sự căng thẳng.... và mong muốn của các em là *“nhà trường sẽ sớm tổ chức các lớp học trao đổi về các kỹ năng cần thiết trong phòng tránh nguy cơ gây hại của GHHD”*. Với các phương án đưa ra *“không giao du, kết bạn với người có hành vi gây hấn”* (58.75%), *“luôn đề phòng những người có hành vi gây hấn”* (52.5%), *“tránh xa, tách biệt với những người có hành vi gây hấn”* (22.5%) một con số tỷ lệ cao không đồng ý với sự lựa chọn này bởi các em cho rằng bạn bè học cùng với nhau mà sống đề phòng, tránh né bạn thì rất tội cho bạn, chưa kể có thể các bạn không muốn xảy ra hành vi như thế nhiều khi còn do bị ép buộc. Tóm lại, nhận thức về việc phòng ngừa và bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ GHHD của học sinh THCS là hết sức tích cực nếu có sự quan tâm đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

Phát hiện và phòng ngừa học sinh THCS có HVGH HD, xây dựng môi trường học đường trong sạch không có bạo lực là nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng và có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trong ngành giáo dục, đặc biệt trong trường THCS nói riêng. Một trong các biện pháp để thực hiện được mục tiêu trên là phải xây dựng được nhận thức tốt ở học sinh THCS về việc phát hiện và phòng ngừa HVGH cho chính bản thân, góp phần cùng nhà trường phát hiện và phòng ngừa HVGH trong học đường. Có thể nhận thấy, một trong những thuận lợi của việc đề ra những giải pháp can thiệp nhằm giảm thiểu HVGH, là việc học sinh đã tự nhận thức được vai trò của bản thân, những việc có thể làm, những kỹ năng cần được trang bị. Tuy nhiên, một số

hành động cần thiết để thực hiện những biện pháp giảm thiểu HVGH này thì các em lại có hiểu biết khá hạn chế. Bởi các em chưa được biết đến nhiều, cũng như chưa được trải nghiệm các hoạt động thuộc những biện pháp đã và đang được áp dụng ở một số trường học trong cả nước như hình thức tham vấn học đường, hay việc tổ chức những câu lạc bộ cung cấp các thông tin, kiến thức, kỹ năng sống cho giới trẻ, những cách thức để giảm thiểu stress, áp lực học tập hay ở đây là kỹ năng quản lý cảm xúc. Thêm vào đó, những mô hình nhóm giáo dục hoạt động theo định hướng của CTXH cũng đã và đang được áp dụng ở một mức độ nhất định trong sinh hoạt của một số câu lạc bộ tại trường học cũng có vai trò trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu HVGH, hình thành cho học sinh những hành vi tích cực thay thế. Tuy nhiên, các biện pháp này đều chưa có cơ hội và điều kiện được áp dụng tại địa bàn nghiên cứu và khách thể khảo sát ở đây.



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.4: Các phương án tự vệ của học sinh THCS Dân lập

Lê Quý Đôn khi đối diện với tình huống bị gây hấn.

Ở đây, khác với học sinh Phan Đình Giót, học sinh Lê Quý Đôn có tới 85% các em lựa chọn phương án “*phản ứng lại bằng cách chống đỡ hành vi đó hay gọi người giúp*” bởi các em suy nghĩ rằng nếu một lần đã bị gây hấn thì sẽ có rất nhiều lần sau nữa, do vậy cần phải quán triệt ngay. Ở độ tuổi

THCS chưa thể phản ứng quá gay gắt. Mặt khác khi các em không được trang bị đầy đủ những thông tin, kiến thức về HVGH thì có thể lựa chọn phương án “trợ giúp”.

Nhìn vào biểu đồ 2.4 ta nhận thấy, tỷ lệ % của chịu đựng, bỏ chạy và lúng túng không biết làm gì cả chiếm tỷ lệ thấp với các con số lần lượt là 23.75%, 22.5% và 18.75%. Để lý giải về con số này học sinh B.T.M. (lớp 6) kể lại rằng: “*em và N học khác lớp nhau, có lần em thấy bạn N đi chơi điện tử bỏ học, em có về nói chuyện này với mẹ em vì có chuyện gì ở trường lớp là em lại hay kể với mẹ và mẹ em lại kể lại với mẹ nó thế nên lần đấy nó rủ bọn bạn đánh em một trận. Em thấy mình cũng có phần sai nên đành chịu. Từ sự việc đó nó “cạch” mặt em coi như không quen biết nữa...*”. Phản ứng này của các em được đánh giá tuy chưa tích cực, có thể vì sợ hãi, lo lắng quá mức đối với những HVGH nhưng cũng chưa gây nguy hại nhiều cho bản thân. Tuy nhiên con số này cũng cho thấy học sinh của trường Dân lập Lê Quý Đôn luôn luôn đối mặt với những vấn đề và thách thức. Các em lựa chọn đương đầu chứ không trốn chạy, chọn cách giải quyết triệt để, có tính khả thi.

Nói tóm lại mặc dù các biện pháp đã và đang thực hiện mặc dù được đánh giá tính hiệu quả khá cao song vì một phần chưa có điều kiện và cơ hội để áp dụng nhiều ở địa bàn nghiên cứu một phần vì đây là những biện pháp chưa thực sự hữu hiệu trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu các hành vi gây hấn. Đồng thời còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện những biện pháp này vì thế cần phải có một giải pháp tốt hơn, hữu hiệu hơn để giảm thiểu các hành vi gây hấn của học sinh đó là những giải pháp của công tác xã hội .

2.2.2. Thực trạng vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

2.2.2.1. Thực trạng nhận thức.

Bảng 2.17: Nhận thức về các hoạt động trong vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

STT	Các hoạt động	THCS Phan Đình Giót		THCS Dân lập Lê Quý Đôn	
		Tần số	Tỷ lệ(%)	Tần số	Tỷ lệ(%)
1	Phân công công việc cho các thành viên nhóm một cách phù hợp	7	8.75	1	1.25
2	Tạo lập và xây dựng bầu không khí ấm áp, tin cậy, thoải mái	4	5	2	2.5
3	Kích thích sự tham gia của các thành viên nhóm	5	6.25	2	2.5
4	Phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm	5	6.25	2	2.5
5	Tất cả các phương án trên	59	73.75	73	91.25

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy sự nhận thức của các em về các hoạt động điều phối là tương đối. Có 73.75% học sinh THCS Phan Đình Giót và có 91.25% học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn lựa chọn phương án “*Tất cả phương án trên*” điều đó chứng tỏ đa số học sinh trường của hai trường đều có nhận thức đúng đắn về các hoạt động của vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội. Tuy nhiên tỷ lệ % ở THCS Dân lập Lê Quý Đôn cao hơn 17.5% so với THCS Phan Đình Giót.

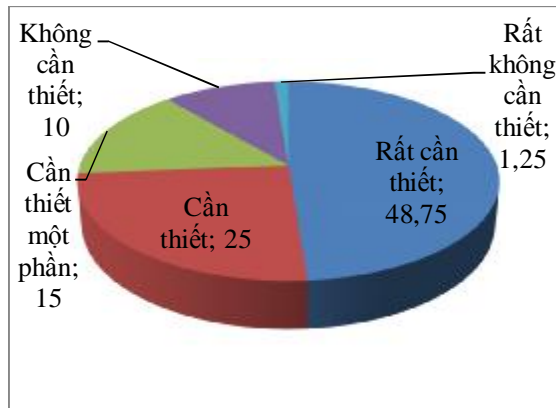
Cũng dựa theo kết quả trên chính vì với con số cao 91.25% học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn lựa chọn “*Tất cả phương án trên*” nên các phương án khác con số lựa chọn chỉ dao động từ 1,25% - 2.5% các em lựa chọn cho rằng hoạt động điều phối là việc “*phân công công việc cho các thành viên nhóm một cách phù hợp*”, “*kích thích sự tham gia của các thành*

viên nhóm”, “phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm”, “phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm”. Trong khi đó kết quả khảo sát của học sinh THCS Phan Đình Giót cho thấy có 8.75% học sinh cho rằng hoạt động điều phối là việc “Phân công công việc cho các thành viên nhóm một cách phù hợp”, 6.25% các em lựa chọn phương án “Kích thích sự tham gia của các thành viên nhóm”, 6.25% các em cho rằng nó là hoạt động “phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm”, chỉ có 5% các em cho rằng điều phối là hoạt động “phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm”.

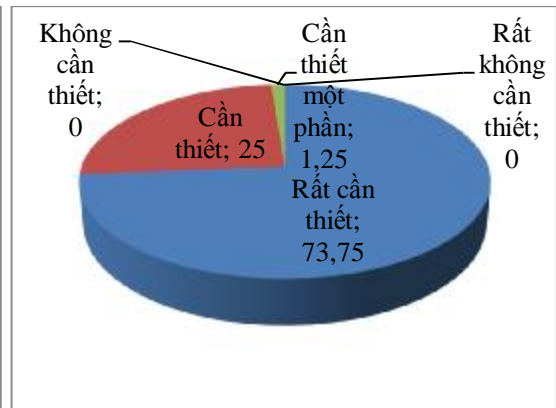
Em N.V.L (lớp 7) cho biết: “Em thấy trong các hoạt động nhóm thì người điều phối chủ yếu là làm sao tạo được không khí sôi nổi, kích thích cho các thành viên trong nhóm tham gia tích cực vào hoạt động đó”.

Như vậy các em đã hiểu được những hoạt động trong vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội nhưng cách hiểu của các em chưa được đầy đủ trọn vẹn, chỉ có một số em là chưa hiểu đúng và đầy đủ về các hoạt động điều phối của nhân viên công tác xã hội.

Nhận thức của các em về vai trò điều phối của nhân viên xã hội, còn được biểu hiện cụ thể trong sự hiểu biết về mức độ cần thiết của vai trò điều phối:



Biểu đồ 2.5: Mức độ cần thiết của vai trò điều phối của NVCTXH trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót



Biểu đồ 2.6: Mức độ cần thiết của vai trò điều phối của NVCTXH trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Qua hai biểu đồ trên ta có thể thấy đa số các em cho rằng hoạt động điều phối là quan trọng, cần thiết với tỷ lệ lựa chọn:

+ Trường THCS Phan Đình Giót là 48.75% rất cần thiết, 25% cho rằng là cần thiết, 15% các em cho rằng là cần thiết một phần cho việc giảm thiểu các hành vi gây hấn.

+ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn là rất cần thiết với tỷ lệ lựa chọn là 73.75% tương ứng với 59 học sinh lựa chọn, 25% cho rằng là cần thiết, 1.25% các em cho rằng là cần thiết một phần.

Vì các em vẫn còn đang ở lứa tuổi học sinh, tuổi người ta hay gọi là lứa tuổi nổi loạn, vì thế khi tham gia nhóm các em thường chưa tập trung hoặc tham gia cho có lệ vì thế việc điều phối là rất cần thiết để các em có cảm giác muốn tham gia nhóm, thúc đẩy sự chủ động của các em trong các hoạt động và tạo nên một nguyên tắc chung của nhóm.

Trong khi trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn không có ai lựa chọn hoạt động điều phối rất không cần thiết cho việc giảm thiểu các hành vi gây hấn với lý giải rằng: *“Trước kia tất cả những hoạt động nhóm trong lớp hay những hoạt động phong trào mà mang tính chất làm việc nhóm chúng em đều tham gia một cách rất thụ động, bảo gì thì làm đó, thậm chí công việc dồn hết lên một người, các bạn chỉ tham gia cho đủ quân số. Nhưng khi em được tham gia sinh hoạt một nhóm có sự điều phối của nhân viên xã hội thì em thấy không khí làm việc khác hẳn, ban đầu các bạn cũng rất thụ động nhưng dần dần dưới sự điều phối của nhân viên xã hội các bạn trở nên chủ động hơn, tích cực hơn và có trách nhiệm hơn trong các hoạt động nhóm làm cho hoạt động nhóm tốt hơn rất nhiều. Chính vì thế mà em cho rằng việc điều phối là rất quan trọng”* (N.V.A - lớp 7 cho biết). Thì tại Trường THCS Phan Đình Giót có 10 % các em lựa chọn hoạt động điều phối là không cần thiết và 1.25% các em lựa chọn hoạt động điều phối là rất không cần thiết điều này cho thấy với số em học sinh này hoạt động điều phối của nhân viên xã hội là

không cần thiết đối với các em. Vì một số các em học sinh chưa hiểu biết nhiều về những hiệu quả mà hoạt động điều phối mang lại mà nguyên nhân là hoạt động điều phối của nhân viên xã hội không mang lại lợi ích, chưa giúp các em cảm thấy hứng thú cũng như chưa giúp các em mang lại hiệu quả cho vấn đề của các em. Tuy nhiên đây chỉ là của một số rất ít các em học sinh cho rằng như vậy.

Như vậy dựa vào kết quả trên ta có thể khẳng định đa số các em học sinh của hai trường đều nhận thức được tương đối rõ về vai trò điều phối của nhân viên xã hội và phần nào ý thức được ý nghĩa của hoạt động điều phối đối với các em.

2.2.2.2. Thực trạng thuận lợi, khó khăn khi thực hiện vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.

Khi điều tra sự hiểu biết về những thuận lợi khi NVXH thực hiện vai trò điều phối thì theo kết quả có 71.25% các em lựa chọn phương án “*Tất cả phương án trên*” (bao gồm: Địa điểm, không gian buổi sinh hoạt phù hợp, sự tích cực tham gia của các thành viên, sự hiểu biết, trải nghiệm của các thành viên và sự nhạy bén của nhân viên xã hội); có 15% các em cho rằng “*Sự nhạy bén của nhân viên xã hội*” mới là yếu tố quan trọng để nhân viên xã hội thực hiện tốt vai trò điều phối của mình, 5% các em lựa chọn yếu tố “*Sự tích cực tham gia của các thành viên*” và chỉ có 2.5% các em lựa chọn phương án “*Sự hiểu biết trải nghiệm của các thành viên*” và 2.5% các em cho rằng “*Thời gian, địa điểm sinh hoạt phù hợp*” là yếu tố thuận lợi để giúp nhân viên xã hội thực hiện tốt vai trò điều phối. Khi phỏng vấn sâu hỏi về yếu tố thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối thì em H.T.B (lớp 6) cho biết “*Theo em khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối thì việc phối hợp tham gia tích cực của các thành viên sẽ giúp cho việc điều phối của nhân viên xã hội đạt hiệu quả cao vì chính các thành viên là nhân tố chính trong việc*

điều phối của nhân viên xã hội”. Như vậy, tuy nhận thức của các em học sinh THCS Phan Đình Giót chưa rõ ràng và đầy đủ những yếu tố thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối nhưng bản thân các em cũng ý thức được bản thân các em là một trong những yếu tố để giúp cho nhân viên xã hội thực hiện hiệu quả việc điều phối của mình.

Khi điều tra về những yếu tố khó khăn khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối, thì các em có nhận thức khá đúng đắn và đầy đủ về những yếu tố khó khăn này khi có tới 56.25% các em lựa chọn phương án “*Tất cả phương án*” (bao gồm: Sự chống đối của các thành viên, sự không tuân thủ nguyên tắc của các thành viên, không gian sinh hoạt nhóm không phù hợp, sự thiếu tự tin của nhân viên xã hội). Đa phần các em cho rằng tất cả những yếu tố này đều gây khó khăn cho nhân viên xã hội khi thực hiện vai trò điều phối. Có 26.25% lựa chọn “*sự thiếu tự tin của nhân viên CTXH*”, 8.75% “*sự chống đối của các thành viên*”, 3.75% “*Không gian sinh hoạt nhóm không phù hợp*”, 5% “*sự không tuân thủ nguyên tắc của các thành viên*”. Tuy nhiên cũng có một số em chưa nhận thức được đầy đủ những yếu tố khó khăn khi nhân viên CTXH thực hiện vai trò điều phối nhưng các em cũng đã có những cái nhìn đúng về những khó khăn khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối.

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Theo kết quả khảo sát trên 80 em học sinh trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn về những thuận lợi khi nhân viên CTXH thực hiện vai trò điều phối thì có 10% các em cho rằng đó là “*Sự nhạy bén của nhân viên xã hội*” mới là yếu tố quan trọng để nhân viên xã hội thực hiện tốt vai trò điều phối của mình, 5% các em lựa chọn yếu tố “*Sự tích cực tham gia của các thành viên*”. Cũng dựa trên kết quả khảo sát với 2 phương án “*Sự hiểu biết trải nghiệm của các thành viên*” và “*Thời gian, địa điểm sinh hoạt phù hợp*” lại không có học sinh nào lựa chọn. Tuy nhiên với phương án “*Tất cả phương án trên*” (bao gồm: Địa điểm, không gian buổi sinh hoạt phù hợp, sự tích cực tham gia của các thành viên, sự hiểu biết, trải nghiệm của các thành viên và sự nhạy bén của nhân viên xã hội) một tỷ lệ cao với 85% (tương ứng 68 học sinh lựa chọn)

là yếu tố thuận lợi để giúp nhân viên xã hội thực hiện tốt vai trò điều phối. Khi phỏng vấn sâu hỏi về yếu tố thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối thì em N.N.A (lớp 6) cho biết *“Theo em khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối thì cần phải biết kết hợp các yếu tố để tạo nên thành công của buổi làm việc đó. Các buổi sinh hoạt ngoài việc nhân viên CTXH nhạy bén, các bạn tích cực, hiểu biết thì cũng cần có địa điểm không gian phù hợp. Như trước chúng em có tổ chức chương trình dưới sự hướng dẫn của cô giáo chủ nhiệm lớp nhưng địa điểm thay vì chọn ở phòng kỹ năng chúng em lại chọn ở lớp nên nhiều hoạt động bị hạn chế thậm chí còn phải hủy bỏ, khiến bao nhiêu công sức của chúng em tan tành. Từ hôm đấy khi làm hoạt động gì chúng em cũng lựa chọn thêm yếu tố địa điểm, không gian phù hợp. Chưa kể như em được tham gia các hoạt động chương trình mà có sự tham gia của NVCTXH em cũng nhận thấy các cô ý rất am hiểu việc mình trình bày, các trường hợp phát sinh xảy ra tại buổi đó đều xử lý khiến chúng em cảm thấy hài lòng”*. Như vậy có thể thấy nhận thức của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn có sự rõ ràng và đầy đủ những yếu tố thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối và bản thân các em cũng ý thức được mình cũng là một trong những yếu tố để giúp cho nhân viên công tác xã hội thực hiện hiệu quả việc điều phối của mình.

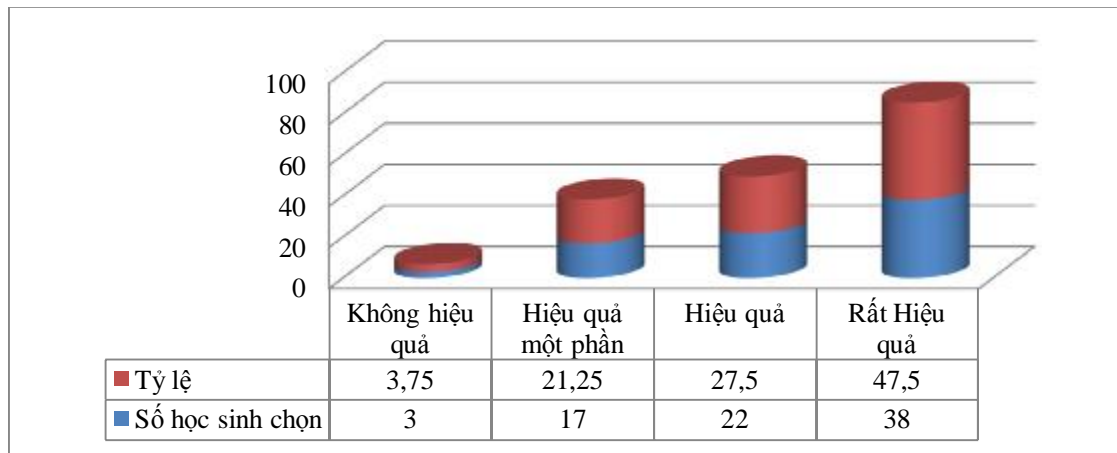
Bên cạnh yếu tố thuận lợi khi thực hiện thì cũng có những khó khăn trong quá trình thực hiện điều phối của nhân viên công tác xã hội. Kết quả điều tra cho thấy có 18.75% lựa chọn *“sự thiếu tự tin của nhân viên CTXH”* là yếu tố khó khăn khi thực hiện vai trò điều phối. Các phương án khác cho sự khó khăn của nhân viên CTXH lần lượt là 6.25% *“sự chống đối của các thành viên”*, 1.25% *“không gian sinh hoạt nhóm không phù hợp”*, 2.5% *“sự không tuân thủ nguyên tắc của các thành viên”*. Kết quả điều tra cũng cho thấy các em có nhận thức khá đúng đắn và đầy đủ về những yếu tố khó khăn này khi có tới 71.25% các em lựa chọn phương án *“Tất cả phương án”* (bao gồm: Sự chống đối của các thành viên, sự không tuân thủ nguyên tắc của các thành viên, không gian sinh hoạt nhóm không phù hợp, sự thiếu tự tin của nhân

viên xã hội). Đa phần các em cho rằng tất cả những yếu tố này đều gây khó khăn cho nhân viên xã hội khi thực hiện vai trò điều phối. Mặc dù cũng có một số em chưa nhận thức được đầy đủ những yếu tố khó khăn khi nhân viên CTXH thực hiện vai trò điều phối nhưng các em cũng đã có những cái nhìn đúng về những khó khăn khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò điều phối.

2.2.2.3. Hiệu quả.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót – Thanh Xuân – Hà Nội.

Khi được hỏi về mức độ hiệu quả của vai trò điều phối trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS thì kết quả được thể hiện ở biểu đồ 2.7:

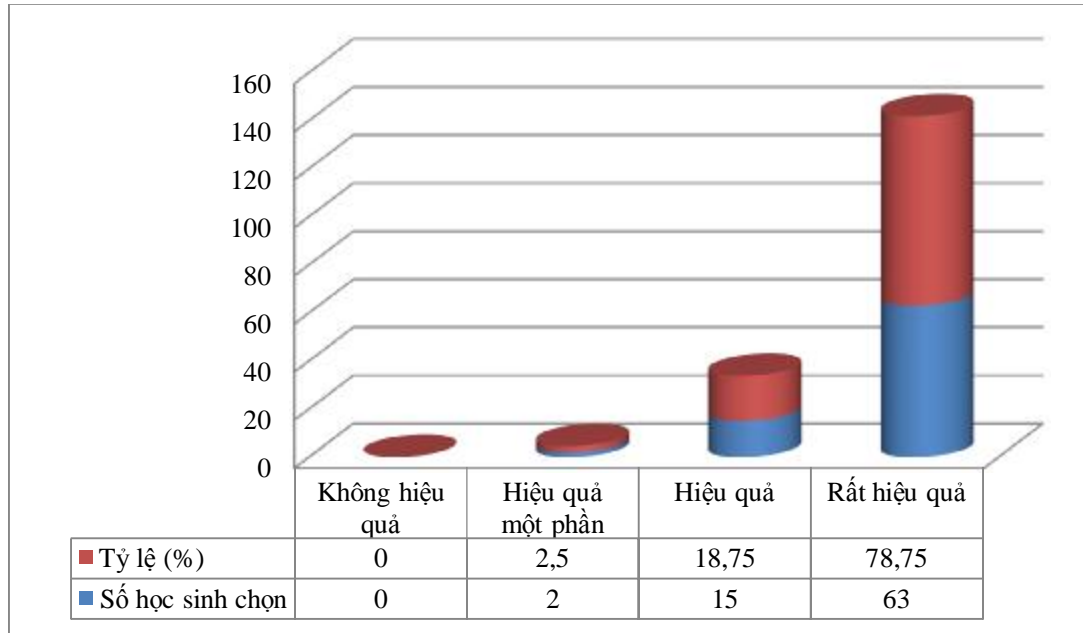


(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.7: Mức độ hiệu quả của vai trò điều phối trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.

Biểu đồ trên cho thấy có đến 60 học sinh (75%) cho rằng vai trò điều phối có hiệu quả trong quá trình giảm thiểu hành vi gây hấn (hiệu quả: 27.5% và rất hiệu quả là 47,5%). Một cao số khá cao để đánh giá vai trò điều phối ở đây. Bên cạnh đó cũng khá nhiều em lựa chọn hiệu quả một phần (21,25%) điều này chứng tỏ các em đang dần thấy sự hiệu quả của vai trò điều phối. Tuy nhiên có 3,75% (3 học sinh) cho rằng không hiệu quả, con số là ít nhưng điều này cũng cần phải xem xét lại bởi để các em không thấy hiệu quả có nghĩa rằng hành vi gây hấn sẽ còn tiếp diễn không thể loại trừ triệt để trong trường học.

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn – Nam Từ Liêm – Hà Nội



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.8: Mức độ hiệu quả của vai trò điều phối trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

Kết quả biểu đồ 2.8 cho thấy có 78 học sinh (97.5%) cho rằng vai trò điều phối có hiệu quả trong quá trình giảm thiểu hành vi gây hấn. Chính vì thế mà có đến 78.75% lựa chọn “*rất hiệu quả*”. Tỷ lệ thấp nhất là 2.5% lựa chọn “*hiệu quả một phần*” điều này cho thấy các em đang dần dần ý thức được hiệu quả của vai trò điều phối.

So sánh 2 biểu đồ 2.7 và 2.8 ta nhận thấy một điều rằng: Tỷ lệ học sinh lựa chọn vai trò điều phối hiệu quả trong quá trình giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn cao hơn THCS Phan Đình Giót gấp 1.3%. Chưa kể THCS Dân lập Lê Quý Đôn còn không có lựa chọn “*không hiệu quả*” trong khi Phan Đình Giót có đến 3.75%. Vậy ta có thể khẳng định nhận thức của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn cao hơn THCS Phan Đình Giót được hay không?

2.2.3. Thực trạng vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

2.2.3.1. Thực trạng nhận thức.

Với vai trò giáo dục thì nhân viên xã hội sẽ là người cung cấp kiến thức, kỹ năng về các hành vi gây hấn cho các em, nâng cao năng lực cho các em để các em có hiểu biết, tự tin và tự mình nhìn nhận ra vấn đề của mình, đánh giá, phân tích vấn đề và tìm kiếm nguồn lực cho vấn đề.

Để tìm hiểu về nhận thức của các em về các hoạt động trong vai trò giáo dục của nhân viên xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở thì qua cuộc khảo sát điều tra thu được kết quả ở bảng sau:

Bảng 2.18: Nhận thức về các hoạt động trong vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

STT	Các hoạt động	THCS Phan Đình Giót		THCS Dân lập Lê Quý Đôn	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Cung cấp thông tin.	14	17.5	3	3.75
2	Nâng cao nhận thức.	8	10	3	3.75
3	Tăng cường kiến thức, kỹ năng	8	10	4	5
4	Trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm	6	7.5	2	2.5
5	Tất cả ý kiến trên	44	55	68	85

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Qua bảng số liệu ta thấy:

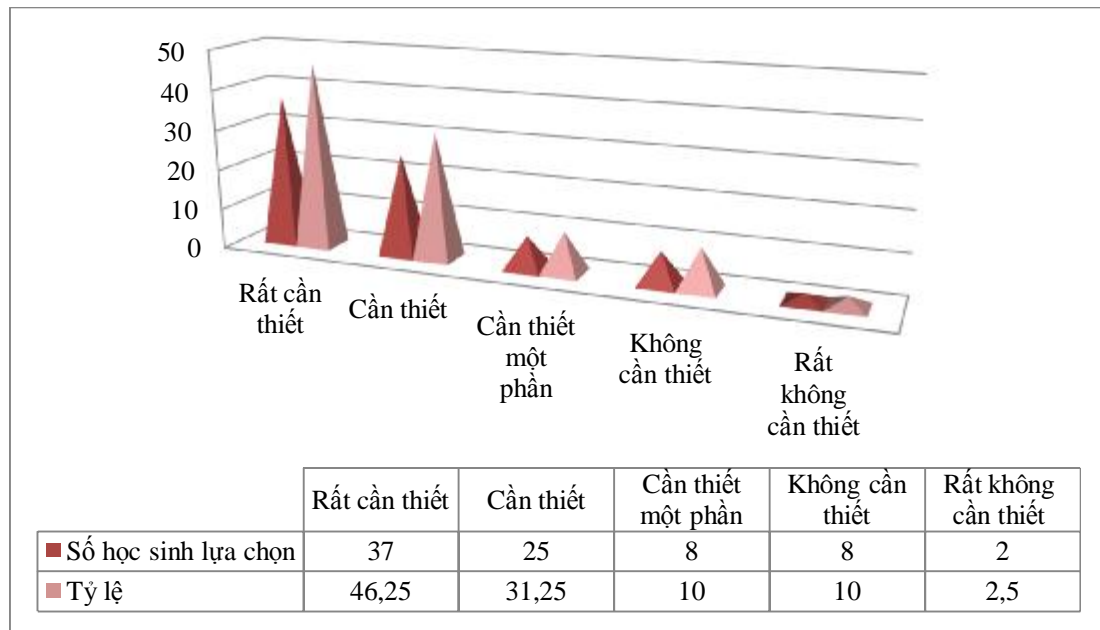
+ Tại trường THCS Phan Đình Giót có tới 55% các em lựa chọn phương án “*tất cả ý kiến trên*” điều này cho thấy các em đều có nhận thức được bản chất hoạt động giáo dục là gì tuy nhiên con số này vẫn còn chưa cao. Còn một số em khác cũng có cách hiểu đúng về hoạt động giáo dục nhưng chưa đầy đủ, 8% các em cho giáo dục là “*nâng cao nhận thức*”, 17.5% các em cho rằng giáo dục là “*cung cấp thông tin*”, 10% các em lựa chọn là “*Tăng cường kiến thức kỹ năng*” và 7.5% các em lựa chọn “*Trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm*”.

+ Tại trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn có tới 85% tương ứng 68/80 các em lựa chọn phương án “*tất cả ý kiến trên*” (*cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức, tăng cường kiến thức, kỹ năng, trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm*) điều này cho thấy đa số các em học sinh đều có nhận thức được bản chất của hoạt động giáo dục. Chỉ còn một số em khác chưa có cách hiểu đầy đủ về hoạt động giáo dục nhưng tỷ lệ rất ít với các con số 3.75% các em cho giáo dục là “*nâng cao nhận thức*”, 3.75% các em cho rằng giáo dục là “*cung cấp thông tin*”, 5% các em lựa chọn là “*Tăng cường kiến thức kỹ năng*” và 2.5% các em lựa chọn “*Trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm*”.

Như vậy hầu như các em ở hai ngôi trường đều có nhận thức đúng về vai trò giáo dục của nhân viên xã hội, mặc dù một số em chưa hiểu đầy đủ về vai trò giáo dục nhưng các em phần nào đã hiểu được bản chất của vai trò giáo dục. Để chứng minh cho điều này qua phỏng vấn sâu em T.V. K (lớp 7) cho biết “*Theo em vai trò giáo dục của công tác xã hội là cung cấp kiến thức cho mọi người để mọi người có thể hiểu biết hơn*”. Em N.N.L (lớp 8) chia sẻ: “*Theo em vai trò giáo dục của công tác xã hội nó cũng như những hoạt động giáo dục khác đó là cung cấp kiến thức cho mọi người, nâng cao những cái nhận thức, kỹ năng để họ có nhận thức đúng đắn và có thể ứng phó đối với vấn đề nào đó*”.

Cô N.M.A cũng chia sẻ: “*Đối với các em học sinh trong trường nhà trường đều thực hiện các hoạt động ngoại khóa giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh. Trong các buổi đó cũng cung cấp thông tin, trao đổi thông tin và nhiều các hoạt động khác nữa nên đa số các em đã hiểu về vai trò giáo dục. Và bản thân mỗi thầy cô trên lớp đều nhắc với các em về vai trò này cũng như các hoạt động của nó*”.

Nhận thức của các em học sinh THCS Phan Đình Giót về vai trò giáo dục của nhân viên xã hội, còn được biểu hiện cụ thể trong sự hiểu biết về mức độ cần thiết của vai trò giáo dục:

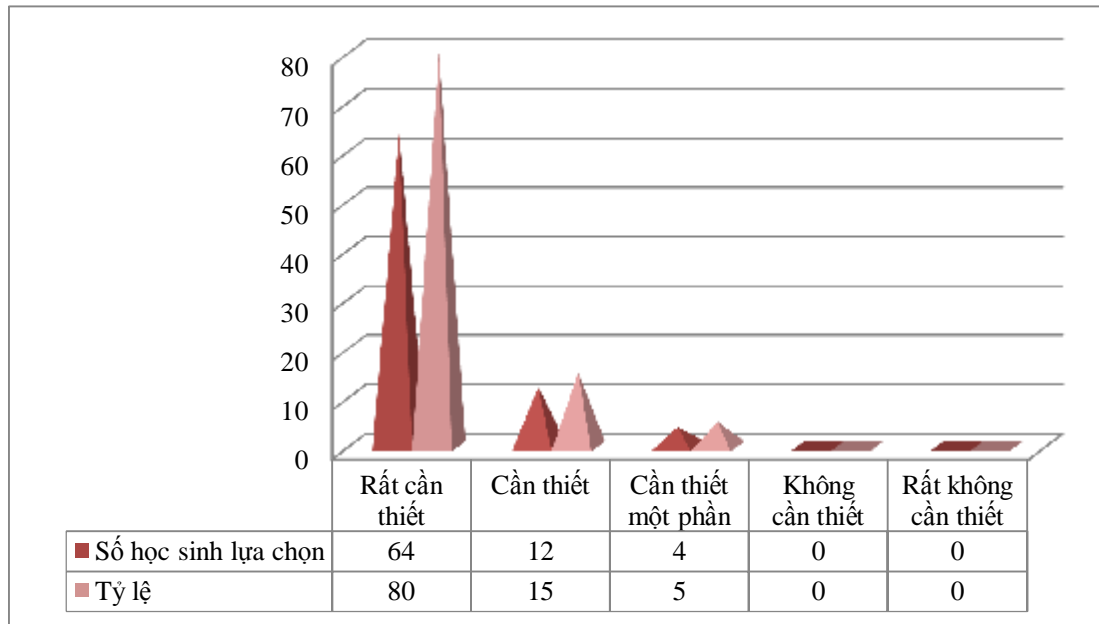


(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.9: Mức độ cần thiết của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây gấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.

Kết quả biểu đồ 2.7 cho thấy: Có 46.25% các em học sinh cho rằng vai trò giáo dục là “*rất cần thiết*”, 31.25% cho rằng “*cần thiết*”, 10% cho rằng “*cần thiết một phần*” nhưng cũng có 10% cho rằng “*không cần thiết*”. Đáng chú ý là có 2,5% học sinh cho rằng không cần thiết. Chia sẻ về điều này một em học sinh lớp 8 nói rằng: “*Em chả thấy cần thiết giáo dục làm gì, nói rồi*”.

các bạn vẫn đánh nhau, chửi nhau có bớt đi đâu, có khi còn chửi mắng nhau có văn hóa hơn vì sợ cô giáo phạt nhưng như thế mới khiến bạn sợ hãi. Bố mẹ em hay nói những đứa có văn hóa chửi nhau mới thâm thúy”. Tuy nhiên đây chỉ là 1 ý kiến trái chiều trong số quá nhiều ý kiến cho rằng cần giáo dục để cá em học sinh nâng cao nhận thức. Không ai muốn con em mình, không thầy cô nào muốn học trò của mình có những thái độ, hành vi lệch chuẩn.



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.10 : Mức độ cần thiết của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

Khác với THCS Phan Đình Giót qua biểu đồ ta thấy, đa phần các em cho rằng hoạt động giáo dục là rất cần thiết với 80% lượt lựa chọn, 15% cho rằng là cần thiết, chỉ có 5% cho rằng là cần thiết một phần và không có ai lựa chọn phương án không cần thiết, rất không cần thiết. Các em đánh giá khá cao về sự cần thiết của vai trò giáo dục của nhân viên xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. Do các em hiểu được bản chất cũng như vai trò của giáo dục đối với các em rất lớn vì thế các em cũng nhận thức được rằng để giảm thiểu được các hành vi gây hấn thì các em cần được

trang bị những kiến thức về gây hấn cũng như những kỹ năng ứng phó với gây hấn để các em có cái nhìn đúng đắn về vấn đề gây hấn, từ đó sẽ giảm thiểu được các hành vi gây hấn nảy sinh trong môi trường học đường. Chính vì thế các em ý thức được rằng giáo dục rất cần thiết đối với việc hỗ trợ giảm thiểu các hành vi gây hấn.

2.2.3.2. Thực trạng thuận lợi, khó khăn khi thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên công tác xã hội.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội.

Khi điều tra về sự hiểu biết của các em về những thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò giáo dục thì có tới 42.5% các em lựa chọn phương án “*tất cả đáp án trên*” (bao gồm các yếu tố : Sự nhận thức nhanh của các thành viên, sự hiểu biết của nhân viên xã hội về vấn đề gây hấn của học sinh, các phương tiện truyền tải thông tin đầy đủ và sự tích cực thảo luận, trao đổi của các thành viên). Với việc lựa chọn như vậy có thể thấy các em đã có những nhận thức đúng đắn về những yếu tố thuận lợi trong hoạt động giáo dục của nhân viên xã hội tuy nhiên con số này chưa đạt được đến một nửa học sinh được khảo sát.

Bên cạnh đó có một số em lại có những lựa chọn khác: 23.75% các em lựa chọn phương án “*Sự hiểu biết của nhân viên xã hội về vấn đề gây hấn của học sinh*”, 13.75% các em lựa chọn phương án “*Sự nhận thức nhanh của các thành viên*”, 10% các em lựa chọn phương án “*Sự tích cực thảo luận, trao đổi của các thành viên*” và “*Các phương tiện truyền tải thông tin đầy đủ*”. Như vậy với những sự lựa chọn này cho thấy các em học sinh cũng có những nhận thức đúng về những yếu tố thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò giáo dục, bên cạnh đó cũng thấy được rằng nhận thức của các em về các yếu tố thuận lợi cho việc giáo dục chủ yếu thiên hướng về các yếu tố con người (nhân viên xã hội, bản thân các em) hơn là các yếu tố vật thể (như phương tiện truyền tải thông tin...). Kết quả phỏng vấn sâu em T.Đ.L (lớp 8) cho biết “*Theo em thì để một hoạt động giáo dục đạt hiệu quả thì điều quan trọng nhất là người giáo dục phải có kiến thức tốt và phong phú về vấn đề đó thì khi truyền tải thông tin mới thu hút được sự chú ý của người nghe và giúp*

người nghe tiếp nhận thông tin một cách hiệu quả hơn, còn những phương tiện truyền tin thì nó cũng ảnh hưởng nhưng không quyết định đến hiệu quả giáo dục”. Như vậy là mặc dù các em có nhận thức chưa đầy đủ nhưng các em cũng đã ý thức được việc chính bản thân các em là một yếu tố thuận lợi giúp cho việc thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên xã hội.

Khi điều tra về những khó khăn khi nhân viên xã hội khi thực hiện vai trò giáo dục thì các em có tới 47.5% lựa chọn phương án *“Tất cả các phương án”*, khi phỏng vấn sâu tìm hiểu về việc tại sao các em lại lựa chọn đáp án này thì các em đều cho ý kiến là *“các em đã được tham gia một vài hoạt động mà có nhân viên xã hội là người hướng dẫn, giáo dục cho các em”*. Tuy nhiên bên cạnh đó còn lại 52.5% các em lựa chọn rải rác ở các phương án còn lại như *“Nhân viên xã hội không có kiến thức về vấn đề gây hấn của học sinh”* *“Các thành viên không hợp tác”* *“Phương tiện truyền tải thông tin không đầy đủ”*, *“Không gian không phù hợp cho các hoạt động giáo dục”* Như vậy có thể thấy các em đã có những nhận thức đúng đắn về các yếu tố gây khó khăn cho việc thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên xã hội tuy nhiên con số này chưa lớn, chưa vượt qua được 50% sự lựa chọn nghĩa là các em còn chưa chú trọng vào vai trò giáo dục trong trường học, các em chỉ coi đó là một hoạt động bình thường.

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn – Nam Từ Liêm – Hà Nội.

Cũng với câu hỏi về những thuận lợi khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò giáo dục thì có tới 86.25% các em học sinh của trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn lựa chọn phương án *“tất cả đáp án trên”* (bao gồm các yếu tố: Sự nhận thức nhanh của các thành viên, sự hiểu biết của nhân viên xã hội về vấn đề gây hấn của học sinh, các phương tiện truyền tải thông tin đầy đủ và sự tích cực thảo luận, trao đổi của các thành viên). Với việc lựa chọn như vậy có thể khẳng định các em đã có những nhận thức đúng đắn về những yếu tố thuận lợi trong hoạt động giáo dục của nhân viên xã hội con số này cao gấp 2.02% so với số học sinh trường Phan Đình Giót lựa chọn.

Những lựa chọn khác như “*Sự hiểu biết của nhân viên xã hội về vấn đề gây hấn của học sinh*”, “*Sự nhận thức nhanh của các thành viên*”, “*Sự tích cực thảo luận, trao đổi của các thành viên*” và “*Các phương tiện truyền tải thông tin đầy đủ*” lần lượt chiếm tỷ lệ % là 5% 3.75%, 2.5%, 2.5%.

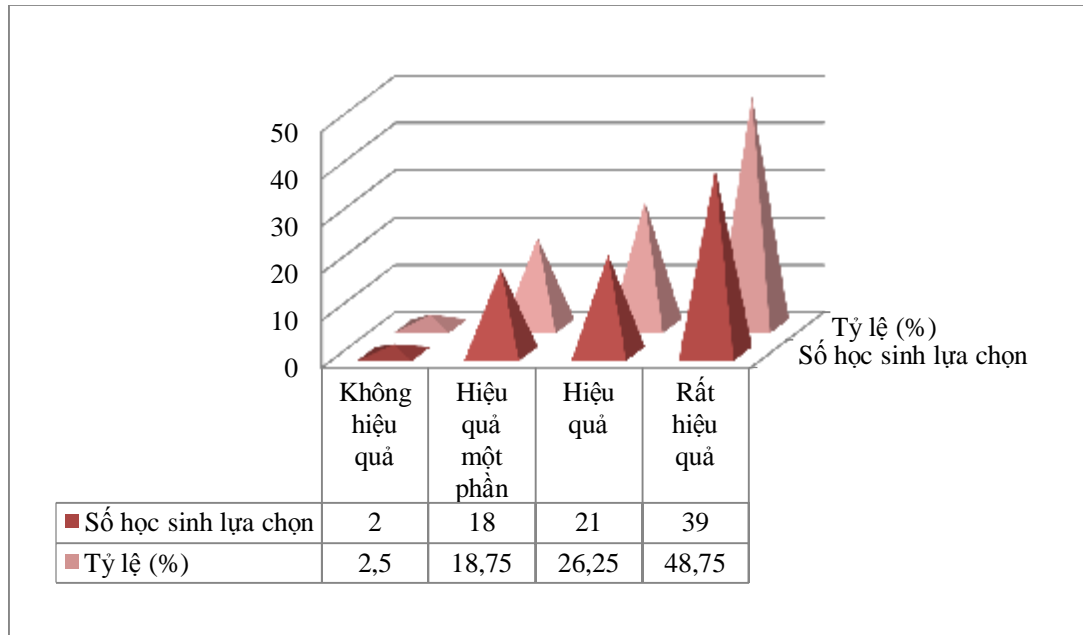
Em N.M.H (lớp 6) chia sẻ “*Theo em để nhân viên công tác xã hội có thể thực hiện thuận lợi và thành công vai trò giáo dục của mình thì cần có đầy đủ các yếu tố thuận lợi hỗ trợ từ con người cho đến ngoại cảnh. Con người chính là bản thân nhân viên công tác xã hội, học sinh chúng em còn ngoại cảnh chính là thông tin trên truyền thông hay địa điểm tổ chức giáo dục....*”

Khác với Phan Đình Giót kết quả điều tra về những khó khăn khi nhân viên xã hội thực hiện vai trò giáo dục thì đa số các em lựa chọn tất cả những yếu tố được đưa ra trong bảng khảo sát. Cụ thể là có tới 87.5% các em lựa chọn phương án “*Tất cả các phương án*”, khi phỏng vấn sâu tìm hiểu về việc tại sao các em lại lựa chọn đáp án này thì các em đều cho ý kiến là “*các em đã được tham gia một vài hoạt động mà có nhân viên xã hội là người hướng dẫn, giáo dục cho các em nên phần nào các em đều hiểu*”. Bên cạnh đó một số em lại có lựa chọn khác: 3.75% các em lựa chọn phương án “*Nhân viên xã hội không có kiến thức về vấn đề gây hấn của học sinh*”. Theo các em giáo dục về vấn đề gây hấn mà nhân viên xã hội không có kiến thức về vấn đề này thì sẽ không thể cung cấp được những thông tin chính xác cho các em khiến các em không tin tưởng vào nhân viên xã hội từ đó sẽ dẫn tới việc các em chống đối những điều nhân viên xã hội nói hoặc bỏ không tham gia nhóm nữa. 3.75% lựa chọn phương án “*Các thành viên không hợp tác*” mặc dù những em này chưa có nhận thức đầy đủ nhưng các em cũng đã ý thức được việc chính bản thân các em là yếu tố gây khó khăn cho việc thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên xã hội. 2.5% lựa chọn phương án “*phương tiện truyền tải thông tin không đầy đủ*”, và cũng 2.5% lựa chọn phương án “*Không gian không phù hợp cho các hoạt động giáo dục*” Đây là hai yếu tố mà các em cho là ít gây khó khăn nhất cho việc thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên xã hội, nhưng thực tế hai yếu tố này lại gây ra những khó khăn tương đối lớn

cho hoạt động giáo dục của nhân viên xã hội. Như vậy đa số các em đã có những nhận thức đúng đắn về các yếu tố gây khó khăn cho việc thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên xã hội.

2.2.3.3. Hiệu quả.

▼ Trường THCS Phan Đình Giót – Thanh Xuân – Hà Nội.



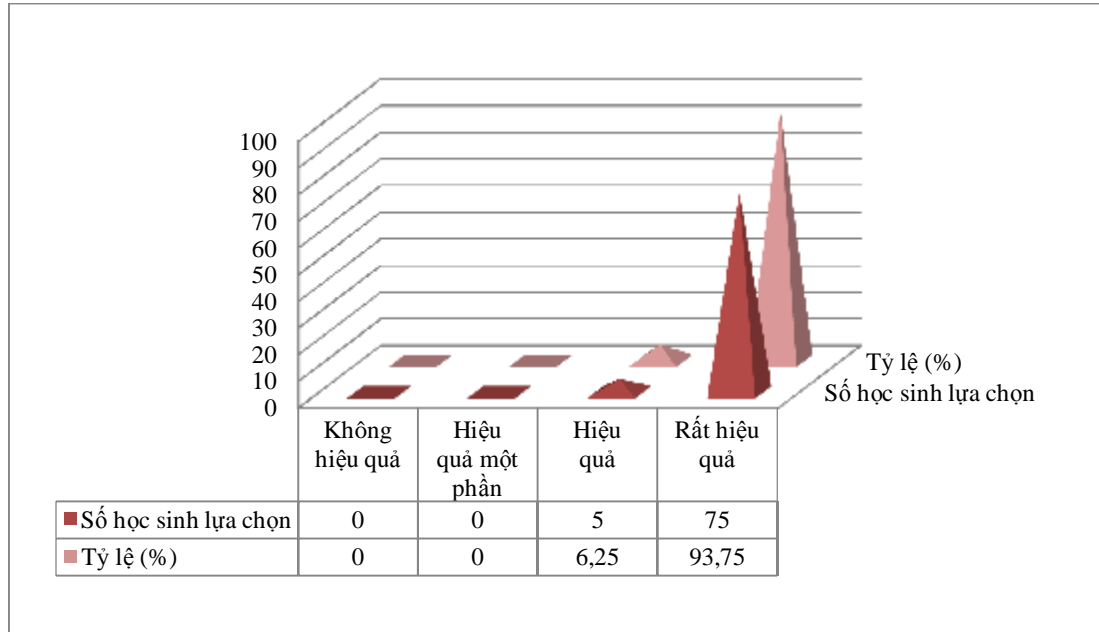
(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.11: Mức độ hiệu quả của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót.

Cũng giống như biểu đồ đánh giá về mức độ hiệu quả của vai trò điều phối trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS thì con số “không hiệu quả” vẫn xuất hiện nhưng tỷ lệ thấp hơn 2.5%. Bên cạnh đó cá chỉ số về “hiệu quả một phần”, “hiệu quả”, “rất hiệu quả” cũng biến động nhưng không ít dừng lại ở các con số 18.75%, 26.25% và 48.75%. Điều này chứng tỏ các em nhận thấy vai trò điều phối và giáo dục là như nhau nhưng giáo dục nhỉnh hơn một chút.

▼ Trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn – Nam Từ Liêm - Hà Nội.

Cũng với câu hỏi về mức độ hiệu quả của vai trò giáo dục, bảng kết quả của trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn lại cho bảng kết quả 2.12:



(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Biểu đồ 2.12: Mức độ hiệu quả của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

Một lần có thể khẳng định việc nhận thức cũng như sự áp dụng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn tại trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn thật sự hiệu quả. Bởi 100% học sinh cho rằng vai trò giáo dục là hiệu quả trong đó có đến 93.75% cho rằng “*rất hiệu quả*” và 6.25% cho rằng “*hiệu quả*”. Chia sẻ về kết quả này em H.N.L (lớp 8) nói: “*Ở trường em các hoạt động giáo dục thường xuyên diễn ra đặc biệt là giáo dục nâng cao nhận thức để các bạn không còn đánh nhau nữa. Năm lớp 6 em mới vào còn có nhiều chửi năm nay em lớp 8 rồi cả năm chắc chỉ có 1 vài lần em thấy thầy cô nhắc chứ không như trường khác nhắc liên tục về vấn đề này.*”

2.2.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trường THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

2.2.4.1. Yếu tố học sinh.

Kết quả khảo sát về các yếu tố tác động tới việc thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS cho thấy:

+ Có 40% (32 học sinh) trường THCS Phan Đình Giót và 77,5% học sinh trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn cho rằng sự tương tác và tham gia của học sinh là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội.

Các em học sinh có nhận thức khá đúng đắn về yếu tố này. Vì đây là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới sự điều phối cũng như giáo dục của nhân viên công tác xã hội. Đầu tiên về việc điều phối của nhân viên công tác xã hội được thể hiện ở việc kích thích các thành viên tham gia một cách tích cực. Trong buổi sinh hoạt nhóm các thành viên không tích cực tham gia, luôn ỷ lại vào nhân viên xã hội hoặc tham gia một cách thụ động điều này thể hiện việc điều phối của nhân viên xã hội không hiệu quả. Cũng như điều phối thì giáo dục cũng vậy sự tham gia của các thành viên ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện vai trò của nhân viên xã hội. Khi nhân viên xã hội truyền đạt thông tin hay thực hành những hoạt động mà các thành viên không tập trung tiếp thu, không nhiệt tình hưởng ứng hay chống đối không tham gia vào những hoạt động điều này sẽ khiến cho việc tiếp nhận những thông tin mà nhân viên xã hội truyền đạt bị hạn chế và không hiệu quả.

2.2.4.2. Yếu tố gia đình.

Yếu tố quan trọng tác động đến vai trò của nhân viên công tác xã hội cũng phải kể đến đó chính là yếu tố gia đình. Gia đình và nhà trường cần kết hợp

với nhau trong quá trình giáo dục học sinh đặc biệt là học sinh THCS khi tâm lý lứa tuổi đang có sự thay đổi rõ rệt, các em rất dễ sa ngã và đi sai đường.

Khi được hỏi về yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội có đến 40% học sinh THCS Phan Đình Giót và 57.5% học sinh THCS Dân lập Lê Quý Đôn trả lời rằng “gia đình không hợp tác, ít thời gian tham gia với học sinh”. Lý giải về điều này, em H.N.A (lớp 8) chia sẻ: *“Theo em để nhân viên công tác xã hội thực hiện tốt vai trò của mình thì gia đình là yếu tố không thể thiếu. Ở trên trường có thể học, có thể thực hành nhưng ngoài thời gian trên trường thì thời gian ở nhà cũng cần như vậy. Ở nhà em, nếu bố mẹ có thời gian và hỗ trợ em trong quá trình học tập có khi thành tích của em đã cao hơn nhưng do bố mẹ bận công việc nên không thể hỗ trợ cho em. Nhiều hoạt động ngoại khóa em muốn bố mẹ đi cùng để bố mẹ biết có những hành động của bố mẹ sẽ tác động đến em nhưng có phải lúc nào bố mẹ cũng đi đâu. Chưa kể đôi khi còn bảo em trẻ con biết gì mà nói”*.

Như vậy để thực hiện tốt vai trò của nhân viên công tác xã hội cũng cần đến sự hỗ trợ, hợp tác từ phía gia đình của học sinh và coi gia đình chính là công cụ thực hiện vai trò của mình.

2.2.4.3. Yếu tố nhân viên công tác xã hội.

Bản thân nhân viên công tác xã hội là một yếu tố quan trọng trong quá trình thực hiện vai trò của chính mình. Với học sinh THCS thì nhân viên công tác xã hội không khác gì một cô giáo hay một thầy giáo đang dạy dỗ và chỉ bảo các em. Do vậy nhân viên công tác xã hội cần có kiến thức, thái độ và kỹ năng để hỗ trợ các em học sinh. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng có 66.25% học sinh (tỷ lệ % tại hai trường như nhau) lựa chọn “*Sự nắm bắt tâm lý, thể mạnh các thành viên của nhân viên xã hội*” là một phần trong yếu tố về nhân viên công tác xã hội. Điều này thể hiện sự nhận thức đúng của các em, vì việc nắm bắt được tâm lý, thể mạnh của các thành viên sẽ giúp cho nhân viên xã hội hiểu được từng thành viên trong nhóm, sẽ có sự phân công công việc phù hợp

với từng thành viên, từ đó phát huy được hiệu quả cao nhất và thể hiện được sự điều phối các thành viên một cách hợp lý. Nếu như nhân viên xã hội không nắm bắt được tâm lý, thế mạnh của các thành viên thì có thể dẫn đến sự chống đối của các thành viên vì họ phải làm nhưng việc họ không thích hoặc không phù hợp với họ.

Mặt khác “*Kỹ năng của nhân viên công tác xã hội*” với tỷ lệ lựa 63.75% của trường THCS Phan Đình Giót và 77.5% của trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn cũng cần nhân viên công tác xã hội lưu ý. Các em cho rằng kỹ năng của nhân viên xã hội ảnh hưởng lớn nhất tới việc thực hiện điều phối kể cả giáo dục. Nhân viên xã hội mà không có kỹ năng thì sẽ không biết làm thế nào để kích thích sự tham gia của các thành viên cũng như sẽ không có sự nhạy bén trong việc nhìn nhận, nắm bắt tâm lý và phát hiện ra được những điểm mạnh của các thành viên. Kỹ năng của nhân viên xã hội là một yếu tố rất quan trọng trong việc thực hiện vai trò của mình. Trong nhóm có những thành viên là người có hành vi gây hấn, vì thế họ thường có tâm lý chống đối, không hợp tác... nếu nhân viên xã hội không có kỹ năng thì sẽ không thể khiến cho các thành viên này hòa nhập vào nhóm. Em H.V.C (lớp 7) cho biết “*Theo em để điều hành hoạt động của một nhóm thì người điều phối phải có kỹ năng nhất định, có kỹ năng thì mới có thể xử lý được các tình huống nảy sinh trong nhóm, mới có thể có sức thuyết phục với người khác và giúp nhóm hoạt động tốt. Không có kỹ năng thì làm việc gì cũng không hiệu quả*”. Bên cạnh đó “*Kiến thức về gây hấn học đường của nhân viên xã hội*” cũng cần được chú trọng. Để thực hiện tốt vai trò giáo dục của mình thì nhân viên xã hội cần phải có đầy đủ kiến thức về gây hấn học đường. Giáo dục về các hành vi gây hấn mà nhân viên xã hội không có kiến thức về vấn đề này sẽ khiến những thông tin mà nhân viên xã hội truyền đạt cho các em không đầy đủ, thậm chí là không chính xác. Điều này ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến chất lượng giáo dục và sự tin cậy của các em đối với những thông tin mà nhân viên

xã hội cung cấp. Em N.T.H (lớp 7) chia sẻ: “ Theo em thì kiến thức của nhân viên xã hội về các hành vi gây hấn có ảnh hưởng rất lớn trong việc giáo dục để giảm thiểu các hành vi gây hấn của học sinh, vì nhân viên xã hội có kiến thức phong phú thì mới kích thích được sự hứng thú của các bạn, có kiến thức phong phú thì nhân viên xã hội sẽ cung cấp được cho các bạn những thông tin mới là thông tin chính xác mà các bạn chưa biết từ đó sẽ gây được sự hứng thú và tập trung của các bạn, các thành viên có thể tiếp thu được nhiều thông tin hơn”.

2.2.4.4. Yếu tố nhà trường.

Yếu tố cuối cùng những cũng vô cùng quan trọng trong việc thực hiện vai trò điều phối của nhân viên công tác xã hội là nhà trường. Nhà trường không chỉ giáo dục mà còn phải tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng nâng cao nhận thức trong và ngoài nhà trường. Bên cạnh đó nhà trường cũng cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của nhân viên công tác xã hội.

“Không gian buổi sinh hoạt” với tỷ lệ lựa chọn là 40% (THCS Phan Đình Giót) và 47.5% (THCS Dân lập Lê Quý Đôn). Không gian buổi sinh hoạt ảnh hưởng tới chất lượng của các hoạt động trong buổi sinh hoạt đó. Không gian sinh hoạt quá chật thì nhân viên xã hội sẽ không thể tổ chức các hoạt động cho các thành viên thực hiện một cách hiệu quả được hoặc các thành viên không được thực hiện các hoạt động mà nhân viên xã hội dự định cho các thành viên làm. Hoặc không gian quá rộng sẽ ảnh hưởng tới bầu không khí của buổi sinh hoạt, nó tạo một cảm giác trống trải và nhân viên xã hội khó kiểm soát được các thành viên. Điều này khiến cho việc điều phối của nhân viên xã hội kém hiệu quả từ đó làm cho chất lượng của buổi sinh hoạt không đạt được hiệu quả như mong muốn.

“Thời gian sinh hoạt” ở hai trường cùng tỷ lệ 21.25%. Thời gian của buổi sinh hoạt cũng ảnh hưởng đến hiệu quả buổi sinh hoạt. Yếu tố này cũng tác động không nhỏ tới vai trò của nhân viên xã hội. Nhân viên xã hội lựa

chọn thời gian buổi sinh hoạt không phù hợp vì nếu chọn thời gian sinh hoạt trùng vào thời gian học tập hay công việc cá nhân của các em thì sẽ khiến các em không thể tham gia buổi sinh hoạt hoặc tham gia không thường xuyên các buổi sinh hoạt của nhóm, điều này sẽ khiến cho việc giáo dục bị gián đoạn hoặc những em không đến sinh hoạt sẽ không tiếp thu được nội dung kiến thức của buổi sinh hoạt đó. Hoặc thời gian của buổi sinh hoạt quá ít thì nhân viên công tác xã hội sẽ không đảm bảo được việc truyền đạt được hết những nội dung của buổi sinh hoạt hoặc truyền tải không sâu những nội dung kiến thức và thực hành cho các em từ đó sẽ khiến cho các thành viên cảm thấy hụt hẫng, không tích cực tham gia. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả giáo dục cho các em.

2.2.4.5. Yếu tố chính sách pháp luật.

Chính sách pháp luật là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò điều phối và giáo dục của học sinh THCS (cả hai ngôi trường Phan Đình Giót và Lê Quý Đôn). Bởi chính sách pháp luật là tiền đề hỗ trợ và giúp nhân viên công tác xã hội có cơ hội, có đòn bẩy và công cụ để thực hiện. Tuy nhiên thực tế tại hai ngôi trường cho thấy có đến 65% học sinh cho rằng chính sách pháp luật ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên công tác xã hội. Các em cho rằng nhân viên công tác xã hội thực hiện hoạt động gì cũng cần phải có kinh phí thực hiện, hoặc được hỗ trợ về mặt cơ sở vật chất. Nếu như không có pháp lý thì khó để thực hiện. Chẳng hạn như pháp luật về trẻ em, nhân viên xã hội cũng dựa vào đó để giúp đỡ trẻ em, dựa vào đó để bảo vệ, biện hộ cho quyền lợi của học sinh, cũng dựa vào đó để giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh và cho cả phụ huynh học cùng để cùng hỗ trợ học sinh.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Những nội dung được trình bày và phân tích tại chương này đã đưa ra cái nhìn khái quát về thực trạng nhận thức của học sinh thông qua những hiểu biết về: khái niệm HVGH, những biểu hiện của nó, các yếu tố ảnh hưởng, cách thức để giảm thiểu hành vi này và những nhận thức về vai trò của nhân viên công tác xã hội của học sinh THCS trên địa bàn được tiến hành nghiên cứu. Qua khảo sát cho thấy, những nhận thức của các em mang tính cảm tính, thể hiện tính chủ quan nên chưa thể thúc đẩy, giúp đỡ học sinh THCS có ý thức chủ động trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu HVGH tại trường học. Bên cạnh đó, một thực tế vẫn đang tiếp tục diễn ra tại môi trường học đường và gây nên nhiều bức xúc, đó là tình trạng, mức độ gây hấn, bị gây hấn và chứng kiến HVGH của học sinh được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Thêm vào đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các biện pháp được áp dụng trong nhà trường nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu HVGH của học sinh đang mang lại hiệu quả tích cực, đã bắt đầu có tính phòng ngừa HVGH, tuy nhiên phần lớn hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc giải quyết những hậu quả khi HVGH đã xảy ra. Qua kết quả điều tra cũng cho thấy sự hiểu biết và nhận thức của các em về vai trò của nhân viên công tác xã hội đã bắt đầu đầy đủ tuy nhiên vẫn còn có sự hạn chế. Các em đánh giá chủ yếu dựa trên ý kiến cá nhân, một số vì đã được tham hoạt động dưới sự điều phối của nhân viên xã hội có cái nhìn đúng đắn về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn. Bên cạnh đó kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng học sinh trường Dân lập có nhận thức và có cái nhìn đúng đắn hơn so với các em học sinh trường Công lập. Vì vậy, việc đề xuất biện pháp tác động để giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS cần phù hợp với yêu cầu hiện tại cũng như đảm bảo được tính hiệu quả bền vững cho công tác giảm thiểu của nhân viên công tác xã hội tại địa bàn nghiên cứu nói riêng và trong các trường học nói chung.

(Số liệu thống kê so sánh chi tiết tại Phụ lục 3)

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ, KẾT LUẬN.

3.1. Giải pháp để thực hiện tốt hơn vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội.

Việc đề ra các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu các HVGH của học sinh THCS là một việc rất quan trọng. Việc áp dụng các biện pháp công tác xã hội vào giảm thiểu các HVGH của học sinh là cần thiết song trong quá trình thực hiện nó chưa thực sự hiệu quả vì những lý do chủ quan và khách quan. Vì vậy cần có những biện pháp phù hợp để nâng cao vai trò của nhân viên công tác xã hội từ đó nâng cao tính hiệu quả của quá trình trợ giúp. Để nâng cao vai trò của nhân viên công tác xã hội và tính hiệu quả của quá trình trợ giúp tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

3.1.1. Với học sinh.

Nâng cao nhận thức cho các em học sinh về các hoạt động cũng như vai trò của nhân viên công tác xã hội.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức và mức độ hiểu biết của các em về các hoạt động cũng như vai trò của nhân viên công tác xã hội là khá hạn chế và chưa đầy đủ. Vì vậy cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các em học sinh về vai trò và các hoạt động của nhân viên công tác xã hội thông qua các kênh khác nhau như truyền thanh, truyền hình, qua các buổi ngoại khóa trên trường hay những buổi sinh hoạt lớp đặc biệt là việc đưa các hoạt động công tác xã hội vào trong trường học một cách thường xuyên để các em biết nhiều hơn về các hoạt động của công tác xã hội. Đồng thời việc đưa các hoạt động của công tác xã hội vào trường học một cách thường xuyên sẽ hình thành thói quen tìm kiếm sự trợ giúp của công tác xã hội khi các em gặp những vấn đề khó khăn. Từ đó công tác xã hội sẽ có cơ hội phát huy tối đa vai trò của mình trong việc hỗ trợ cho học sinh.

Để các em có nhận thức tốt và đầy đủ về các hoạt động và vai trò của công tác xã hội trong trường học nhà trường và nhân viên công tác xã hội kết hợp để tổ chức các buổi ngoại khóa dành cho các em. Các buổi ngoại khóa này tổ chức mỗi tuần một lần để sự nhận thức của các em không bị gián đoạn và tạo nên một thói quen cho các em. Trong buổi ngoại khóa này, các thầy cô bên công tác đoàn và nhân viên công tác xã hội cùng kết hợp để cung cấp cho các em những kỹ năng ứng phó với những vấn đề xảy ra trong trường học, giao lưu nói chuyện, giải đáp những thắc mắc của các em về những vấn đề này. Bên cạnh việc cung cấp lý thuyết thì trong những buổi ngoại khóa này nhân viên công tác xã hội cũng như các thầy cô sẽ tổ chức những hoạt động trò chơi hay sắm vai tình huống để các em có thể hiểu rõ hơn và tạo sự hứng thú khi tham gia ngoại khóa cho các em.

Ngoài các buổi ngoại khóa tổ chức cho toàn trường thì trong những giờ sinh hoạt cuối tuần của từng lớp thì phân ra mỗi tuần một lớp nhân viên công tác xã hội sẽ lên lớp để nói chuyện, chia sẻ cũng như giải đáp những thắc mắc và khó khăn của các em vì ở trong các buổi ngoại khóa số lượng học sinh khá đông nên không thể kiểm soát được hết tất cả các em, nhiều em có thắc mắc hay khó khăn muốn chia sẻ nhưng vì ngại quá đông người nên không dám nói. Bên cạnh đó chính giáo viên chủ nhiệm cũng cần hiểu rõ các hoạt động cũng như vai trò của nhân viên công tác xã hội để có thể cung cấp cho học sinh của lớp mình trong các buổi sinh hoạt lớp khi không có nhân viên công tác xã hội để các em hiểu rõ về các hoạt động và vai trò của nhân viên công tác xã hội từ đó các em sẽ nhận thức được rằng nhân viên công tác xã hội trường học có thể trợ giúp mình khi mình gặp khó khăn.

3.1.2. Với gia đình.

Tăng cường kết nối giữa gia đình và nhân viên công tác xã hội, nhà trường.

Trong quá trình thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội tại trường học thì một phần không thể thiếu để đạt được kết quả cao đó chính là

sự gắn kết của nhà trường và gia đình. Vì vậy cần tăng cường kết nối giữa gia đình, nhân viên công tác xã hội, nhà trường như thiết lập mạng lưới hội phụ huynh học sinh có các buổi họp định kỳ cùng nhân viên công tác xã hội, tổ chức tập huấn cho chính gia đình để gia đình hiểu và phối hợp cùng nhà trường trong quá trình trợ giúp cho học sinh nâng cao nhận thức. Hơn nữa việc tăng cường sự kết nối này còn giúp cho gia đình hiểu hơn về con em mình, về những thay đổi trong tâm sinh lý lứa tuổi trong giai đoạn dậy thì. Việc kết nối này cũng giúp cho gia đình xem xét một cách khách quan những sự thay đổi về hành vi của học sinh liệu có ảnh hưởng từ chính gia đình hay không?

3.1.3. Với nhân viên công tác xã hội.

Nâng cao trình độ của nhân viên công tác xã hội và chất lượng của các hoạt động trợ giúp.

Trong quá trình tổ chức sinh hoạt nhóm để giảm thiểu hành vi gây hấn nhận thấy các hoạt động trợ giúp hiệu quả chưa cao, trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của nhân viên công tác xã hội còn hạn chế nên việc hỗ trợ còn chưa thực sự hiệu quả. Vì vậy để nâng cao trình độ và hiệu quả hoạt động cần: Mở lớp đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng, trình độ của nhân viên công tác xã hội từ đó nâng cao chất lượng hoạt động tạo niềm tin đối với các em. Cần có những buổi sinh hoạt chuyên môn giữa các nhân viên công tác xã hội để trao đổi, không ngừng học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Đa dạng hóa các loại hình trợ giúp đồng thời nâng cao chất lượng các hoạt động trợ giúp để giúp cho các em học sinh trong trường nói riêng và những người có nhu cầu hỗ trợ nói chung có cơ hội lựa chọn các loại hình trợ giúp với mình nhất. Từ đó sự trợ giúp của công tác xã hội sẽ đạt hiệu quả cao nhất.

Việc mở lớp đào tạo đạo, tập huấn cho các cán bộ, nhân viên công tác xã hội phải được triển khai một cách thường xuyên để các nhân viên công tác xã hội cập nhật những thông tin mới nhất cũng như những dịch vụ trợ giúp cho đối tượng đồng thời để nhân viên công tác xã hội có thể nâng cao trình độ của

mình. Để đạt hiệu quả cần tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn và vào những ngày cuối tuần vì như vậy thì sẽ vừa không ảnh hưởng đến công việc của các cán bộ, nhân viên công tác xã hội vừa đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các nhân viên công tác xã hội được đào tạo, tập huấn. Bên cạnh việc mở các lớp đào tạo tập huấn cần tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi kinh nghiệm giữa những nhân viên xã hội với nhau để các nhân viên xã hội có cơ hội, môi trường để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm cũng như học hỏi lẫn nhau. Điều này rất có hiệu quả trong việc nâng cao trình độ cho các nhà nhân viên công tác xã hội.

3.1.4. Với nhà trường.

Tạo điều kiện thuận lợi để địa điểm tiến hành tổ chức sinh hoạt phải phù hợp.

Việc lựa chọn địa điểm để tiến hành sinh hoạt cũng như làm việc rất quan trọng. Địa điểm phù hợp sẽ làm tăng hiệu quả của quá trình hoạt động trợ giúp. Trong quá trình tổ chức sinh hoạt nhóm để giảm thiểu các hành vi gây hấn cho học sinh, tác giả nhận thấy địa điểm sinh hoạt khá hẹp so với lượng thành viên trong nhóm. Việc này đã ảnh hưởng đến hiệu quả của một số hoạt động như hoạt động như sắm vai, chơi các trò chơi.... Vì không gian hơi chật nên các em không thể làm cùng một lúc mà phải lần lượt từng nhóm nhỏ một, thậm chí có nhóm chưa được thực hiện vì hết thời gian. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của các hoạt động. Vì vậy cần phải có một phòng công tác xã hội riêng, đủ thoải mái, rộng rãi và phù hợp để tiến hành các buổi sinh hoạt cũng như hỗ trợ các em đạt hiệu quả cao nhất.

Việc lựa chọn địa điểm, nhà trường có thể sử dụng phòng học trống ở dãy nhà cũ tu sửa lại để làm phòng công tác xã hội, vừa tiết kiệm được chi phí xây dựng vừa có một địa điểm phù hợp, rộng rãi cho các hoạt động trợ giúp.

3.2. Khuyến nghị

3.2.1. Đối với học sinh.

Từ kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy các em cần được trang bị cho mình những kiến thức về pháp luật, về kỹ năng sống, giá trị sống... để biết cách tự bảo vệ mình và có được những ứng xử phù hợp (phải làm gì, như thế

nào, tìm đến ai để giúp đỡ...) nếu gặp phải tình huống gây hấn. Cũng như việc nâng cao nhận thức về hành vi sai lệch, không phù hợp, để từ đó có khả năng kiểm soát hành vi của mình, điều khiển hành vi theo hướng tích cực, tránh làm tổn thương mình hay người khác.

Chủ động, tự tin và mạnh dạn trong việc tìm kiếm sự trợ giúp từ phía nhân viên công tác xã hội khi gặp vấn đề khó khăn.

Cần mạnh dạn, thẳng thắn với những vấn đề khó khăn của mình, tham gia vào các hoạt động, không nên che giấu, che giấu là tiếp tay cho các hành vi gây hấn học đường. Các em nên tìm hiểu về phòng công tác xã hội học đường, các hình thức hỗ trợ, các chuyên viên của phòng để có sự lựa chọn tốt nhất. Hơn nữa cần nhiệt tình tham gia vào các buổi tọa đàm, hay tham gia vào những câu lạc bộ để nâng cao hiểu biết về hành vi gây hấn và các hoạt động trợ giúp của công tác xã hội.

Các em cần xóa bỏ tâm lý tự ti, sợ các bạn biết mình đi gặp nhân viên công tác xã hội để nhờ sự trợ giúp, để các em có tâm lý thoải mái trong các hoạt động trợ giúp, tiến trình trợ giúp sẽ đạt hiệu quả hơn, đặc biệt là các em có hành vi gây hấn và bị gây hấn cần nâng cao năng lực tự vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, để tự cân bằng cảm xúc và hành vi của mình.

3.2.2. Đối với gia đình.

Từ kết quả khảo sát thực tế trên 160 học sinh tại hai trường THCS cho thấy:

Gia đình nên thường xuyên thu xếp thời gian, công việc để cùng con em mình tham gia các hoạt động trên trường lớp, tránh trường hợp để con em mình thấy gia đình không quan tâm và bỏ mặc.

Gia đình cũng cần tham gia các lớp tập huấn hoặc các buổi chia sẻ để hiểu tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh đặc biệt là học sinh THCS.

Thường xuyên trò chuyện cùng học sinh để các em cảm nhận sự quan tâm của chính gia đình.

3.2.3. Đối với nhân viên công tác xã hội.

Về kiến thức: Cần có trình độ chuyên môn sâu sắc về công tác xã hội, đặc biệt là công tác xã hội nhóm, đồng thời phải không ngừng trau dồi học hành các kiến thức liên ngành khác, để phục vụ trong quá trình hỗ trợ. Khi tiến hành sinh hoạt nhóm giảm thiểu các hành vi gây hấn cho các em học sinh nhân viên công tác xã hội không chỉ nắm vững các kỹ năng về công tác xã hội nhóm mà còn phải hiểu các kiến thức về gây hấn học đường, pháp luật, y tế để quá trình trợ giúp các em được toàn diện nhất.

Về thái độ: Cần cởi mở, chân thành, tôn trọng các em. Bản thân người chuyên viên cần không ngừng học hỏi trau dồi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm. Luôn tận tụy, hết lòng về công việc của mình.

Về kỹ năng: Cần rèn luyện các kỹ năng về công tác xã hội nhóm, quan sát học hỏi đồng nghiệp, rút kinh nghiệm cho bản thân sau mỗi lần tổ chức sinh hoạt nhóm.

3.2.4. Đối với nhà trường.

Bên cạnh hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và học tập, trong trường học cần tăng cường những hoạt động hỗ trợ học sinh với công tác tham vấn tâm lý, hòa giải, tháo gỡ những khúc mắc của lứa tuổi và những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập hay những vấn đề nảy sinh trong các mối quan hệ của các em. Vì vậy, cần tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên trách như nhân viên tham vấn, NVCTXH để hỗ trợ thực hiện những nhiệm vụ này.

Đối với công tác giảm thiểu HVGH trong trường học, nhà trường cần coi việc ngăn ngừa và phòng tránh như là yếu tố chủ đạo, là biện pháp căn bản, đầu tiên và lâu dài bằng việc thực hiện thường xuyên hơn các buổi hoạt động ngoại khóa, chương trình hành động cho học sinh, giáo viên, phụ huynh... dưới sự hỗ trợ của nhân viên xã hội với những nội dung về HVGH học đường nhằm mục đích nâng cao nhận thức của họ trong việc ngăn chặn, giảm thiểu hành vi này. Một trong những điểm đáng chú ý ở đây chính là việc đa dạng các hình thức thể hiện cho các hoạt động này để mang lại tính lôi cuốn, sự thư giãn và giải tỏa căng thẳng, điều hòa cảm xúc cho những người tham gia.

Tổ chức các diễn đàn, chương trình tập huấn cho giáo viên, phụ huynh học sinh và cả nhân viên xã hội về kỹ năng làm việc, giao tiếp hiệu quả với học sinh; sử dụng việc lồng ghép các hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong các môn học cụ thể tại trường THCS.

Giáo viên cần có sự quan tâm sát sao hơn đến học sinh, nếu thấy xuất hiện những biểu hiện không bình thường cần tìm hiểu rõ ràng sự việc, đồng thời kết hợp với gia đình, nhân viên CTXH để kịp thời giúp đỡ các em.

3.2.5. Đối với phòng công tác xã hội học đường.

Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, phòng công tác xã hội phải đạt chuẩn, tạo ra sự thoải mái mà phù hợp với từng hoạt động trợ giúp góp phần nâng cao hiệu quả của các hoạt động trợ giúp.

Tăng cường công tác quản lý chất lượng, nhân sự đảm bảo sự chuyên nghiệp trong các khâu của hoạt động trợ giúp.

Nâng cao chất lượng của các hoạt động trợ giúp. Đặt lợi ích của các em lên hàng đầu, quan tâm, tận tình giúp đỡ các em trong suốt quá trình trợ giúp đến khi lượng giá kết thúc.

Xây dựng, tuyển chọn đội ngũ chuyên viên có trình độ chuyên môn, thái độ, đạo đức nghề nghiệp.

3.2.6. Đối với nhà quản lý giáo dục.

Cần tăng cường và chú trọng các chương trình giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, định hướng hành vi, lồng ghép vào chương trình giảng dạy hoặc có môn học riêng, giờ học cụ thể về giáo dục kỹ năng sống trong trường học với những nội dung phù hợp với trình độ của học sinh và đa dạng về các hình thức thể hiện.

Ở mỗi trường mỗi cấp học cần có NVCTXH làm việc, hỗ trợ giải quyết các vấn đề xảy ra trong trường học, đặc biệt là những vấn đề có liên quan tới học sinh.

3.2.7. Đối với chính sách, pháp luật nhà nước.

Cần có chính sách thu hút vốn đầu tư của các tổ chức phi chính phủ trợ giúp cho các hoạt động của công tác xã hội về kiến thức, chuyên môn, tài chính. Cần có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các trung tâm, các phòng công

tác xã hội, nhất là các trung tâm, các phòng có hoạt động về công tác xã hội học đường để đảm bảo duy trì hoạt động và có kinh phí tổ chức các hoạt động trợ giúp cho các em học sinh từ đó thu hút sự tham gia và chủ động tìm kiếm hỗ trợ của nhân viên xã hội.

3.3. Áp dụng nghiên cứu thực tế tại trường THCS Phan Đình Giót, và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội.

Trong khuôn khổ của đề tài này, tác giả dùng 02 phương pháp CTXH để kiểm nghiệm sự hiệu quả với phương pháp CTXH cá nhân dành cho học sinh trường THCS Phan Đình Giót và CTXH nhóm dành cho học sinh trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn.

3.3.1. Trường hợp 1.

Công tác xã hội cá nhân trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS là phương pháp làm việc cá nhân 1- 1 theo các giai đoạn cụ thể trong tiến trình CTXH cá nhân. Theo đó, NVCTXH là người trực tiếp hỗ trợ giúp cho học sinh đó thay đổi hành vi của mình theo hướng tích cực hơn.

Quy trình CTXH cá nhân với học sinh có hành vi gây hấn.

✓ Tạo lập mối quan hệ, tiếp cận và xác định vấn đề ban đầu.

+ Học sinh được can thiệp trong trường hợp này là học sinh có hành vi gây hấn và bị chịu hình thức kỷ luật khiển trách của nhà trường.

+ Thông tin học sinh: Em N.V.H, học sinh lớp 7.

+ Hoạt động tạo lập mối quan hệ và tiếp cận được diễn ra dễ dàng bởi nhân viên công tác xã hội đã có thời gian ở trường học hơn nữa lại phụ trách công tác đoàn đội trong nhà trường.

+ Vấn đề ban đầu được xác định là học sinh thực hiện hành vi gây hấn với bạn học cùng lớp của mình, cụ thể là trực tiếp đánh bạn và rủ rê bạn cùng lớp tham gia với mình.

✓ Thu thập thông tin, chuẩn đoán vấn đề.

Ø Thu thập thông tin:

+ Bản thân học sinh: học sinh có học lực khá, hạnh kiểm tốt, ngoan ngoãn và nghe lời thầy cô giáo. Tuy nhiên thời gian gần đây thường xuyên học sinh này trốn học, có thái độ không tốt với bạn bè và có dấu hiệu xa lánh bạn bè trong lớp, thi thoảng có giao du với bạn xấu bên ngoài trường ở quán nét.

+ Gia đình học sinh: bố mẹ đi làm ăn xa, ít có thời gian về nhà, em sống với gia đình cô chú (em ruột của bố). Gia đình cô chú thường xuyên xảy ra tình trạng bạo lực, chú đánh cô để khẳng định quyền lực gia đình.

+ Hàng xóm láng giềng: Thân thiện, hòa đồng hay giúp đỡ em. Có 1 bạn học sinh cùng trường sống ngay cạnh nhà em.

+ Cô giáo chủ nhiệm và bạn bè cùng lớp: Cô giáo chủ nhiệm quan tâm học sinh, bạn bè cũng hay nói chuyện tuy nhiên em H lại tránh né.

Ø Chuẩn đoán vấn đề

+ Em H có hành vi gây hấn với bạn bè do nhiều nguyên nhân khác nhau, cần được hỗ trợ để thay đổi hành vi.

▼ *Lập kế hoạch và thực hiện.*

+ Thực hiện hoạt động tham vấn cho em H (03 buổi): Hành vi gây hấn, hậu quả, biện pháp phòng tránh, các hoạt động giúp em H thư giãn, hòa nhập với bạn bè, bài tập nâng cao nhận thức.

+ Thực hiện hoạt động tham vấn cho gia đình của em H: Đầu tiên là trao đổi nói chuyện với cô chú của em H về hành vi bạo lực của gia đình ảnh hưởng đến tâm sinh lý lứa tuổi khiến em H học theo, cô chú cần có sự thay đổi. Thứ hai liên hệ với bố mẹ của em H để bố mẹ thường xuyên quan tâm, động viên em nhiều hơn.

+ Làm việc với cô giáo chủ nhiệm, học sinh trong lớp để giúp các em học sinh hiểu H hơn và quan tâm bạn hơn và không tránh né bạn sau sự việc bạn đánh bạn học cùng lớp.

▼ *Lượng giá kết quả.*

+ Sau quá trình làm việc bản thân em H đã có những thay đổi chuyển mình rõ rệt. Trong suốt quá trình theo dõi 1 tháng nhân viên công tác xã hội nhận thấy em không còn có hành vi gây hấn với bạn bè, thay vào đó lại tích cực tuyên truyền và nhắc nhở các bạn không nên gây hấn với bạn.

3.3.2. Trường hợp 2.

Công tác xã hội nhóm trong việc giảm thiểu HVGH của học sinh THCS: là phương pháp làm việc theo các giai đoạn cụ thể trong tiến trình của CTXH nhóm. Theo đó, NVCTXH đóng vai trò là người hướng dẫn, điều phối, tổ chức sinh hoạt giúp các thành viên trong nhóm có cơ hội trao đổi, tương tác, cùng nhận diện vấn đề chung của nhóm là việc giảm thiểu HVGH và làm chủ bản thân trước các tác động dẫn đến hành vi này.

Quy trình vận dụng công tác xã hội nhóm với nhóm học sinh

▼ Chuẩn bị và thành lập nhóm

Chọn nhóm viên và chuẩn bị môi trường hoạt động:

- Loại hình nhóm: nhóm phát triển

- Chọn nhóm thành viên:

+ Giới tính : Nam và nữ

+ Số lượng : 15 thành viên

+ Độ tuổi : 13 - 15 tuổi

+ Phạm vi lựa chọn: Lựa chọn 15 học sinh ở hai khối lớp 7 và lớp 8; trong số đó có 7 em là tự nguyện và mong muốn tham gia nhóm; 8 em là những thành viên đã từng có HVGH với bạn bè. Hầu như các em trong nhóm đã từng quen biết nhau và có mối quan hệ bạn bè từ trước.

- Lãnh đạo nhóm: ban đầu là NVCTXH nhưng sau khi nhóm đã đi vào hoạt động, các thành viên dần dần có sự thấu hiểu nhau, quan tâm, giúp đỡ nhau, hòa nhã trong giao tiếp thì nhân viên CTXH sẽ chuyển giao việc lãnh đạo cho các thành viên trong nhóm.

- Địa điểm sinh hoạt: tại phòng Công tác học sinh

- Thời gian sinh hoạt:

- Thời gian cho một buổi sinh hoạt là sáng chủ nhật từ: 7h30 - 9h00.

- Nhóm sinh hoạt trong 5 tuần và dự định sẽ tiến hành duy trì nhóm cho các hoạt động tiếp theo trong thời gian sau.

▼ *Xác định mục đích và mục tiêu sinh hoạt nhóm*

- Mục đích

Tạo ra môi trường nhóm lành mạnh để tăng cường sự tương tác giữa các thành viên. Ở đó các thành viên tích cực sẽ hỗ trợ thêm cho các thành viên có HVGH, giúp các em thay đổi nhận thức, hành vi tiêu cực này để trở thành thành viên tích cực trong nhóm, trong cộng đồng. Thông qua các hoạt động chung của nhóm, các thành viên được học hỏi để biết cách kiểm soát cảm xúc tiêu cực gặp phải, giảm thiểu HVGH hình thành hành vi tích cực thay thế

- Mục tiêu:

- + Tổ chức buổi nói chuyện, chia sẻ thông tin giữa các em với nhau, giữa các em với NVCTXH để giúp các em trong nhóm hiểu về nhau hơn, đặc biệt giúp những em có HVGH hiểu rõ vấn đề của mình, từ đó có cách thức giải quyết.

- + Tổ chức hoạt động chơi trò chơi, đóng vai tình huống... để các em được trải nghiệm, từ đó giúp các em có được những kỹ năng cần thiết, bổ ích trong làm việc nhóm, tương tác nhóm và đặc biệt là giúp các em hình thành kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề mà không cần đến bạo lực.

- + Thông qua các buổi sinh hoạt nhóm giúp các thành viên trải nghiệm các bài tập thư giãn cảm xúc, kiểm soát cảm xúc tiêu cực, hình thành hành vi tích cực thay thế HVGH với người khác.

- + Giúp các thành viên trải nghiệm một số giá trị sống như hòa bình, tôn trọng, khoan dung, yêu thương, trung thực, hợp tác.

- + NVCTXH huy động nguồn lực để tổ chức được một buổi vui chơi, sinh hoạt ngoài trời. Từ hoạt động này, tạo nên sự thân mật, gắn kết và gần

gũi hơn nữa giữa các em, tạo môi trường giao tiếp cởi mở, thân thiện, không bạo lực cho thành viên.

▼ *Thực hiện sinh hoạt nhóm và lượng giá kết quả:*

Sau thời gian sinh hoạt nhóm các em đã được nâng cao nhận thức, hiểu hơn về gây hấn được thảo luận những kiến thức chung về HVGH và một số kỹ năng tự giúp trong những trường hợp gặp phải. Thực hành bài tập về điều hòa cảm xúc và kỹ năng xử lý tình huống trong những trường hợp xảy ra hành vi gây hấn tại môi trường học đường, Các bài học trải nghiệm với giá trị “tôn trọng” và “Khoan dung”..... qua các buổi sinh hoạt.

Kết quả cho thấy sự thay đổi của các em:

+ 15/15 = 100% học sinh trong nhóm cam kết không vi phạm, sử dụng hành vi gây hấn.

+ 15/15 = 100% cam kết là nòng cốt tuyên truyền về gây hấn cũng như tác hại của nó để các bạn học sinh cùng nâng cao nhận thức.

+ 15/15 = 100% cam kết sẽ là sợi dây kết nối gia đình và nhà trường dưới sự hỗ trợ của nhân viên CTXH trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn trong trường học.

Sau khi kết thúc sinh hoạt nhóm được 15 ngày tại trường THCS Dân lập Lê Quý Đôn đã diễn ra chương trình “*Nói không với gây hấn và bạo lực trong trường học*” với sự tham gia của thầy Đào Lê Hòa An. Điều đặc biệt chương trình này do chính nhóm sinh hoạt làm nòng cốt phối hợp tuyên truyền cùng tổ chức.

(Lượng giá bài học kinh nghiệm và kỹ năng của nhân viên xã hội sau hoạt động CTXH cá nhân và nhóm tại phụ lục 6)

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Như vậy dựa trên kết quả khảo sát, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và những khó khăn mà tôi nhận thấy đang tồn tại khi tiến hành khảo sát nhằm giúp cho vai trò của nhân viên công tác xã hội được phát huy tối đa trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở. Đó là các giải pháp, thứ nhất đó là Nâng cao nhận thức cho các em học sinh về các hoạt động cũng như vai trò của công tác xã hội, thứ hai đó là tăng cường kết nối giữa gia đình và nhân viên công tác xã hội, nhà trường, thứ ba là Nâng cao trình độ của nhân viên công tác xã hội và chất lượng của các dịch vụ, thứ ba là Lựa chọn địa điểm tiến hành tổ chức sinh hoạt phải phù hợp. Bên cạnh những giải pháp đưa ra tôi cũng có đề xuất một số kiến nghị để vai trò của nhân viên công tác xã hội ở trường học được thực hiện cũng như phát huy một cách tối đa và hiệu quả. Đó là những khuyến nghị cho các cơ quan chức năng, các ban ngành; cho các nhà quản lý giáo dục, cho nhà trường, cho các em học sinh, cho gia đình và đặc biệt là cho nhân viên công tác xã hội. Nhân viên công tác xã hội là người trực tiếp làm việc và hỗ trợ cho đối tượng vì vậy mà nhân viên xã hội cần phải trau dồi kiến thức kỹ năng của bản thân, trau dồi kinh nghiệm, có thái độ cởi mở thân thiện, tận tụy, hết lòng vì công việc. Cũng như các ban ngành đoàn thể, các bên cần có những biện pháp để có thể nâng cao hiệu quả của công tác xã hội trong hoạt động trợ giúp nói chung và công tác xã hội trong trường học nói riêng để góp phần giảm thiểu những vấn đề trong trường học, đặc biệt là vấn đề về gây hấn học đường.

KẾT LUẬN

Gây hấn học đường là một hiện tượng tiêu cực phổ biến và ngày càng trở nên đáng báo động đặc biệt trong giới học sinh mà cụ thể là lứa tuổi học sinh THCS với nhiều biến động của tâm sinh lý. Qua những thông tin đã tìm hiểu trong bài tiểu luận này cho thấy: nhận thức về gây hấn và những biểu hiện của hành vi này ở học sinh được khảo sát còn hạn chế. Sự nhầm lẫn và nhận thức chưa đầy đủ về bản chất của hành vi này đã khiến các em chưa có những nhận diện một cách chính xác đâu là HVGH trong những tình huống cụ thể của cuộc sống. Đa phần học sinh nhận diện được một cách rõ ràng về HVGH khi đó là những hành vi có tính bạo lực, những biểu hiện mang tính tấn công trực diện và thường gây những tổn hại về mặt thể chất. Tuy nhiên, trong nhận thức về những yếu tố ảnh hưởng đến HVGH của học sinh, đại đa số đều có những nhận thức ở mức khá khi nhận biết được những ảnh hưởng của các yếu tố này cả về mặt sinh lí và những yếu tố xã hội. Để giảm thiểu những HVGH trong môi trường học đường, các em đã có những nhận thức cơ bản về cách thức hay những biện pháp cho vấn đề này. Mặc dù vậy, vẫn có số ít các em chưa thể hiện được nhận thức một cách chính xác về những biện pháp mang hiệu quả lâu dài trong công tác giảm thiểu HVGH học đường. Đặc biệt là những nhận thức về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS. Nhận thức của các em về các biện pháp của công tác xã hội cũng như vai trò của nhân viên công tác xã hội khá hạn chế và không đầy đủ. Vì các em chưa được tiếp xúc nhiều với các biện pháp của công tác xã hội, nhưng khi các em được tiếp xúc, được tham gia vào các hoạt động hỗ trợ của công tác xã hội thì các em lại có sự nhìn nhận đúng đắn và có sự thay đổi rõ rệt trong nhận thức của mình về vai trò của công tác xã hội cũng như trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn.

Hậu quả để lại của HVGH cho dù được xem xét ở tính chất nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng thì đều có những tác động tiêu cực đến hoạt động học tập,

quá trình phát triển nhận thức - tình cảm và các mối quan hệ xung quanh của học sinh là nạn nhân của gây hấn học đường, học sinh có HVGH và những học sinh chứng kiến hành vi này.

Hiện nay, các cách thức hay biện pháp nhằm giảm thiểu HVGH trong trường học đã được áp dụng ở một mức độ cụ thể tuy nhiên chưa triệt để, toàn diện và mới ở tính chất trước mắt mà chủ yếu là giải quyết các vụ việc sau khi đã xảy ra và để lại hậu quả. Cách giải quyết cũng mang tính trừng phạt, răn đe đối với những trường hợp gây hấn hay hỗ trợ một phần mang tính chất ủng hộ, giúp đỡ nạn nhân bị gây hấn chứ chưa có một giải pháp thiết thực và mang tính phòng ngừa, giảm thiểu hiện tượng tiêu cực này tại trường học. Vì vậy, việc áp dụng các biện pháp can thiệp của CTXH, trong đó có công tác xã hội nhóm và những biện pháp để nâng cao vai trò của công tác xã hội là một điều cần thiết trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn hiện nay một cách thiết thực và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt.

1. Nguyễn Thanh Bình (2012), *Giáo trình giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Bảo (chủ biên -1995), *Phát triển tính tích cực, tính tự lực của học sinh trong quá trình dạy học*, Bộ giáo dục và đào tạo.
3. Nguyễn Thị Chính (2006), *Tham vấn cho học sinh trung học phổ thông có hành vi lệch chuẩn học đường*, Luận văn thạc sĩ
4. Hoàng Xuân Dung (2010), *Khác biệt giới trong hành vi gây hấn của học sinh trung học phổ thông, tạp chí nghiên cứu gia đình và giới, số 3/2010.*
5. Lê Ngọc Dung, Hồ Bá Thông(2004), *Một vài hiện tượng tiêu cực trong thanh niên hiện nay và công tác giáo dục vận động thanh niên*, Tạp chí tâm lí học số 8, tháng 8/2004.
6. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lí học*, Nxb Khoa học xã hội
7. Vũ Trùng Dương (2010), *Ảnh hưởng của vô tuyến truyền hình với nhận thức giá trị đạo đức của học sinh trung học cơ sở*, Đề tài cấp Bộ, Mã số: B98-49-68.
8. Trần Thị Minh Đức, Hoàng Xuân Dung(2008 -2010), *Hành vi gây hấn của học sinh trung học phổ thông*, Trung tâm hỗ trợ nghiên cứu châu Á và Quỹ giáo dục cao học Hàn Quốc, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Trần Thị Minh Đức (2011), *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lí học xã hội*, sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Trần Thị Minh Đức (2010), *Gây hấn học đường ở học sinh trung học phổ thông*, tạp chí nghiên cứu con người, số 3, tháng 5 -6/2010
11. Trần Thị Minh Đức(2010), *Hiện tượng gây hấn trong các trường phổ thông trung học hiện nay*, Tạp chí khoa học giáo dục, số 58, tháng 7/2010
12. Trần Thị Minh Đức (2012), *Tư vấn bạo lực học đường, Tài liệu tập huấn, Cục Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

13. Kathryn Geldard & David Geldard (dịch và biên tập: Nguyễn Xuân Nghĩa và Lê Lộc, 2000), *Công tác tham vấn trẻ em - giới thiệu thực hành*, Tập 2, Nxb Đại học Mở - Bán công thành phố Hồ Chí Minh, tr. 176 - 265.
14. Phạm Hoàng Gia, Hoàng Gia Trang (2002), *Hung tính ở trẻ em*, tạp chí Tâm lí học, số 11/2002
15. Lưu Song Hà (2004), *Một số lý thuyết giải thích về hành vi lệch chuẩn của các tác giả nước ngoài*, Tạp chí Tâm lí học, số 8, tr. 42 – 47.
16. Lưu Song Hà (2008), *Cách thức cha mẹ quan hệ với con cái và hành vi lệch chuẩn của trẻ*, NXB khoa học xã hội.
17. Lê Như Hoa (2001), *Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
18. Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên năm 2008), *Giáo trình tâm lí học phát triển*, NXB Đại học Sư phạm.
19. Phan Thị Mai Hương (2005), *Thanh niên nghiện ma túy: Nhân cách và hoàn cảnh xã hội*, Nxb Khoa học xã hội
20. Nguyễn Duy Nhiên (chủ biên - 2008), *Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội*, nhà xuất bản lao động, Hà Nội.
21. Nguyễn Duy Nhiên (chủ biên - 2010), *Giáo trình công tác xã hội nhóm*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
22. Đặng Thanh Nga (2007), *Đặc điểm tâm lí của người chưa thành niên có hành vi phạm tội*, Luận án Tiến sĩ, Viện Tâm lí học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
23. Hoàng Anh Phước (Chủ nhiệm - 2006), “*Một số kỹ năng tham vấn cơ bản của cán bộ tham vấn học đường*” - Đề tài khoa học công nghệ cấp trường, mã số SPHN -09 -435NCS.
24. Hoàng Anh Phước (2011), “*Thực trạng một số kỹ năng tham vấn cơ bản của cán bộ tham vấn học đường*”, Tạp chí Tâm lí học, số 8/2011(trg 62 - 75).

25. Hoàng Anh Phước (2006), “*Cha mẹ cần làm gì để đáp ứng những nhu cầu của con trong học tập và rèn luyện đạo đức*” (đồng tác giả), Hội thảo “*Xây dựng và phát triển mạng lưới tham vấn trong trường học*”, Bộ giáo dục và Đào tạo.
26. Nguyễn Thị Phương (2006), *Tìm hiểu những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội của học sinh trường PTHH dân lập Đình Tiên Hoàng*, Luận văn Thạc sĩ
27. Nguyễn Đức Sơn (2008), *Tiếp cận tâm lý học nhóm nhỏ đối với vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc - Hội khoa học Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam “*giáo dục đạo đức cho học sinh sinh viên ở nước ta: thực trạng và giải pháp*”.
28. Mai Thị Kim Thanh (2011), *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*, NXB giáo dục Việt Nam.
29. Mã Ngọc Thê (2004), *Ảnh hưởng của nhóm bạn không chính thức đến hành vi phạm pháp của trẻ vị thành niên*, tạp chí tâm lý số 8, tháng 8/2004
30. Hoàng Gia Trang (2005), *Hành vi sai lệch chuẩn mực của học sinh tại một số trường phổ thông ở Hà Nội*, Tạp chí phát triển giáo dục, số 5/2005.
31. Phạm Thị Huyền Trang (2012), *Nhu cầu cần có nhân viên công tác xã hội trong trường học tại Việt Nam*, Hội thảo quốc tế Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về Công tác xã hội và An sinh xã hội, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
32. Phạm Văn Tư (2012), *Tâm lý học xã hội* (giáo trình dành cho sinh viên ngành Công tác xã hội), NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
33. Phạm Văn Tư (2010), *Nhu cầu được tham vấn tâm lý của học sinh trung học phổ thông*, Tạp chí khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 10, năm 2010.
34. Lê Ngọc Văn (1996), *Giáo dục với việc điều chỉnh hành vi lệch chuẩn ở trẻ em*, Tạp chí Khoa học về phụ nữ, Số 1, 1996.

Tài liệu nước ngoài

35. Robert A. Baron (1998), *Social Psychology, 4th Edition*, Allyn and Bacon.
36. Brehm, S.S. (1989), *Social Psychology*, Boston, Houghton Millin Compay
37. Derek Chechak (2008), *The roles of a social worker*, School of Social Work, King's University College, UWO.

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT

Nhằm thực hiện mục đích nghiên cứu đề tài “*Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong việc giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội*” tôi rất mong các bạn cung cấp thông tin qua phiếu khảo sát sau đây. Mọi thông tin các bạn cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và sẽ hoàn toàn ẩn danh. Sự hợp tác của bạn sẽ giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện nghiên cứu này.

Xin trân thành cảm ơn các bạn!

1. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên (có thể không điền):
- Giới tính:
- Lớp:
- Học lực:
- Hạnh kiểm:
- Nơi sống:
- Hoàn cảnh gia đình:
- Nghề nghiệp của bố:
- Nghề nghiệp của mẹ:
- Bố mẹ và các thành viên trong gia đình có từng chửi mắng, cãi nhau hoặc đánh nhau không?
- Mức độ (nếu có):
 - A. Rất thường xuyên
 - B. Thường xuyên
 - C. thỉnh thoảng

2. NỘI DUNG

A. NHẬN THỨC VỀ CÁC HÀNH VI GÂY HẤN

A1. Bạn có biết hành vi gây hấn là gì không?

1. Có
2. Không

A2. Bạn biết về hành vi gây hấn qua đâu?

1. Giáo dục ở trường
2. Trên mạng xã hội
3. Gia đình
4. Bạn bè
5. Khác (ghi rõ)

A3. Trong cuộc sống bạn có thường xuyên chứng kiến hành vi gây hấn không? Hãy khoanh tròn vào phương án trả lời mà bạn cho là đúng.

1. Thường xuyên
2. thỉnh thoảng
3. Không bao giờ

A4. Hiện nay, tại trường đang xảy ra những hành vi nào sau đây (hãy khoanh tròn vào đáp án bạn cho là đúng, có thể chọn nhiều phương án)

1. Chửi mắng, lăng mạ
2. Lạm dụng tình dục
3. Đánh đập
4. Chấn lột, giật đồ
5. Nói xấu sau lưng
6. Tung tin đồn
7. Đe dọa
8. Trêu chọc, mỉa mai
9. Tách biệt, cô lập
10. Miệt thị, phân biệt đối xử

A5. Bạn đánh giá các hành vi trên ở mức độ như thế nào? Đánh dấu (x) vào ô mà bạn cho là phù hợp.

TT	Hành vi	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
1	Chửi mắng, lăng mạ				
2	Lạm dụng tình dục				
3	Đánh đập				
4	Chấn lột, giật đồ				
5	Nói xấu sau lưng				
6	Tung tin đồn				
7	Đe dọa				
8	Chê trọc, mỉa mai				
9	Tách biệt, cô lập				
10	Miệt thị, phân biệt đối xử				

A6. Khi gặp phải những tình huống trên bạn thường làm gì để bảo vệ mình? Hãy khoanh tròn vào phương án trả lời mà bạn cho là đúng.

1. Bỏ chạy
2. Phản ứng lại (chống đỡ, gọi người giúp...)
3. Chịu đựng
4. Lúng túng không biết phải làm gì
5. Ý kiến khác

A7. Theo bạn hành vi gây hấn có nguồn gốc từ đâu? Hãy khoanh tròn vào những phương án bạn cho là đúng (có thể chọn nhiều phương án)

1. Sinh ra đã có
2. Do thất vọng, giận dữ
3. Do bắt chước người khác

4. Do bị kích động, lôi kéo từ người khác
5. Do sử dụng các chất kích thích (rượu, bia, ma túy...)
6. Do bị ép buộc
7. Do ảnh hưởng của thay đổi thời tiết
8. Do ảnh hưởng phim ảnh, trò chơi điện tử, game online mang nội dung

bạo lực

9. Ý kiến khác:

A8. Bạn sẽ làm gì nếu phát hiện hay chứng kiến hành vi gây hấn trong trường học? Hãy khoanh tròn vào phương án trả lời mà bạn cho là đúng.

1. Tìm cách tiếp cận và khuyên nhủ
2. Thông báo cho thầy cô chủ nhiệm bạn đó
3. Thông báo cho gia đình bạn đó
4. Thông báo cho bảo vệ
5. Mặc kệ, tránh xa
6. Cổ vũ, quay clip
7. Ý kiến khác

A9. Theo bạn hành vi gây hấn gây ra những ảnh hưởng như thế nào đến học tập và mối quan hệ với mọi người?

1. Đối với bạn có hành vi gây hấn.....
2. Đối với bạn bị gây hấn.....
3. Đối với bạn chứng kiến hành vi gây hấn.....

A10. Theo bạn làm thế nào để giảm thiểu hành vi gây hấn? Hãy khoanh tròn vào những phương án bạn cho là đúng (có thể chọn nhiều phương án)

1. Cho học võ để tự vệ
2. Cho xem phim ảnh về hậu quả của hành vi gây hấn để họ ý thức là không nên có hành vi gây hấn

3. Dạy cho người có hành vi gây hấn biết giúp đỡ, yêu thương mọi người xung quanh.

4. Trừng phạt người có hành vi gây hấn

5. Tạo lập môi trường sống lành mạnh trong trường học, thường xuyên tổ chức các buổi rèn luyện ngoại khóa để giáo dục về hành vi gây hấn.

6. Không cần phải làm gì cả, khi đến tuổi trưởng thành tự hành vi gây hấn sẽ mất đi

7. Có hình thức khen thưởng cho người hay gây hấn nếu trong một thời gian nhất định họ không có hành vi gây hấn.

8. Ý kiến khác:

A11. Bạn đánh giá như thế nào về các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, phát hiện, ngăn ngừa và giảm thiểu hành vi gây hấn học đường? Đánh dấu (x) vào lựa chọn phù hợp với suy nghĩ của bạn.

STT	Biện pháp	Mức độ			
		Không hiệu quả	Hiệu quả một phần	Khá Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Truyền thông, tập huấn, giáo dục tại trường học nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh về gây hấn học đường				
2	Giáo viên chủ nhiệm quan tâm nhiều hơn nữa tới học sinh (về mặt học tập, hoàn cảnh gia đình cùng các mối quan hệ bạn bè xung quanh trường học)				
3	Phối hợp cùng gia đình trong quản lí học sinh				

4	Tổ chức và sinh hoạt các câu lạc bộ về các chủ đề về giới tính, sức khỏe sinh sản, kĩ năng sống, cách giảm thiểu stress, áp lực học tập, kiểm chế cảm xúc tiêu cực				
5	Nhà trường thành lập phòng tham vấn tâm lí				
6	Nhà trường lập hòm thư để học sinh góp ý, thông báo về việc phát hiện nguy cơ gây hấn học đường				
7	Đề ra những biện pháp mang tính răn đe như đuổi học hay đình chỉ học và các hình thức kỉ luật khác đối với những học sinh có hành vi gây hấn (tùy theo các mức độ) tại trường				

A12.Theo bạn, để bảo vệ bản thân khỏi nguy cơ của gây hấn học đường và giảm thiểu hành vi này, học sinh cần làm gì? (hãy đánh dấu vào mức độ bạn cho là phù hợp với mình).

STT	Biện pháp	Mức độ			
		Không đồng ý	Một phần đồng ý	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Học sinh được nâng cao nhận thức về gây hấn học đường, hậu quả của nó; được thực hành các bài tập về kĩ năng sống, các bài tập thư giãn, kiểm chế cơn tức giận...				

2	Không tham gia hay cổ vũ cho các hoạt động gây hấn				
3	Thông báo kịp thời cho giáo viên khi phát hiện hành vi gây hấn tại trường học.				
4	Không giao du, kết bạn với người có hành vi gây hấn				
5	Tránh xa, tách biệt với những người có hành vi gây hấn				
6	Luôn đề phòng những người có hành vi gây hấn				
7	Học cách bảo vệ bản thân trước các yếu tố nguy cơ xung quanh qua các lớp học kỹ năng, sinh hoạt câu lạc bộ.				

B. NHẬN THỨC VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU CÁC HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

B1.Vai trò điều phối

B1.1.Vai trò điều phối là?(khoanh tròn vào đáp án bạn cho là phù hợp nhất)

1. Phân công công việc cho các thành viên nhóm một cách phù hợp để hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.
2. Tạo lập và xây dựng được bầu không khí ấm áp, tin cậy, thoải mái
3. Kích thích sự tham gia của các thành viên trong nhóm
4. Phát huy những điểm mạnh của từng thành viên trong nhóm
5. Tất cả các phương án trên

B1.2. Các hoạt động điều phối ở trường có như vậy hay không?

1. Có
2. Không

B1.3. Theo bạn mức độ cần thiết của vai trò điều phối trong sinh hoạt nhóm như thế nào?

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Cần thiết một phần
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

B1.4. Theo bạn những thuận lợi khi VNCTXH thực hiện vai trò điều phối là gì?

1. Địa điểm, không gian buổi sinh hoạt phù hợp
2. Sự tích cực của các thành viên nhóm
3. Sự hiểu biết, trải nghiệm của các thành viên
4. Sự nhạy bén của NVCTXH
5. Tất cả phương án trên

B1.5. Theo bạn những khó khăn mà NVCTXH gặp phải khi thực hiện vai trò điều phối là gì?

1. Sự chống đối của các thành viên
2. Sự không tuân thủ nguyên tắc của các thành viên
3. Không gian sinh hoạt nhóm không phù hợp
4. Sự thiếu tự tin của NVCTXH
5. Tất cả phương án trên.

B1.6. Mức độ hiệu quả của vai trò điều phối?

1. Không hiệu quả.
2. Hiệu quả một phần.
3. Hiệu quả.

4. Rất hiệu quả.

B2. Vai trò giáo dục

B2.1. Vai trò giáo dục là ? (Khoanh tròn vào đáp án bạn cho là phù hợp nhất)

1. Cung cấp thông tin
2. Nâng cao nhận thức
3. Tăng cường kiến thức, kỹ năng
4. Trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm
5. Tất cả ý kiến trên

B2.2. Các hoạt động giáo dục ở trường có như vậy hay không?

3. Có
4. Không

B2.3. Theo bạn mức độ cần thiết của vai trò giáo dục trong việc giảm thiểu các hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở như thế nào?

1. Rất cần thiết
2. Cần thiết
3. Cần thiết một phần
4. Không cần thiết
5. Rất không cần thiết

B2.4. Theo em những thuận lợi khi NVCTXH thực hiện vai trò giáo dục là gì?

1. Sự nhận thức nhanh của các thành viên
2. Sự hiểu biết của NVCTXH về vấn đề gây hấn của học sinh
3. Các phương tiện để truyền tải thông tin đầy đủ
4. Sự tích cực thảo luận, trao đổi của các thành viên
5. Tất cả phương án trên

B2.5. Theo em những khó khăn khi NVCTXH thực hiện vai trò giáo dục là gì?

1. NVCTXH không có kiến thức về vấn đề gây hấn của học sinh trung học cơ sở
2. Các thành viên trong nhóm không hợp tác
3. Phương tiện truyền tải thông tin không đầy đủ
4. Không gian không phù hợp cho các hoạt động giáo dục
5. Tất cả phương án trên.

B2.6. Mức độ hiệu quả của vai trò giáo dục?

1. Không hiệu quả
2. Hiệu quả một phần
3. Hiệu quả
4. Rất hiệu quả

C. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU CÁC HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ.

C1. Theo bạn những yếu tố nào ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò điều phối của nhân viên xã hội?

1. Không gian tổ chức buổi sinh hoạt
2. Thời gian tổ chức sinh hoạt
3. Sự tương tác, tham gia của các thành viên
4. Sự nắm bắt tâm lý, thể mạnh các thành viên của nhân viên xã hội
5. Kỹ năng của nhân viên xã hội.
6. Chính sách pháp luật.
7. Ý kiến khác

C2. Theo bạn những yếu tố nào ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò giáo dục của nhân viên xã hội là gì?

1. Kiến thức về gây hấn học đường của nhân viên xã hội
2. Các phương tiện truyền tải thông tin
3. Sự tham gia của các thành viên
4. Thời gian tổ chức sinh hoạt
5. Gia đình không hợp tác, ít có thời gian tham gia với học sinh.
6. Chính sách pháp luật
7. Ý kiến khác.

D. NHỮNG ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN TỐT HƠN TRỌNG VIỆC GIẢM THIỂU CÁC HÀNH VI GÂY HẤN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ.

D1. Theo bạn để thực hiện tốt vai trò điều phối nhân viên xã hội cần phải làm gì?

1. Phân chia công việc cho các thành viên một cách hợp lý
2. Tạo được bầu không khí ấm áp, thoải mái và tin cậy
3. Thúc đẩy sự tham gia của các thành viên
4. Lựa chọn địa điểm, thời gian và không gian sinh hoạt phù hợp
5. Tất cả phương án trên
6. Ý kiến khác

D2. Theo bạn để thực hiện tốt vai trò giáo dục nhân viên xã hội cần phải làm gì?

1. Nâng cao kiến thức về các hành vi gây hấn học đường
2. Chuẩn bị các phương tiện truyền tin đầy đủ
3. Có phương pháp truyền tin hiệu quả
4. Tất cả phương án trên
5. Ý kiến khác

PHỤ LỤC 2: CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

I. Với giáo viên chủ nhiệm

* Một số câu hỏi phỏng vấn:

1. Thầy cô có suy nghĩ như thế nào về hành vi gây hấn của học sinh?
2. Theo thầy cô hành vi gây hấn thường biểu hiện ở học sinh nam hay nữ?
3. Theo thầy cô, những nguyên nhân nào dẫn đến hành vi gây hấn của học sinh? Nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ yếu?
4. Theo thầy cô hành vi gây hấn của học sinh có ảnh hưởng đến quá trình học tập của học sinh như thế nào?
5. Thầy cô thường dùng biện pháp như thế nào để giải quyết các trường hợp học sinh gây hấn?
6. Việc học tập ở lớp của học sinh có hành vi gây hấn như thế nào? Có gặp phải khó khăn nào không?
7. Thầy cô đã có những biện pháp can thiệp nào hay có liên lạc với gia đình để giúp đỡ em học sinh này không? Kết quả ra sao?
8. Ngoài hoạt động học tập các em học sinh có tham gia hình thức sinh hoạt tập thể nào khác tại trường không? Thầy cô có cho đó là điều cần thiết hay không?
9. Theo thầy cô cần thiết phải có sự tham gia của công tác xã hội trong việc nâng cao kỹ năng sống và giảm thiểu những hành vi gây hấn của học sinh không?

II. Cán bộ quản lý tại trường

* Một số câu hỏi phỏng vấn

1. Với tư cách là nhà quản lý học sinh, anh/chị cho biết nhận định về hành vi gây hấn của học sinh như thế nào?
2. Hiện tượng này có thường xuyên xảy ra tại trường hay không? Với những hình thức biểu hiện như thế nào?

3. Anh/chị có thể cho biết trường hợp nào gần đây liên quan đến hành vi gây hấn của học sinh tại trường không?

4. Điều đó đã ảnh hưởng như thế nào đối với chất lượng học tập của trường và đối với bản thân học sinh như thế nào?

5. Những biện pháp nào mà nhà trường đã thực hiện để làm giảm hiện tượng tiêu cực này ? Anh chị có đề xuất như thế nào?

6. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội.

7. Theo anh/chị cần phải làm gì để nâng cao hiệu quả của công tác xã hội trong trường học?

III. Phụ huynh học sinh

*.Một số câu hỏi phỏng vấn:

1. Anh/chị có thường xuyên trò chuyện với con về những dự định, sở thích của con mình không?

2. Anh/chị có khó khăn gì trong việc tiếp xúc hay trò chuyện riêng với con không?

3. Anh/chị có quan tâm đến bạn bè của con mình không? ở trường cháu thường chơi thân với ai và có tham gia vào nhóm nào ạ?

4. Trong gia đình, anh/chị có đặt ra quy định nào đối với con mình không?

5. Anh chị có biết đến những hoạt động tại trường mà cháu tham gia không?

6. Trước tình trạng học sinh có hành vi gây hấn thì anh/chị có suy nghĩ như thế nào?

7. Nếu con mình có hành vi gây hấn/ bị gây hấn thì anh/chị sẽ có những biện pháp giải quyết như thế nào?

IV. Với học sinh có hành vi gây hấn

*Một số câu hỏi phỏng vấn:

1. Gợi ý câu hỏi để học sinh giới thiệu về bản thân, nơi ở hiện tại, hoàn cảnh gia đình (sống cùng bố mẹ đẻ hay không? Điều kiện kinh tế ra sao?)

2. Trước đây, em đã từng gặp phải những tình huống nào trong cuộc sống làm em cảm thấy khó xử không? (đã từng bị đối xử bất công, xúc phạm; làm việc sai trái; bị xa lánh; bị đánh đập, ức hiếp?) lúc đó em cảm thấy thế nào?

3. Ở trường em thường gặp những trở ngại gì? (những thất bại trong trường học: không thành công trong học tập?; có chịu áp lực học tập như thế nào không? Có chịu sự phân biệt đối xử tại lớp học hay ác cảm của giáo viên?)

4. Trong gia đình, em nhận thấy bố mẹ (người thân) quan tâm đến học tập và giáo dục đạo đức cho em như thế nào?

5. Theo cảm nhận của em thì hình ảnh cha mẹ trong mắt em như thế nào? (dành nhiều thời gian cho công việc hơn cho gia đình; dành phần lớn thời gian cho gia đình; đặt nguyên tắc trong gia đình? Mọi người có thường xuyên được đoàn tụ và tâm sự với nhau không ?)

6. Khi gặp phải vấn đề khó khăn gì em thường tâm sự, chia sẻ với ai, nhờ ai trợ giúp mình không?

7. Em đã từng đến gặp nhân viên xã hội nhờ sự giúp đỡ chưa?

8. Theo em công tác xã hội có vai trò như thế nào trong việc giảm thiểu các hành vi gây hấn của học sinh? Em hiểu vai trò đấy được thể hiện như thế nào?

9. Theo em những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của công tác xã hội?

10. Em có đề xuất biện pháp nào để công tác xã hội thực hiện tốt hơn vai trò của mình không?

PHỤ LỤC 3: BẢNG KẾT QUẢ SO SÁNH

Dựa vào kết quả điều tra bảng hỏi, tác giả đã đưa ra bảng kết quả so sánh về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh THCS Phan Đình Giót và THCS Dân lập Lê Quý Đôn, Hà Nội. Kết quả thu được bảng tổng hợp sau:

STT	Nội dung	THCS Phan Đình Giót		THCS Dân lập Lê Quý Đôn	
		Số học sinh lựa chọn	Tỷ lệ (%)	Số học sinh lựa chọn	Tỷ lệ (%)
A. Hành vi gây hấn					
1	Có hiểu biết về hành vi gây hấn	73	91.25	78	97.5
2	Đã từng có ít nhất 01 lần có hành vi gây hấn với bạn bè trong và ngoài trường	58	72.5	47	58.75
3	Nhận thức được hậu quả của hành vi gây gấn	73	91.25	78	97.5
4	Nhận thức được cách giảm thiểu hành vi gây hấn.	46	57.5	73	91.25
B. Vai trò điều phối của Nhân viên công tác xã hội					
1	Nhận thức về các hoạt động của vai trò điều phối	59	73.75	73	91.25
2	Mức độ cần thiết của vai	71	88.75	80	100

	trò điều phối				
3	Hiệu quả của vai trò điều phối trong giảm thiểu hành vi gây hấn	77	96.25	80	100
C. Vai trò giáo dục của Nhân viên công tác xã hội					
1	Nhận thức về các hoạt động của vai trò giáo dục	44	55	68	85
2	Mức độ cần thiết của vai trò giáo dục	70	87.5	80	100
3	Hiệu quả của vai trò giáo dục trong giảm thiểu hành vi gây hấn	78	97.5	80	100

PHỤ LỤC 4: HÀNH VI GÂY HẤN

▼ Bản chất và biểu hiện của hành vi gây hấn.

Gây hấn là hành vi có chủ ý, có ý thức:

Mọi hành vi có tính toán, cố tình làm tổn thương người khác hoặc làm tổn hại vật chất xung quanh đều là HVGH. HVGH khi xét trên giao diện rộng không căn cứ trên một chuẩn mực nền văn hóa nào cả, thậm chí ngay trong HVGH không bao gồm ý nghĩa chính trị trong đó. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ xem xét về HVGH và nhận thức về nó trong phạm vi môi trường giáo dục học sinh THCS dưới góc độ CTXH nên cốt lõi của HVGH trong đó vẫn được xét theo chuẩn mực văn hóa giáo dục và có ý nghĩa chính trị nhất định. Lát cắt của HVGH là khi chủ thể xuất hiện ý đồ tấn công người khác đến khi hành động đó diễn ra cho dù ý đồ có thành công hay không. Vô tình làm ai đó bị tổn thương không phải là một hành động gây hấn vì ở đây không có ý định làm hại.

HVGH có thể gây tổn hại cả về thể chất và tinh thần cho người gây hấn:

- *Tổn hại về thể chất*: biểu hiện ở việc sử dụng cơ bắp như đấm, đá, tát, xô đẩy hay dùng những dụng cụ như gậy, roi, gạch, đá, ném vật vào mặt, vào người khác.

- *Tổn hại về tinh thần*: biểu hiện qua việc dùng lời nói miệt thị, khiêu khích, nhục mạ, đe dọa tấn công, nhắn tin, gọi điện, đe dọa trực tiếp hoặc nặc danh, chửi mắng, lăng mạ, nói xấu, la hét, dọa nạt, sỉ nhục, làm cho người khác cảm thấy mất an toàn...

Gây hấn thể hiện như một xu hướng tính cách của con người: Ở những người có biểu hiện HVGH, lời nói và hành động của họ luôn có xu hướng tấn công, gọi là nét tính cách “hiếu chiến”. Những người có kiêu thần kinh mạnh, không cân bằng hay có kiểu tính cách này.

HVGH còn biểu hiện ở những xung động mang tính chất bệnh lí đang

phát triển của nhân cách: Ở những người có biểu hiện HVGH trong trạng thái này thường mất cân bằng về tâm lý, bộc phát thành từng cơn dữ dội mà ở trạng thái căng thẳng đến cực điểm, con người có thể bạo động gây ra án mạng hay tự tử.

▼ Phân loại hành vi gây hấn

Các nhà tâm lý học chia tính chất gây hấn ở con người thành hai kiểu: đó là gây hấn thù địch (hostile aggression) và gây hấn phương tiện (Instrumental aggression).

- Gây hấn thù địch xuất phát từ sự giận dữ hay căng thẳng nội tại, trong đó HVGH được thực hiện nhằm thỏa mãn hay giải tỏa cơn giận giữ, sự căng thẳng với mục đích có thể nhằm vào ai đó, vật nào đó hay đôi khi chuyển ngược vào chính bản thân mình.

- Gây hấn phương tiện chỉ mang ý nghĩa như một phương tiện, một công cụ nhằm đạt được những mục đích khác mà không phải là sự giải tỏa trực tiếp những giận dữ hay căng thẳng nội tại như trên.

Tổng kết lại cho thấy, dù HVGH có ở dạng nào đi chăng nữa thì nó cũng mang lại hậu quả trực tiếp cho người bị gây hấn những tổn hại về tinh thần, thể chất và những hệ lụy về sau. Bởi vậy cần có những biện pháp thiết thực để nâng cao nhận thức và kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa hành vi này góp phần xây dựng một cuộc sống lành mạnh, tích cực cho mọi người.

▼ Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn

• **Các yếu tố chủ quan.**

- Ảnh hưởng của hệ thần kinh.
- Ảnh hưởng của gen.
- Ảnh hưởng của hormon.
- Ảnh hưởng của kiểu khí chất.
- Ảnh hưởng của nhận thức cảm xúc và hành động liên quan đến HVGH
- Kiểu nhân cách khác nhau có ảnh hưởng đến hành vi gây hấn.

✓ Các yếu tố khách quan.

- Ảnh hưởng của môi trường sống tới hành vi gây hấn.
- + Ảnh hưởng của sức nóng.
- + Ảnh hưởng của các chất kích thích.
- Ảnh hưởng của thông tin qua phương tiện truyền thông đến gây hấn.

PHỤ LỤC 5: HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

▼ Đặc điểm sinh lý.

Về mặt giải phẫu sinh lý và thể chất, lứa trẻ đã có những điều kiện chín muồi cơ bản mà đặc điểm nổi bật nhất là sự phát triển của quá trình phát dục. Tiếp đó là những cải tổ của cơ thể về mặt hình thái của các mô và các tuyến nội tiết như tuyến sinh dục, tuyến giáp trạng, tuyến thượng thận. Hoạt động của các tuyến này dẫn đến thay đổi về hình dáng bề ngoài, đặc biệt là những thay đổi về tâm sinh lý bên trong dẫn đến việc trẻ có thể không làm chủ được hành vi của bản thân, dễ dàng nổi nóng và có khả năng nảy sinh những hành vi chống đối, gây hấn.

▼ Đặc điểm tâm lý.

Không chỉ có những biến đổi về mặt sinh lý mà lứa tuổi này còn có những “biến động” sâu sắc về mặt tâm lý. Các em ý thức được sự lóng ngóng của mình và cố che giấu bằng những điều bộ không tự nhiên, cầu kì, cố tỏ ra mạnh bạo, can đảm để người khác không chú ý đến vẻ bề ngoài của mình. Chỉ một sự mỉa mai chế giễu nhẹ nhàng về hình thể, cách cư xử, tư thế đi đứng của các em đều gây cho các em có những phản ứng mạnh mẽ.

Do tuyến nội tiết hoạt động mạnh khiến cho các em dễ xúc động nhưng cũng dễ bực tức, nổi khùng. Vì thế, trong thực tế chúng ta thường thấy các em có những phản ứng gay gắt, mạnh mẽ khi bị người khác phê phán và có những xúc động mạnh. Hệ thần kinh của trẻ vị thành niên còn chưa có khả năng chịu đựng những kích thích mạnh, đơn điệu, kéo dài, mà những kích thích này dễ gây cho các em tình trạng bị thần kinh bị ức chế hay ngược lại, xảy ra tình trạng bị kích động mạnh.

Cùng với quá trình trưởng thành của toàn cơ thể và của cơ quan sinh dục, nhiều hành vi tình dục xuất hiện (thủ dâm ở nam cũng như nữ, khuynh hướng quan hệ tình dục cùng giới hay khác giới trước hôn nhân...) và những

hành vi này được các tác giả xem là biểu hiện bình thường và nhất thời của sự phát triển trong lứa tuổi này. Sự phát dục là quy luật phát triển bình thường của vị thành niên. Sự phát dục kéo theo sự trưởng thành của cơ thể, nhưng còn non nớt về mặt kinh nghiệm xã hội. Khó khăn của trẻ vị thành niên chủ yếu là do các em chưa đánh giá, chưa biết kìm hãm và đa số các ham muốn của mình hướng theo bản năng mà chưa tuân theo chuẩn mực xã hội, chưa biết kiểm tra tình cảm và hành vi của mình, chưa biết xây dựng mối quan hệ đúng đắn với bạn khác giới.

Ở lứa tuổi này, các em bắt đầu có sự phát triển tính độc lập nên giảm thiểu sự phụ thuộc từ phía cha mẹ. Các em có khả năng tự ý thức và đánh giá bản thân cũng như trong quá trình xây dựng “bản sắc” điều này được thể hiện rõ hơn ở giai đoạn sau ở lứa tuổi đầu thanh niên.

Ở lứa tuổi này có sự ghi nhận đáng kể bởi sự phát triển các mối quan hệ xã hội. Giao tiếp với bạn cùng lứa tuổi là hoạt động chủ đạo của trẻ vị thành niên và hoạt động học tập bị đẩy lùi lại phía sau. Trẻ vị thành niên lĩnh hội chuẩn mực hành vi, đạo đức và hình thành sự bình đẳng, lòng tin với nhau.

Việc duy trì được bầu không khí tình cảm ấm áp và hiểu biết lẫn nhau giữa cha mẹ con cái phụ thuộc rất nhiều vào sự hiểu biết của người lớn đối với trẻ ở lứa tuổi này và ở thái độ ứng xử ân cần và tế nhị của người lớn.

Ở trẻ vị thành niên xuất hiện những nhạy cảm về giới, cảm xúc giới tính và có những đặc điểm hành vi riêng biệt (bắt đầu quan tâm đến bạn khác giới một cách kín đáo). Một số em đã có những cuộc hẹn hò với bạn khác giới lúc 15 tuổi, thậm chí tình yêu con trẻ bắt đầu nhen nhóm ở lứa tuổi này. Vào cuối năm phổ thông, đa số các em có một bạn khác giới ổn định, công khai trong nhóm bạn.

Ở học sinh tuổi vị thành niên cũng bắt đầu bộc lộ rõ những tình cảm đạo đức như khâm phục, kính trọng những con người dũng cảm, kiên cường, coi trọng những giá trị đạo đức cũng như lương tâm. Các em mong muốn làm được một điều gì đó mang lại lợi ích cho nhiều người, thể hiện sức mạnh

thanh xuân của mình. Những tình cảm cao đẹp khác về trí tuệ, thẩm mỹ cũng được hình thành một cách khá sâu sắc. Nhiều em say mê văn học nghệ thuật hoặc những môn khoa học khác nhau và phấn đấu đạt thành tích vì nó một cách không mệt mỏi...

Bên cạnh sự phát triển về mặt tâm lý nhân cách và hành vi mang tính tích cực, thì đây cũng là thời điểm nhạy cảm do đặc tính của lứa tuổi dễ bị kích động, thích thể hiện, muốn khám phá chứng tỏ bản thân và chưa có sự trưởng thành đầy đủ về mặt xã hội nói chung nên cũng rất dễ xuất hiện những hành vi có nguy cơ như nghiện thuốc lá, rượu, ma túy; quan hệ tình dục không an toàn dẫn đến mắc các bệnh xã hội; các hành vi mạo hiểm như phóng nhanh vượt ẩu, đua xe, chơi các môn mạo hiểm hay tham gia các băng nhóm xấu... Trong nhà trường THCS hiện nay cũng đã và đang phải đối diện với những vấn đề nan giải của những hiện tượng tiêu cực xã hội xâm nhập, len lỏi và bùng phát trong chính môi trường mà tưởng chừng như chỉ dành cho hoạt động giáo dục cùng những mối quan hệ lành mạnh này. Việc học sinh trốn học, nghiện game, sử dụng chất kích thích như rượu bia, ma túy, gây gổ, đánh nhau... cùng những biểu hiện đa dạng của HVGH ngay tại trường học không phải là một hiện tượng hiếm thấy trong thực tế.

**PHỤ LỤC 6: LƯỢNG GIÁ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ KỸ
NĂNG CỦA NHÂN VIÊN XÃ HỘI SAU HOẠT ĐỘNG
CTXH CÁ NHÂN VÀ NHÓM**

Sau khi kết thúc quá trình sinh hoạt nhóm tác giả rút ra được một số bài học sau:

+ Cần phải có sự kiên trì đối với các thành viên tham gia nhóm: Khi mới bắt đầu các em tham gia hoạt động nhóm các em hầu như rất rất thụ động, các em chưa hình dung ra mình cần phải làm gì, hơn nữa nhiều khi các em còn tỏ ra chống đối đặc biệt là đối với những em có hành vi gây hấn, các em tỏ ra bất cần và không hợp tác. Chính vì thế nhân viên xã hội cần phải có sự kiên trì để tiếp cận với các em, làm cho các em tin tưởng vào mình, giúp các em hiểu được mục đích của các em khi đến với nhóm là gì? Từ đó làm cho các em nhận thấy việc tham gia nhóm là một điều có ý nghĩa với mình, để các em chủ động hơn, hợp tác hơn và có trách nhiệm với hoạt động của nhóm hơn.

+ Cần phải thật sự thấu hiểu các thành viên: Trong nhóm có những thành viên là những học sinh ưu tú, ngoan ngoãn, có những thành viên là những bạn có hành vi gây hấn. Chính vì thế mà tâm lý, suy nghĩ của các em không giống nhau. Đặc biệt là đối với những bạn có hành vi gây hấn, tâm lý của các em luôn có cái gì đó rất bi quan, tiêu cực và các em không hòa nhập với các thành viên khác trong nhóm. Chính vì thế nhân viên xã hội cần phải thấu hiểu được những suy nghĩ đó của các em để có những biện pháp can thiệp phù hợp để giúp các em có suy nghĩ tích cực hơn và có thể hòa nhập vào với nhóm cùng với nhóm đạt mục tiêu đề ra một cách hiệu quả nhất.

+ Cần phải tích lũy kiến thức nhiều hơn nữa đặc biệt là kiến thức về gây hấn học đường cũng như giúp các em có cái nhìn đúng đắn và phong phú về vấn đề gây hấn học đường để từ đó các em có ý thức hơn trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu các hành vi gây hấn.

+ Cần trau dồi kỹ năng chuyên môn thêm nữa: Kỹ năng là điều mà rất cần thiết đối với nhân viên xã hội, nó có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quá trình làm việc và hỗ trợ thân chủ. Trong quá trình tổ chức sinh hoạt nhóm nhân viên xã hội áp dụng khá nhiều kỹ năng nhưng các kỹ năng được áp dụng chưa thuần thục và nhuần nhuyễn. Khi điều phối các em trong các hoạt động nhân viên xã hội cần linh hoạt và hiệu quả nhiều em tỏ ra chưa hợp tác và tích cực tham gia các hoạt động nhóm.

Ø Các kỹ năng đã sử dụng:

Trong quá trình tổ chức sinh hoạt nhóm nhằm hỗ trợ giảm thiểu các hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở nhân viên xã hội đã sử dụng một số kỹ năng chuyên môn của mình để tiến hành hỗ trợ:

+ Kỹ năng điều phối: Kỹ năng này được thể hiện bằng việc giúp các thành viên trong nhóm hòa động với nhau, từ lúc ban đầu các em còn rụt rè, thụ động thậm chí là chống đối thì bằng sự quan tâm, thấu hiểu của mình nhân viên xã hội đã giúp cho các thành viên trong nhóm thân quen nhau hơn, hiểu nhau hơn và xây dựng nên một bầu không khí ấm áp, an toàn trong các buổi sinh hoạt.

Kỹ năng này còn được thể hiện ở việc nhân viên xã hội đã phân công công việc cho các thành viên trong nhóm một cách phù hợp trong các buổi sinh hoạt việc phân công công việc phù hợp được thể hiện trong các buổi sinh hoạt nhân viên công tác xã hội phân chia thành các nhóm nhỏ và mỗi nhóm sẽ thảo luận một nội dung sau đó các nhóm sẽ trình bày, các nhóm khác sẽ góp ý, nhân viên công tác xã hội sẽ chốt lại vấn đề.

Kích thích sự tham gia của các thành viên bằng việc đưa ra các tình huống để các em nói ra cảm nhận của mình hoặc kích thích các em chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của mình về những hành vi gây hấn mà các em đã trải qua hoặc chứng kiến và tạo ra những hoạt động để các thành viên cùng tham gia.

+ Kỹ năng làm mẫu: kỹ năng này của nhân viên công tác xã hội được thể hiện trong hoạt động trải nghiệm cảm xúc thông qua các bài tập, nhân viên công tác xã hội là người hướng dẫn, làm mẫu các động tác sau đó các thành viên sẽ làm theo. Việc làm mẫu như vậy sẽ giúp các thành viên không bị lung túng khi bắt đầu làm. Các em sẽ quan sát những động tác mà nhân viên công tác xã hội làm trước sau đó sẽ cùng nhân viên công tác xã hội thực hiện lại các động tác điều hòa cảm xúc mà nhân viên công tác xã hội vừa làm. Làm như vậy khiến cho hiệu quả của các bài tập được nâng cao.

+ Kỹ năng tạo lập liên hệ giữa các cá nhân trong nhóm: Kỹ năng này được thể hiện ở việc nhân viên công tác xã hội tỏ ra thân thiện, ấm áp, tôn trọng các thành viên trong nhóm mặc dù những thành viên có hành vi gây hấn ban đầu tỏ ra chống đối và bất cần nhưng nhân viên công tác xã hội vẫn luôn tôn trọng, không phê phán các thành viên đó mà thông qua những cử chỉ thân thiện, ánh mắt quan tâm hay bằng việc gọi chính xác tên của thành viên đó trong buổi sinh hoạt đầu tiên để tạo được niềm tin của thành viên đó với nhân viên công tác xã hội tạo cho thành viên đó cảm giác an toàn, an tâm và được tôn trọng từ đó thu hút các thành viên nhóm tham gia vào các hoạt động của nhóm.

+ Kỹ năng hướng dẫn tương tác nhóm: Các thành viên trong nhóm có những em cùng lớp, có những em không cùng lớp, có những em là học sinh ngoan ngoãn, gương mẫu, có những em đã có hành vi gây hấn. Chính vì thế mà các em không tương tác tích cực với nhau. Những em cùng lớp tương tác với nhau rất tốt nhưng với những em không cùng lớp thì các em không tương tác hoặc tương tác rất ít. Chính vì thế trong quá các hoạt động ở các buổi sinh hoạt nhân viên công tác xã hội đã chia nhóm nhỏ các thành viên, mỗi nhóm đều có các thành viên khác lớp nhau và có cả thành viên có hành vi gây hấn và yêu cầu các thành viên phải có sự thảo luận với nhau để đưa ra ý kiến chung và trong mỗi buổi sinh, mỗi hoạt động khác nhau sẽ hoán đổi các thành

viên của các nhóm nhỏ cho nhau để các thành viên có sự tương tác với nhau nhiều hơn và hiểu về nhau nhiều hơn.

+ Kỹ năng thấu cảm: Đối với nhóm có thành viên có hành vi gây hấn thì việc nhân viên công tác xã hội thấu hiểu được những suy nghĩ, cảm nhận của các em là điều rất quan trọng. Kỹ năng này được nhân viên công tác xã hội thể hiện bằng cách nhân viên công tác xã hội đã đặt mình vào vị trí của các thành viên trong nhóm, đặc biệt là những thành viên có hành vi gây hấn để hiểu được suy nghĩ của các em, hiểu được vì sao các em lại tỏ ra chống đối và bất cần khi mới tham gia nhóm từ đó nhân viên công tác xã hội đã có biện pháp thích hợp để các em có suy nghĩ tích cực hơn, giúp các em cảm nhận được rằng mình đang được quan tâm và tôn trọng.